

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV
Báo cáo thường niên 2015



MỘT THẬP KỶ VỮNG BƯỚC VƯƠN XA
(28/12/2005- 28/12/2015)

Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam
Xếp hạng B+ bởi A.M.Best
Top 50 Công ty niêm yết hoạt động hiệu quả nhất Việt Nam
Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam
Top 1.000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam
Doanh nghiệp có chỉ số đòn bẩy tốt nhất Việt Nam

MỤC LỤC

Phần 1 - Thông điệp 2015	4
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	4
Thông điệp của Tổng Giám đốc	8
Thông điệp của Cổ đông chiến lược.....	11
Các sự kiện tiêu biểu trong năm 2015	13
Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản năm 2015.....	14
Danh hiệu và các giải thưởng	16
Phần 2 - Thông tin chung về BIC	17
Hành trình một thập kỷ vững bước vươn xa.....	18
Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh	25
Mô hình tổ chức, bộ máy lãnh đạo	26
Phần 3 - Hoạt động của BIC năm 2015 và kế hoạch 2016	33
Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ 2015 và dự báo 2016	33
Kết quả kinh doanh của BIC năm 2015.....	36
<i>Hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>	36
Hoạt động đầu tư và dịch vụ tài chính.....	37
Kết quả hoạt động của các Liên doanh.....	39
<i>Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt</i>	39
Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam (CVI)	40
Những tiến bộ đã đạt được năm 2015 của BIC	42
<i>Tăng trưởng đạt mức cao nhất sau cổ phần hóa</i>	42
<i>Hợp tác chiến lược với nhà bảo hiểm hàng đầu thế giới – Nâng tầm thương hiệu</i>	42
<i>Hoạt động kinh doanh hiệu quả tại thị trường hải ngoại</i>	43
<i>Quản trị rủi ro hiệu quả - Đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh</i>	44
<i>Mở rộng hoạt động tại các địa bàn trọng điểm</i>	44
<i>Các kênh phân phối bán lẻ thành công rực rỡ</i>	44
Kế hoạch và giải pháp thực hiện năm 2016.....	47
Mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016 – 2020	48
Phần 3 - Hướng tới phát triển bền vững	49
Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững.....	50
Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.....	50
Đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư, cổ đông	52
Trách nhiệm doanh nghiệp với cộng đồng	54

Chính sách cho người lao động	56
Kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường	58
Phần 4: Quản trị doanh nghiệp.....	59
Báo cáo hoạt động của HĐQT.....	59
Báo cáo hoạt động của Ban KS	61
Báo cáo quản trị.....	61
Phần 5 - Quan hệ cổ đông	63
Thông tin cổ phiếu BIC	63
Cơ cấu cổ đông (*)	64
Tình hình thay đổi vốn điều lệ.....	65
Phần 6: Báo cáo tài chính	66

Phần 1 - Thông điệp 2015

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT



Quý cổ đông, đối tác và các khách hàng thân mến,

Lời đầu tiên, thay mặt Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, tôi xin cảm ơn các Quý cổ đông, đối tác và khách hàng đã đồng hành cùng BIC trên chặng đường 10 năm qua.

Ra đời để thực hiện sứ mệnh “khép kín” chu trình cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng của BIDV, 10 năm qua BIC đã luôn cố gắng để làm tốt hơn nữa sứ mệnh này. Với số vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng và chỉ vùn vện hơn 20 cán bộ, tới nay BIC đã có trên 750 cán bộ nhân viên và vốn tự có gần 2.000 tỷ đồng. BIC liên tục là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có tốc độ tăng trưởng cũng như tỷ suất sinh lời cao nhất, được biết đến là một doanh nghiệp năng động trong việc phát triển kinh doanh ra thị trường hải ngoại và đi đầu trong việc phát triển các kênh phân phối mới, hiện đại. BIC liên tiếp đứng trong TOP các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao nhất Việt Nam, TOP các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả nhất, đạt được nhiều chứng nhận, bằng khen uy tín của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước.

Sự trưởng thành của BIC hôm nay là tâm huyết và cống hiến của hơn 750 cán bộ nhân viên, và cũng là kết quả của sự tin tưởng, ủng hộ của các khách hàng, cổ đông, đối tác. Sự tín nhiệm của Quý vị là động lực và cũng là mục tiêu mà BIC luôn mong mỏi đạt được trong suốt chặng đường 10 năm qua cũng như chặng đường phía trước.

2015 là một năm khởi sắc của toàn thị trường bảo hiểm, với mức tăng trưởng cao nhất kể từ 2010 (thời điểm bắt đầu khủng hoảng kinh tế). BIC tiếp tục kiên trì theo đuổi chiến lược tăng trưởng gắn liền với hiệu quả hoạt động thông qua nhiều giải pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh. Nhờ nhiều giải pháp sáng tạo và sự quyết tâm cao, 2015 tiếp tục là một năm thành công của BIC, hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh đều vượt mục tiêu đề ra. Đây là một kết quả đáng khích lệ và tự hào của BIC trong năm thứ 10 hoạt động.

Năm 2015 BIC đã có được mối “duyên” tốt với nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là FairFax Financial Holdings – Tập đoàn tài chính bảo hiểm toàn cầu đến từ Canada. Hiện FairFax đã nắm giữ 35% cổ phần của BIC và đã cử các nhân sự cấp cao tham gia bộ máy Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát BIC. FairFax và BIC cũng đang cùng nhau triển khai các hạng mục cụ thể trong Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật theo cam kết của FairFax với vai trò là cổ đông chiến lược của BIC. Sự kiện hợp tác chiến lược giữa BIC và FairFax có ý nghĩa không chỉ với riêng BIC mà còn với cả thị trường bảo hiểm Việt Nam, cho thấy sự đề cao của một nhà bảo hiểm toàn cầu đối với thị trường bảo hiểm Việt Nam. Đối với riêng BIC, hợp tác này đã mở ra một trang mới trong quá trình phát triển.

Bên cạnh hợp tác chiến lược với FairFax, các kết quả kinh doanh của BIC vô cùng đáng khích lệ. Cụ thể, tổng doanh thu phí bảo hiểm của riêng Công ty mẹ đạt 1.478,7 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 1.280,6 tỷ đồng, tăng trưởng 29,2%, gần gấp 2 lần so với mức tăng trưởng bình quân toàn thị trường và là mức tăng trưởng tốt nhất trong 5 năm qua.

Năm 2015, BIC tiếp tục duy trì mức định hạng tín nhiệm B+ từ A.M.Best (năng lực tài chính vững mạnh), định hạng năng lực tổ chức phát hành đạt mức bbb- (công ty duy trì được khả năng thực hiện các cam kết tài chính tốt). Triển vọng nâng hạng cho cả hai chỉ tiêu này là Ổn định. Tới đây, sự tham gia của FairFax với vai trò là cổ đông chiến lược cùng những cam kết hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật trong năm 2016 thì triển vọng để nâng hạng của BIC chắc chắn sẽ rất khả quan.

Trước xu hướng hội nhập của đất nước, có thể nói BIC là doanh nghiệp “đi trước, đón đầu” khi đã chủ động mở rộng hoạt động ra nước ngoài từ sớm. Sau giai đoạn gây dựng, tới nay, hoạt động đầu tư nước ngoài đã mang lại lợi ích lớn cho hoạt động chung của BIC. Cụ thể, trong năm 2015, lợi nhuận từ Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (công ty con của BIC tại Lào) đạt 1,88 triệu USD, tăng 37,8% so với năm 2014. Khoản lợi nhuận này đóng góp khoảng 26% trong tổng lợi nhuận hợp nhất của BIC. Điều này đã khẳng định sự thành công của chiến lược đầu tư ra nước ngoài của BIC. Cùng với thành công tại Lào, BIC cũng đã đưa vào hoạt động Văn phòng đại diện tại Myanmar, tạo tiền đề cho việc thành lập Công ty bảo hiểm tại Myanmar trong thời gian tới.

Nhờ các kết quả khả quan trong hoạt động và nhiều sự kiện cho thấy sự trưởng thành và hiệu quả của BIC, trong năm vừa qua, cổ phiếu BIC là một trong những cổ phiếu dẫn đầu về giá và thanh khoản trong các cổ phiếu bảo hiểm niêm yết trên thị trường. Trong các Quý 2 và 3, cùng với sự tiến triển trong việc hợp tác với nhà đầu tư chiến lược Fairfax và xếp hạng tín nhiệm của A.M.Best dành cho BIC, mã cổ phiếu BIC liên tục tăng, đặc biệt có nhiều thời điểm đạt mức cao nhất trong các cổ phiếu bảo hiểm phi nhân thọ niêm yết trên thị trường.

Thưa Quý vị,

Năm 2015, với vai trò là tấm lá chắn tài chính của khách hàng trước các rủi ro bất ngờ, BIC đã chi trả chi phí bồi thường là 344,6 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2014. Trong khi đó, BIC vẫn phải đảm bảo duy trì tỷ lệ bồi thường trên mức giữ lại ở ngưỡng an toàn đối với một công ty bảo hiểm - năm 2015 tỷ lệ này là 41,9%. Vừa đảm bảo tài chính vững chắc cho khách hàng, vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả và bền vững – hai nhiệm vụ này quả là rất thách thức đối với tất cả các công ty bảo hiểm nói chung và BIC nói riêng, thể hiện năng lực quản trị của Ban lãnh đạo công ty.

Năm 2016 là năm nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu rộng trong khu vực và trên thế giới với việc là thành viên của Cộng đồng ASEAN, chuẩn bị thực thi nhiều Hiệp định thương mại tự do, ... Với lộ trình mở cửa, hội nhập của Chính phủ, sẽ tạo ra cơ hội kinh doanh rất lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam cũng như BIC. Mặt khác, sau giai đoạn suy thoái kinh tế, tăng trưởng kinh tế vĩ mô đang lấy được đà tăng tốt, thị trường bảo hiểm dự báo cũng sẽ tăng mạnh mẽ. Đối với BIC, 2016 sẽ là năm diễn ra nhiều thay đổi quan trọng:

Thứ nhất, sự tham gia của đối tác chiến lược Fairfax trong hoạt động quản trị, điều hành của BIC sẽ tạo nên các thay đổi tích cực. BIC có thể hưởng lợi từ những kinh nghiệm, kỹ năng và hiểu biết của Fairfax ở những thị trường đi trước thị trường Việt Nam, qua đó có những bài học phù hợp để có lộ trình chuyển đổi, cơ cấu lại danh mục khách hàng, sản phẩm tạo ra sự thay đổi, khác biệt với các công ty khác trên thị trường. Trong những tháng cuối năm 2015, BIC và Fairfax đã cùng nhau khởi động dự án Hỗ trợ kỹ thuật giữa BIC và Fairfax, các chuyên gia giỏi nhất trên toàn cầu với nhiều kinh nghiệm tại Anh, Mỹ, Canada và các nước Châu Á đã được Fairfax cử tham gia dự án. BIC cũng đã thành lập 12 nhóm dự án tại Trụ sở

chính gồm nhiều cán bộ chủ chốt có trình độ và giàu kinh nghiệm để cùng phối hợp với đối tác. Sự cầu thị của BIC và cam kết của đối tác chiến lược chắc chắn sẽ mang lại những thay đổi tích cực trong hoạt động của BIC, tin rằng sẽ tạo nên một BIC mới mẻ và khác biệt với năng lực cạnh tranh vượt trội. Bên cạnh những hỗ trợ kỹ thuật, FairFax cũng sẽ mang lại một làn gió mới trong phong cách kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp của BIC.

Thứ hai, với việc hội nhập của nền kinh tế Việt Nam, cơ hội kinh doanh mở ra cho BIC là rất lớn. Có thể nói BIC đã đi trước một bước so với các đối thủ khi đã chủ động mở rộng đầu tư ra hải ngoại, chủ động hợp tác với các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, hội nhập cũng là cơ hội của các công ty bảo hiểm nước ngoài tiếp cận thị trường trong nước, để thực sự trở nên khác biệt và thay đổi so với các đối thủ cạnh tranh, BIC sẽ phải có những chiến lược, chiến thuật phù hợp với tình hình mới. Từ kinh nghiệm của Fairfax đã có ở những thị trường đi trước Việt Nam như Ấn độ, Trung Quốc, Thái Lan, Singapore,... hy vọng rằng sẽ giúp BIC tiếp tục chinh phục thành công thị trường Việt Nam.

Bên cạnh đó, từ ngày 15/2/2016, Nghị định số 135/2015/NĐ-CP quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chính thức có hiệu lực. Đây cũng là một cơ hội của BIC đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, đa dạng danh mục đầu tư để tăng khả năng sinh lời.

Thứ ba, sau khi giao dịch với Fairfax thành công, vốn tự có của BIC đã tăng lên 2.000 tỷ đồng. Đây là cơ hội tốt để BIC thực hiện kế hoạch mà BIC đã “áp ủ” từ lâu, đó là chuyển đổi mô hình tổ chức sang Công ty mẹ - con. Theo đó, Quý cổ đông sẽ sở hữu cổ phần tại Công ty mẹ với chức năng chính là huy động và phân bổ vốn hiệu quả, thực hiện tách Giấy phép kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ hiện nay để thành lập Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn. Lộ trình chuyển đổi và phương án chuyển đổi sẽ được Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 phê duyệt.

Bên cạnh đó, các mục tiêu kinh doanh 2016 sẽ quyết tâm đạt được gồm:

- **Tổng doanh thu phí bảo hiểm (phát sinh) riêng BIC:** 1.750 tỷ đồng. Trong đó phí bảo hiểm gốc là 1.570 tỷ đồng.

- **Tỷ lệ chi phí kết hợp:** < 100%

- **Lợi nhuận trước thuế riêng BIC:** 182 tỷ đồng

- **Lợi nhuận trước thuế hợp nhất:** 230 tỷ đồng.

Với đặc thù kinh doanh rủi ro, bên cạnh việc phải tuân thủ các quy định về thanh khoản, về giới hạn tài chính đối với công ty bảo hiểm, BIC cũng phải đảm bảo an toàn tài chính, đảm bảo nguồn tiền chi trả cho khách hàng khi có rủi ro bất ngờ xảy ra. Đồng thời, áp lực về hiệu quả, lợi nhuận của công ty niêm yết luôn đòi hỏi BIC phải không ngừng thay đổi, cải tiến, nâng cao năng lực cạnh tranh để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông. Sẽ còn nhiều việc BIC phải làm để chinh phục thị trường. BIC đã có sự trợ giúp từ đối tác chiến lược FairFax, vốn đã nhiều kinh nghiệm ở các thị trường đi trước Việt Nam như Trung Quốc, Ấn độ, Thái Lan, Singapore,... chắc chắn sẽ có giải pháp phù hợp đặc thù thị trường bảo hiểm Việt Nam. Tôi tin tưởng rằng BIC chắc chắn sẽ thực hiện tốt các mục tiêu năm 2016, tạo tiền đề để hoàn thành các mục tiêu chiến lược tới năm 2020.

Mục tiêu nào cũng sẽ trở nên khó khăn nếu thiếu đi sự hợp tác và ủng hộ của những người bạn đồng hành quan trọng của BIC, đó chính là Quý vị. Tôi mong rằng, Quý vị sẽ tiếp tục bước cùng BIC trên chặng đường quan trọng phía trước, ủng hộ mỗi bước đi của chúng tôi để

BIC thực sự đổi thay và khác biệt trên thị trường. Chúng tôi cũng sẽ nỗ lực hết sức mình để không phụ sự tin tưởng và kỳ vọng của Quý vị!

Chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chủ tịch HĐQT

Phạm Quang Tùng

Thông điệp của Tổng Giám đốc



Kính thưa các Quý vị,

Năm 2015 là một năm đáng nhớ của BIC - năm BIC kỷ niệm 10 năm thành lập và phát triển. Thay mặt Ban Điều hành, tôi bày tỏ sự vui mừng, tự hào và xin thông báo tới Quý vị rằng BIC đã đạt được một số kết quả kinh doanh rất đáng ghi nhận trong năm 2015. Thành tựu này được tạo nên bởi sự tập trung cao độ và nỗ lực không ngừng nghỉ trong năm qua của toàn thể cán bộ nhân viên BIC. BIC đang đến rất gần với mục tiêu trở thành một trong những công ty bảo hiểm hàng đầu thị trường. Tập thể BIC tin rằng đây mới chỉ là một trong những thành quả đầu tiên trong rất nhiều mục tiêu mà BIC có thể đạt được trong hành trình 5 năm tới, với nền tảng đã xây dựng được cũng như tầm nhìn xa của Ban lãnh đạo và sự đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên.

nhân viên.

Tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới các Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và đối tác đã đồng hành và ủng hộ BIC trong năm vừa qua. Chúng tôi cũng đặc biệt cảm ơn sự đóng góp của toàn thể cán bộ nhân viên BIC đã chung sức cho sự phát triển của BIC.

Tăng trưởng cao nhất kể từ sau khi cổ phần hóa

Năm 2015, về quy mô hoạt động, BIC duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ở mức cao, doanh thu phí gốc tăng trưởng 29,2% so với năm 2014, gấp gần 2 lần so với mức bình quân của toàn thị trường là 17,2%. Kể từ sau cổ phần hóa, năm 2015 là năm BIC có tốc độ tăng trưởng cao nhất. Nhờ đó, thị phần bảo hiểm gốc của BIC có cải thiện về số tuyệt đối và duy trì xu hướng tăng qua các năm: năm 2013: 3,2%; năm 2014: 3,6%; năm 2015 ước: 4,0%.

Bên cạnh đó, nhiều giải pháp tăng cường hiệu quả hoạt động được triển khai đồng bộ trong đó có các giải pháp về tiết giảm chi phí, đặc biệt là chi phí hoạt động. Năm 2015, mặc dù đã phát sinh nhiều chi phí do mở rộng mạng lưới kinh doanh, tuy nhiên, với việc tăng cường quản lý chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm đã được kiểm soát tốt. Tỷ lệ chi phí hoạt động năm 2015 của BIC đã giảm 3,4% so với năm 2014. Tỷ lệ nợ phí của toàn Tổng công ty được duy trì ở mức 5,1%, giảm 2% so với năm 2014. Việc duy trì tỷ lệ nợ phí thấp trong bối cảnh kinh tế khó khăn đã tạo cho BIC duy trì tốt dòng tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm để tăng nguồn vốn cho hoạt động đầu tư.

Năm 2015, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của BIC đạt 157 tỷ đồng, tăng trưởng 14% so với năm 2014, hoàn thành 109% kế hoạch. Trong bối cảnh tỷ lệ bồi thường chung của thị trường tăng cao, BIC vẫn duy trì tỷ lệ bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại thấp hơn tỷ lệ chung toàn thị trường (41,9%), đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh.

Mở rộng mạng lưới, đẩy mạnh hoạt động bán lẻ

Bên cạnh áp dụng các cơ chế, chính sách thúc đẩy tối đa hoạt động kinh doanh, BIC cũng tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động để khai thác tiềm năng của các địa bàn trọng điểm. Tiếp theo việc thành lập 3 công ty thành viên tại Tiền Giang, Lào Cai, Sơn La, BIC đã được Bộ Tài chính chấp thuận cho việc thành lập thêm công ty thành viên thứ 26 tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (BIC Bến Thành). Như vậy, tại riêng địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, BIC đã có 3

công ty thành viên hoạt động, hy vọng sẽ tiếp thêm lực để phục vụ khách hàng tại địa bàn rộng lớn và tiềm năng này. Tại hải ngoại, sau nhiều nỗ lực tìm kiếm cơ hội, BIC đã chính thức đưa vào hoạt động Văn phòng đại diện tại Myanmar, tạo tiền đề quan trọng cho việc xúc tiến thành lập Công ty bảo hiểm phi nhân thọ trong thời gian tới. Với LVI tại Lào, CVI tại Campuchia và Văn phòng đại diện tại Myanmar, có thể nói, BIC là doanh nghiệp bảo hiểm đầu tiên và duy nhất có mạng lưới hoạt động tại hải ngoại rộng nhất và hoạt động hiệu quả nhất.

Đi cùng với việc mở rộng mạng lưới hoạt động, hoạt động bán lẻ cũng được triển khai mạnh mẽ và được xác định là thành tố quan trọng cho chiến lược chinh phục địa bàn và khách hàng của BIC. Bên cạnh bám sát hệ thống BIDV, liên tục cải tiến các sản phẩm và quy trình phù hợp với nhu cầu khách hàng của BIDV, năm 2015 BIC cũng đã mở rộng hợp tác thành công với nhiều ngân hàng lớn như: Techcombank, VPBank, Ngân hàng Phương Đông (OCB),... Các kênh phân phối phục vụ bán lẻ như Bancassurance, bảo hiểm trực tuyến, Telesales có tốc độ tăng trưởng tốt đã đóng góp đáng kể trong tổng doanh thu phí của BIC.

Hoàn tất giao dịch phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài

Quá trình tìm kiếm cổ đông chiến lược của BIC khởi động từ sau khi cổ phần hóa, năm 2010, và đã bị gián đoạn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới từ 2011 - 2013. Năm 2014, khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi, BIC đã quyết tâm chốt giao dịch này. BIC đã tìm được FairFax Asia Ltd., một công ty con thuộc sở hữu toàn bộ của Fairfax Financial Holdings, Tập đoàn tài chính bảo hiểm toàn cầu có trụ sở tại Canada. Sau khi hoàn tất giao dịch, Fairfax đã sở hữu 35% cổ phần của BIC và trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của BIC.

Tin rằng với những kinh nghiệm thành công của FairFax trên toàn cầu cũng như các cam kết hợp tác và hỗ trợ của Fairfax dành cho BIC, BIC sẽ đạt được nhiều thành công hơn nữa trong thời gian tới.

Thành quả được ghi nhận

Nhờ nỗ lực đẩy mạnh kinh doanh và hoàn thiện hoạt động, BIC đã được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính hàng đầu thế giới A.M. Best công bố kết quả tái định hạng tín nhiệm ở mức tốt: định hạng năng lực tài chính của BIC đạt mức B+ (năng lực tài chính vững mạnh), định hạng năng lực tổ chức phát hành đạt mức bbb- (công ty duy trì được khả năng thực hiện các cam kết tài chính tốt). Triển vọng nâng hạng cho cả hai chỉ tiêu này là Ổn định.

BIC cũng tiếp tục được công nhận là 1 trong 50 doanh nghiệp niêm yết hoạt động hiệu quả nhất Việt Nam, 1 trong 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam và 1 trong 1.000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam. 2015 là năm thứ 5 liên tiếp BIC nhận được giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam.

Đặc biệt, trong dịp kỷ niệm 10 năm thành lập, BIC đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng 3. Đây là sự ghi nhận cao quý của Nhà nước đối với các nỗ lực và cố gắng của BIC trong 10 năm qua.

2016 – Năm bản lề của nhiều đổi thay

2016 sẽ là một năm có nhiều thay đổi với BIC, đặc biệt khi có sự đồng hành của Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài. Các mục tiêu kinh doanh mà BIC đặt ra cũng rất thách thức: **Tổng doanh thu phí bảo hiểm (phát sinh) riêng BIC: 1.750 tỷ đồng**, trong đó phí bảo hiểm gốc là

1.570 tỷ đồng.**Lợi nhuận trước thuế riêng BIC:** 182 tỷ đồng và **Lợi nhuận trước thuế hợp nhất:** 230 tỷ đồng. Bên cạnh đó là các mục tiêu táo bạo khác như: Chuyển Trụ sở BIC vào Thành phố Hồ Chí Minh để đón đầu cơ hội và lợi thế của thị trường này; Chuyển đổi mô hình hoạt động BIC sang mô hình Holdings (Công ty Mẹ - Con); Nâng mức định hạng tín nhiệm của A.M.Best lên B++; Tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ cổ đông chiến lược Fairfax;...

Môi trường kinh tế vĩ mô năm 2016 dự kiến còn nhiều biến động phức tạp do tác động từ các bất ổn chính trị - kinh tế thế giới cũng như các yếu tố nội tại của nền kinh tế vĩ mô Việt Nam, đặc biệt là yêu cầu ngày càng cao từ phía các cơ quan quản lý đối với các chuẩn mực quản trị trong lĩnh vực bảo hiểm. Nền kinh tế đang trên đà hồi phục, tạo điều kiện cho bức tranh ngành bảo hiểm trở nên sáng hơn sau thời kỳ tái cấu trúc. Điều này cũng đồng nghĩa với việc các công ty bảo hiểm đang lấy lại tư thế, sẵn sàng đẩy mạnh tăng trưởng, tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao trên thị trường, đặc biệt trong phân khúc bán lẻ. BIC sẽ bước vào năm 2016 với nhiều thử thách hơn các năm trước. Toàn thể Ban lãnh đạo và hơn 750 cán bộ nhân viên BIC tin rằng, khi chung một chí hướng, chúng tôi sẽ vượt qua mọi thách thức để vươn tới mục tiêu là một trong những công ty bảo hiểm hàng đầu Việt Nam trong tương lai không xa.

Trân trọng cảm ơn!

Tổng Giám đốc

Trần Hoài An

Thông điệp của Cổ đông chiến lược

Fairfax Financial Holding Limited (“FFHL”) là một Tập đoàn tài chính bảo hiểm toàn cầu có trụ ở tại Toronto, Canada, thông qua các công ty con hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm và quản lý đầu tư. FFHL được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Toronto.

Năm 2014, FairFax đạt doanh thu 10,02 tỷ USD và 1,67 tỷ USD lợi nhuận sau thuế và tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 có vốn chủ sở hữu 9,74 tỷ USD và tổng tài sản 36,13 tỷ USD.

Tại Châu Á, FairFax có hoạt động tại Ấn Độ, Indonesia, Trung Quốc, Malaysia, Singapore, Hong Kong, Thái Lan và Sri Lanka. Với doanh thu phí bảo hiểm riêng tại khu vực Châu Á đạt trên 3 tỷ USD, FairFax Asia là một trong những Công ty bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu tại Châu Á.

Thưa Quý vị,

Tôi vinh hạnh được chúc mừng Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) nhân kỷ niệm 10 năm thành lập công ty. Trong quá trình phát triển của mình, BIC đã tận dụng thành công rất nhiều cơ hội và vượt qua nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong lẫn bên ngoài, để vươn lên trở thành một trong 10 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu Việt Nam với những thành tích tăng trưởng và lợi nhuận rất ấn tượng.

Đây là dịp quan trọng để BIC tổ chức ăn mừng thành công và hướng đến những cơ hội mới trong tương lai, hứa hẹn mang lại những thành tựu lớn hơn nữa. Việt Nam đã trải qua năm thứ tư liên tiếp với kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát ở một con số, tỉ giá hối đoái ổn định, xuất khẩu tăng trưởng mạnh, cân bằng đối ngoại được giữ vững. Là nước có thu nhập trung bình, trong 5 năm tới, Việt Nam sẽ trải qua những sự kiện quan trọng như: Chuẩn bị Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội giai đoạn 5 năm 2016-2020, chuẩn bị văn kiện cho Đại hội Đảng lần thứ 12 đầu năm 2016. Đây là cơ hội có một không hai để tạo nên làn sóng cải cách mới, giúp Việt Nam gạt hái được những thành tựu ban đầu, nhằm nâng cao năng lực sản xuất, góp phần vào công cuộc hiện đại hóa kinh tế xã hội cũng như xây dựng một xã hội toàn diện hơn.

Chúng ta đã bắt đầu thấy những “phát súng” đầu tiên của cuộc cải cách như việc Chính phủ mở thêm các ngành để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, giảm các lĩnh vực bị hạn chế từ 51 xuống 6. Đây là dấu hiệu có lợi cho sự phát triển của ngành bảo hiểm phi nhân thọ và giúp Việt Nam trở thành một trong những thị trường bảo hiểm phi nhân thọ hấp dẫn nhất trong tương lai. Tầng lớp trung lưu tăng, thu nhập cũng như nhu cầu an ninh và ổn định, đầu tư hạ tầng cơ sở lớn hơn..., sẽ giúp ngành bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng ở mức hai con số/năm trong tương lai không xa. Do đó, Fairfax luôn nỗ lực thâm nhập và hoạt động tích cực ở thị trường Việt Nam, tin tưởng vào tiềm năng trong tương lai của nền kinh tế nói chung và ngành bảo hiểm nói riêng.

Fairfax đã tìm kiếm đối tác cho mình trong nhiều năm. Chúng tôi rất quan tâm tới quá trình hoạt động của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV với vai trò nhà cung cấp bảo hiểm phi nhân thọ và đã rất ấn tượng với sự phát triển trong chặng đường 10 năm của công ty. Công ty là nền móng cho thành công của BIDV, kết hợp quản trị doanh nghiệp, đạo đức kinh doanh, tận dụng nguồn nhân lực tâm huyết và lấy khách hàng làm trọng tâm, tất cả những điều này đã giúp khẳng định giá trị độc nhất, đưa công ty lên vị trí hàng đầu so với các đối thủ. Với thế mạnh và kinh nghiệm lâu năm của BIDV trong phân tích khách hàng và dịch vụ chăm sóc

khách hàng chất lượng, BIC có quyền hy vọng vào sự phát triển bền vững, giúp đưa công ty lọt vào Top 5 nhà cung cấp bảo hiểm của Việt Nam.

Chúng tôi coi BIC là một trong những đối tác tốt nhất hiện nay ở Việt Nam. Chính sách quản lý và lãnh đạo hiệu quả, tập trung vào lợi nhuận, có mặt ở khắp Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia và quan trọng nhất là mối quan hệ chặt chẽ với ngân hàng mẹ là BIDV giúp BIC trở thành một trong những đối tác thu hút nhất ở thị trường Việt Nam. Cùng với cam kết của Fairfax là đem đến những biện pháp, hỗ trợ chuyên môn và quản lý đầu tư tốt nhất, chúng tôi tin tưởng rằng, quan hệ hợp tác của chúng ta sẽ đánh dấu những thành công và sự phát triển mới trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

Cùng với BIDV, chúng tôi có thể tạo nên một trong những công ty bảo hiểm phi nhân thọ tốt nhất trên thị trường, được biết đến vì tinh thần đổi mới, lấy khách hàng làm trọng tâm và khả năng đem đến cho khách hàng những trải nghiệm tầm cỡ thế giới. Chúng tôi mong muốn đem văn hóa công bằng và thân thiện mà Fairfax đã thực hiện trên toàn thế giới đến Việt Nam và đặt những kỳ vọng lớn lao vào sự hợp tác của chúng ta. Chúng tôi tin tưởng rằng, BIC sẽ trở thành ngôi sao của Fairfax ở châu Á trong tương lai.

Cá nhân tôi muốn nói rằng, trên đời này không gì là không thể nếu chúng ta có sự quyết tâm, chăm chỉ và làm việc với tinh thần đồng đội. Cuộc hành trình ngàn dặm thì cũng phải được bắt đầu từng bước một, vì vậy hãy để chúng tôi thực hiện những bước đầu tiên xây dựng mối quan hệ hợp tác mà chúng ta có thể tự hào qua nhiều thế hệ mai sau.

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc FairFax Asia Limited

Ramaswamy Athappan

Các sự kiện tiêu biểu trong năm 2015

Sự kiện 1: Ngày 12/2, BIC chính thức trở thành hội viên của Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam - một tổ chức nghề nghiệp có kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực thương mại điện tử của Việt Nam nhằm thúc đẩy khả năng cung cấp sản phẩm dịch vụ qua bán bảo hiểm trực tuyến của BIC (tại website www.baohiemtructuyen.com.vn).

Sự kiện 2: Ngày 4/5, BIC ký kết Hợp đồng Đặt mua Cổ phần với FairFax Asia Limited, một công ty con thuộc sở hữu toàn bộ của Fairfax Financial Holdings, Tập đoàn tài chính bảo hiểm toàn cầu có trụ sở tại Canada. Theo nội dung ký kết, FairFax sẽ mua 35% cổ phần phát hành mới của BIC, tương đương với 41.046.913 cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của BIC.

Sự kiện 3: Ngày 23/6, BIC chính thức khai trương Văn phòng đại diện tại Myanmar. Văn phòng đại diện của BIC tại Myanmar có vai trò là cầu nối xúc tiến thương mại, thúc đẩy hoạt động kinh doanh bảo hiểm giữa Việt Nam và Myanmar, đồng thời là bước khởi đầu để BIC sớm tiếp cận với thị trường bảo hiểm Myanmar, cũng như tìm hiểu, làm quen với thị trường, chuẩn bị cho việc thành lập Công ty bảo hiểm của BIC tại Myanmar vào thời điểm phù hợp trong tương lai.

Sự kiện 4: Ngày 17/8, A.M.Best, tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính hàng đầu thế giới, công bố kết quả tái định hạng tín nhiệm năm 2015 của BIC. Theo đó, các chỉ tiêu định hạng của BIC vẫn được duy trì ở mức tốt: định hạng năng lực tài chính của BIC đạt mức B+ (năng lực tài chính vững mạnh), định hạng năng lực tổ chức phát hành đạt mức bbb- (công ty duy trì được khả năng thực hiện các cam kết tài chính tốt). Triển vọng nâng hạng cho cả hai chỉ tiêu này là Ổn định.

Sự kiện 5: Ngày 23/10, Chủ tịch Tập đoàn Tài chính Fairfax, Ông Prem Watsa đã có chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam sau khi đã cơ bản hoàn tất giao dịch mua cổ phần chiến lược của BIC nhằm mục đích thắt chặt và đẩy mạnh hơn nữa mối quan hệ hợp tác chiến lược với BIC và cổ đông lớn nhất của BIC, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Sự kiện 6: BIC kiện toàn bộ máy Ban điều hành với việc bầu bổ sung 2 Phó Tổng Giám đốc là ông Phạm Đức Hậu (từ 1/3/2015) và ông Huỳnh Quốc Việt (từ 1/11/2015).

Sự kiện 7: Ngày 25/12, Bộ Tài chính đã ban hành Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC14/KDBH chấp thuận cho BIC tăng vốn điều lệ từ 762.299.820.000 đồng lên 1.172.768.950.000 đồng.

Sự kiện 8: Ngày 28/12, Bộ Tài chính đã ban hành Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC15/KDBH chấp thuận cho BIC thành lập Công ty Bảo hiểm BIDV Bến Thành. BIC Bến Thành là công ty thành viên thứ 26 của BIC, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2016.

Sự kiện 9: Ngày 31/12, BIC khép lại năm 2015 với kết quả kinh doanh ấn tượng với doanh thu phí bảo hiểm riêng công ty mẹ tăng 32,5%, tăng cao nhất trong 5 năm hoạt động.

Sự kiện 10: Ngày 7/1/2016, BIC tổ chức Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập và đón nhận Huân chương lao động Hạng 3 do Chủ tịch nước CHXHCNVN trao tặng.

Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản năm 2015

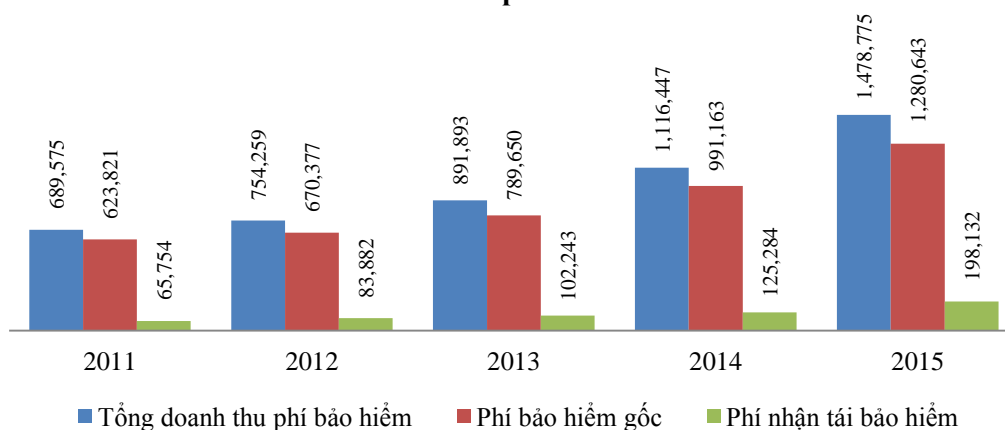
Các chỉ tiêu hợp nhất

Chỉ tiêu	2014	2015
Tổng tài sản	3.066,760	4.344,249
Vốn chủ sở hữu	905,402	2.031,548
Tổng doanh thu phí bảo hiểm	1.307,756	1.686,950
Phí bảo hiểm gốc	1.219,543	1.550,943
Phí nhận tái bảo hiểm	88,213	136,007
Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	148,881	157,977
Tỷ lệ bồi thường thuộc TNGL	36,24%	39,50%
Tổng lợi nhuận trước thuế	138,019	156,860
Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ	1.552,798	1.789,357
Tỷ suất ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ)	14,08%	16,31%
Tỷ suất ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản)	3,50%	3,35%

(Đơn vị: Tỷ đồng)

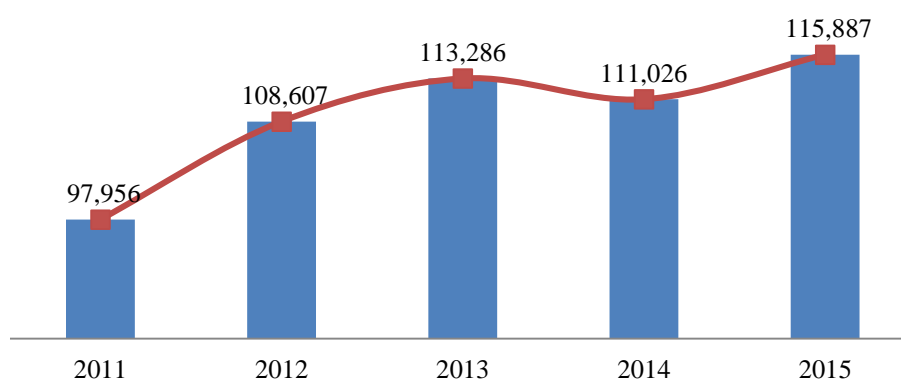
Các chỉ tiêu của Công ty mẹ - BIC

Doanh thu phí bảo hiểm

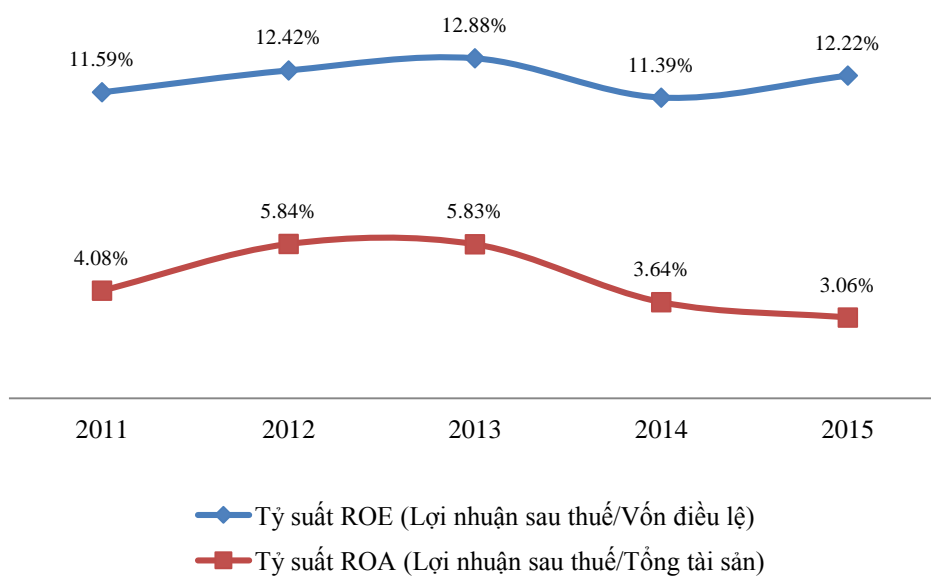


(Đơn vị: tỷ đồng)

Lợi nhuận trước thuế



(Đơn vị: tỷ đồng)



Danh hiệu và các giải thưởng

Huân chương Lao động Hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2010 công nhận đóng góp của BIC cho sự nghiệp xây dựng Tổ quốc

Cờ Thi đua, Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2008, 2010

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính năm 2009, 2010, 2013 công nhận những đóng góp tích cực của BIC cho sự phát triển bền vững của thị trường tài chính Việt Nam

Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2010

Cờ thi đua và bằng khen của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp TW năm 2008, 2013

Được công nhận là 1 trong 50 doanh nghiệp hiệu quả nhất Việt Nam năm 2014, 2015

Được công nhận là 1 trong 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam liên tục các năm từ 2010 - 2015 và là 1 trong 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam giai đoạn 2009 - 2014 (theo kết quả chương trình đánh giá độc lập của Vietnam Report).

Chứng nhận “Hãng bảo hiểm phi nhân thọ tốt nhất năm 2010” do Diễn đàn Kinh tế Việt Nam trao tặng

Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam liên tục các năm 2007 – 2009, 2013 - 2015

Giải Sản phẩm Dịch vụ được ưa thích nhất năm 2009 và 2013 (Top Trade Service) của Bộ Công thương

Bằng khen của Chủ tịch Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công nhận Tổng Giám đốc BIC là 1 trong 100 doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2010

Được công nhận là Doanh nghiệp bảo hiểm có chỉ số đòn bẩy tài chính tốt nhất năm 2014 theo chương trình “Đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp” do Báo Diễn đàn Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam tổ chức thực hiện

Giải Việt Nam Golden FDI 2008

Phần 2 - Thông tin chung về BIC



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC) ra đời trên cơ sở chiến lược thành lập Tập đoàn tài chính mang thương hiệu BIDV thông qua việc BIDV mua lại phần vốn góp của Tập đoàn Bảo hiểm Quốc tế QBE (Australia) trong Liên doanh Bảo hiểm Việt - Úc (là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam từ năm 1999) và chính thức đi vào hoạt động với tên gọi mới (BIC) kể từ ngày 01/01/2006.

BIC hiện là 1 trong 10 công ty bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu về thị phần doanh thu phí bảo hiểm gốc và là một trong những công ty bảo hiểm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trên thị trường. BIC cũng là công ty bảo hiểm đầu tiên có mạng lưới hoạt động phủ kín tại thị trường Đông Dương. Hiện BIC đang là cổ đông lớn nhất (sở hữu 65% cổ phần) trong Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) và đang tiến hành các thủ tục cần thiết để sở hữu trực tiếp Công ty Bảo hiểm Campuchia Việt Nam (CVI). Cùng với chiến lược mở rộng địa bàn hoạt động tại hải ngoại, tháng 6/2015, BIC đã chính thức khai trương Văn phòng đại diện tại Myanmar và hiện đang tìm kiếm cơ hội để thành lập công ty bảo hiểm tại thị trường này.

Từ ngày 1/10/2010, BIC chính thức chuyển đổi sang mô hình Tổng Công ty Cổ phần và chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán T.p Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán BIC từ 6/9/2011.

Hiện nay, BIC có hơn 750 cán bộ nhân viên, phục vụ khách hàng tại 26 Công ty thành viên, 132 Phòng Kinh doanh và trên 1.500 đại lý bảo hiểm trên toàn quốc.

Hành trình một thập kỷ vững bước vươn xa



2006 – 2009: Khởi nghiệp

Năm 1999, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) liên doanh với Tập đoàn Bảo hiểm Quốc tế QBE của Úc để thành lập Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt - Úc. Hợp tác giữa BIDV và QBE mở ra một mô hình hoàn toàn mới, khởi đầu cho liên minh ngân hàng – bảo hiểm vốn đã rất thịnh hành trên thế giới. Sau 6 năm hợp tác, năm 2005, BIDV đã có một quyết định táo bạo là mua lại phần vốn góp của QBE trong Liên doanh này để thành lập một công ty con 100% vốn của BIDV. Lúc đó, BIDV là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên mua lại vốn góp của nước ngoài trong một doanh nghiệp để hình thành nên tổ chức kinh doanh trong nhiều lĩnh vực trong đó có bảo hiểm.



Ngày 10/4/2006, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH cho Công ty Bảo hiểm BIDV. Theo đó, Công ty Bảo hiểm BIDV là một đơn vị thành viên của (BIDV) có vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng. BIC chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2006 với 24 cán bộ nhân viên và 01 chi nhánh tại TP.HCM. Đối với BIDV, BIC góp mặt vào thị trường bảo hiểm bên cạnh hoạt động

ngân hàng là một nước cờ chiến lược mang tính lâu dài, nhằm xây dựng BIDV thành một định chế tài chính cung cấp các sản phẩm tài chính, ngân hàng “trọn gói, một cửa”.

Chiến lược ban đầu được BIC lựa chọn là tăng trưởng nhanh chóng về quy mô, chiếm lĩnh thị phần. Mạng lưới hoạt động được phát triển theo “chân rết”, bám theo các địa bàn hoạt động trọng điểm của BIDV. Ngay trong năm đầu tiên, BIC nhanh chóng mở rộng mạng lưới với việc thành lập 8 chi nhánh tại Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng, Bình Định, Tây Nguyên, Đồng Nai, Vũng Tàu, Cần Thơ và nâng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng.

Năm 2007, BIC được Bộ Tài chính chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC4/KDBH và thành lập thêm 3 chi nhánh tại Hải Dương, Hà Nội, Quảng Ninh. Tận dụng lợi thế là thành viên của BIDV – một trong những định chế tài chính hàng đầu Việt Nam, BIC đã tiên phong triển khai kênh bán bảo hiểm qua ngân hàng – Bancassurance, đồng thời, xác định đây là kênh bán hàng chiến lược tạo nên sự khác biệt của

BIC. Trong vòng 3 năm, với các nỗ lực thúc đẩy kênh bán hàng chiến lược này, BIC trở thành công ty bảo hiểm có mạng lưới ngân hàng liên kết lớn nhất (8 ngân hàng) và số lượng sản phẩm cung cấp qua kênh Bancassurance nhiều nhất (10 sản phẩm).

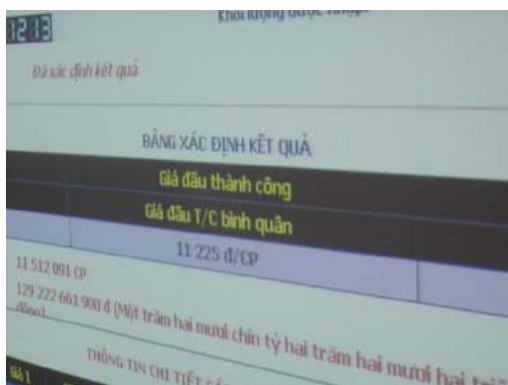


Năm 2008, khởi đầu cho chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh sang thị trường hải ngoại, BIC hợp tác với Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB) và Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) thành lập Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) có trụ sở tại Viêng Chăn. LVI chính thức đi vào hoạt động và nhanh chóng trở thành 1 trong hai thương hiệu bảo hiểm uy tín và được yêu thích

nhất tại nước bạn Lào. Năm 2009, BIC được giao quản lý toàn diện Công ty Bảo hiểm Cambodia – Việt Nam (CVI). Với việc quản lý, điều hành LVI và CVI, BIC trở thành công ty bảo hiểm đầu tiên của Việt Nam có mạng lưới hoạt động trên cả 3 nước Đông Dương.

Có thể nói, với muôn vàn khó khăn từ lúc khởi đầu, về nhân lực, vật lực, về môi trường cạnh tranh, ... nhưng BIC đã nhanh chóng mở rộng và tăng trưởng với tốc độ “chóng mặt” trong 3 năm đầu tiên: đứng trong top 10 doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu thị trường về quy mô thị phần, có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, luôn duy trì từ 20 – 30%/năm. Mạng lưới từ con số 0 đã tăng lên tới 19 đơn vị thành viên, “bám sát” các địa bàn trọng điểm của BIDV. Những nỗ lực này của BIC đã nhận được nhiều giải thưởng, ghi nhận quý giá như: Bằng khen về những đóng góp xây dựng đất nước và bảo vệ CNXH do Thủ tướng trao tặng; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính công nhận những cống hiến cho sự phát triển của thị trường bảo hiểm; Giải thưởng Cúp vàng sản phẩm dịch vụ xuất sắc từ Báo Công thương; Top 100 Sao Vàng Đất Việt.

2010 – 2011: Cổ phần hóa và chuyển đổi mô hình hoạt động



Năm 2010, theo lộ trình cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, BIC được chọn là đơn vị tiến hành cổ phần hóa đầu tiên trong hệ thống BIDV. Ngày 5/8/2010, BIC chính thức thực hiện đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. 11.512.091 cổ phần được chào bán với mệnh giá 10 nghìn đồng/cổ phần và giá khởi điểm là 10.200 đồng/cổ phần. Kết quả, toàn bộ 11.512.091 cổ phần đã được bán hết với giá đầu thành công bình quân đạt 11.225 đồng/cổ phần, thu

về 129.222.661.900 đồng. Giá đầu thành công cao nhất là 26.500 đồng/cổ phần và giá đầu thành công thấp nhất là 10.900 đồng/cổ phần. Đại diện Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nhận định phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của BIC rất thành công, nhất là trong tình hình thị trường chứng khoán đang suy giảm: “Với số lượng nhà đầu tư tham gia đấu giá và tổng khối lượng cổ phiếu đấu giá thì đây là phiên đấu giá lớn thứ hai của HNX kể từ năm 2007 trở lại đây (sau phiên đấu giá của Tập đoàn Bảo Việt)”.



Ngày 1/10/2010, Bộ Tài chính ban hành Giấy phép số 11/GPĐC7/KDBH ngày 01/10/2010, chấp thuận cho BIC chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi mới là Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Toàn bộ 19 Chi nhánh của BIC cũng đồng thời được chuyển đổi thành các Công ty con hạch toán phụ thuộc. Đồng thời với việc chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, BIC cũng được chấp

thuận tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 660 tỷ đồng.

Ngày 6/9/2011, cổ phiếu BIC được giao dịch chính thức lần đầu tiên với mã chứng khoán BIC trên sàn GDCK thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với giá tham chiếu là 11.500 đồng/cổ phiếu. BIC là cổ phiếu bảo hiểm thứ 8 được giao dịch trên sàn chứng khoán tập trung.

2011 – 2014: Kiên định chiến lược hiệu quả trong bối cảnh suy thoái kinh tế

Sau khi cổ phần hóa và chuyển đổi mô hình hoạt động, BIC thay đổi chiến lược hoạt động từ tăng trưởng theo quy mô sang hiệu quả hoạt động. Đồng thời, từ 2011 – 2014, nền kinh tế Việt Nam đi qua vùng xoáy khủng hoảng. Thị trường bảo hiểm cũng tăng trưởng giảm liên tục và chạm đáy 7% vào năm 2013. Các doanh nghiệp bảo hiểm phải điều chỉnh lại kế hoạch kinh doanh và đặt các mục tiêu khiêm tốn, tìm kiếm các giải pháp để giữ vững thị phần và khách hàng. Thêm vào đó, mức độ cạnh tranh “sát ván” của thị trường bảo hiểm khiến tăng trưởng của BIC chững lại, lợi nhuận từ kinh doanh lõi chưa rõ ràng. Tuy nhiên BIC vẫn kiên định với chiến lược phát triển hiệu quả với nhiều giải pháp kinh doanh sáng tạo và quyết liệt.

Đón đầu xu hướng phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử tại thị trường Việt Nam, tháng 8/2011, BIC là một trong hai doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đầu tiên triển khai kênh bán bảo hiểm trực tuyến tại địa chỉ website <http://www.baohiemtructuyen.com.vn>.

Sau giai đoạn tạm dừng mở rộng quy mô để củng cố hoạt động, trong năm 2011, nhằm đẩy mạnh hoạt động khai thác bảo hiểm, BIC tiếp tục thành lập thêm 2 Công ty thành viên mới là BIC Sài Gòn đặt trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh và BIC Bắc Bộ có trụ sở tại Nam Định. Mạng lưới hoạt động tăng lên 21 Công ty thành viên và 87 Phòng Kinh doanh tại các tỉnh, thành trọng điểm trên cả nước.

Với định hướng đẩy mạnh phát triển các sản phẩm bán lẻ, năm 2012, BIC triển khai thí điểm và triển khai kênh bán hàng qua điện thoại (Telesales). Năm 2012 cũng là năm ghi nhận sự nỗ lực vượt bậc khi BIC hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh với doanh thu phí bảo hiểm đạt 754 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 111 tỷ đồng trong bối cảnh kinh doanh chịu nhiều ảnh hưởng của suy thoái kinh tế.

Trong giai đoạn 2010 - 2012, BIC liên tục đứng trong Bảng xếp hạng V1000 – Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.

Năm 2013, tiếp tục định hướng mở rộng hoạt động kinh doanh tại hải ngoại, BIC đã xúc tiến mua lại phần vốn góp của Ngân hàng Liên doanh Lào Việt trong Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt để tăng tỷ lệ sở hữu tại LVI lên 65% và chính thức phát hành báo cáo tài chính hợp nhất từ Quý III/2013. Cũng trong năm này, nằm trong kế hoạch xây dựng mô hình BIC Holdings, BIC đã cùng Ngân hàng BIDV và MetLife - Tập đoàn bảo hiểm nhân thọ số 1 của

Hoa Kỳ ký kết Hợp đồng liên doanh thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife, khép kín chuỗi cung ứng dịch vụ bảo hiểm tới khách hàng.

Mặc dù chịu nhiều khó khăn do suy thoái kinh tế, trong giai đoạn này tốc độ tăng trưởng của BIC vẫn cao hơn từ 1,5 – 2 lần mức tăng trưởng chung của thị trường. BIC liên tục được công nhận là 1 trong 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, 1 trong 1.000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam và 1 trong 50 doanh nghiệp niêm yết hoạt động hiệu quả nhất Việt Nam.

2014 – 2015: Tăng trưởng ấn tượng

Từ năm 2014, nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi, thị trường bảo hiểm thoát “đáy” và lấy lại tốc độ tăng trưởng hai con số. Tiếp tục theo đuổi chiến lược hiệu quả và lợi nhuận, từ 2014, hoạt động kinh doanh của BIC khởi sắc nhờ các điều kiện thuận lợi của thị trường và các thay đổi trong cơ chế, chính sách quản trị, điều hành.

Năm 2014, BIC thực hiện thành công 2 đợt tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành 3,3 triệu cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình ESOP và chi trả cổ tức 10% bằng cổ phiếu cho cổ đông. Sau hai đợt phát hành, vốn điều lệ của BIC đã tăng từ 660 tỷ đồng lên trên 762 tỷ đồng. BIC cũng đã được tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới A.M. Best định hạng năng lực tài chính đạt mức B+, định hạng năng lực tổ chức phát hành đạt mức bbb-. Triển vọng nâng hạng cho cả hai chỉ tiêu này là Ổn định. Năm 2014, BIC có tốc độ tăng trưởng cao hơn 2,5 lần so với mức trung bình của toàn thị trường, là mức tăng tốt nhất trong các năm hoạt động, những mục tiêu lớn đặt ra đều đã đạt được. Cùng trong năm này, với 3 Công ty thành viên mới được thành lập tại 3 vùng trọng điểm là Tiền Giang, Lào Cai và Sơn La, mạng lưới hoạt động của BIC được mở rộng lên 25 Công ty thành viên và 120 Phòng Kinh doanh trên cả nước.

Hoạt động kinh doanh tại hải ngoại khởi sắc với kết quả ấn tượng từ Công ty Liên doanh bảo hiểm Lào Việt (LVI). Năm 2014, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của LVI đạt 11,5 triệu USD, tăng 28% so với năm 2013, tương đương với nhiều công ty bảo hiểm tại Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế đạt 1,36 triệu USD, tăng trưởng 82% so với năm 2013, trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 683.941 USD, một con số ấn tượng nếu so sánh với mặt bằng lợi nhuận kinh doanh bảo hiểm chung tại Việt Nam. Kết quả kinh doanh ấn tượng của LVI đóng góp vào tổng doanh thu phí bảo hiểm và lợi nhuận hợp nhất của BIC tới gần 25%.

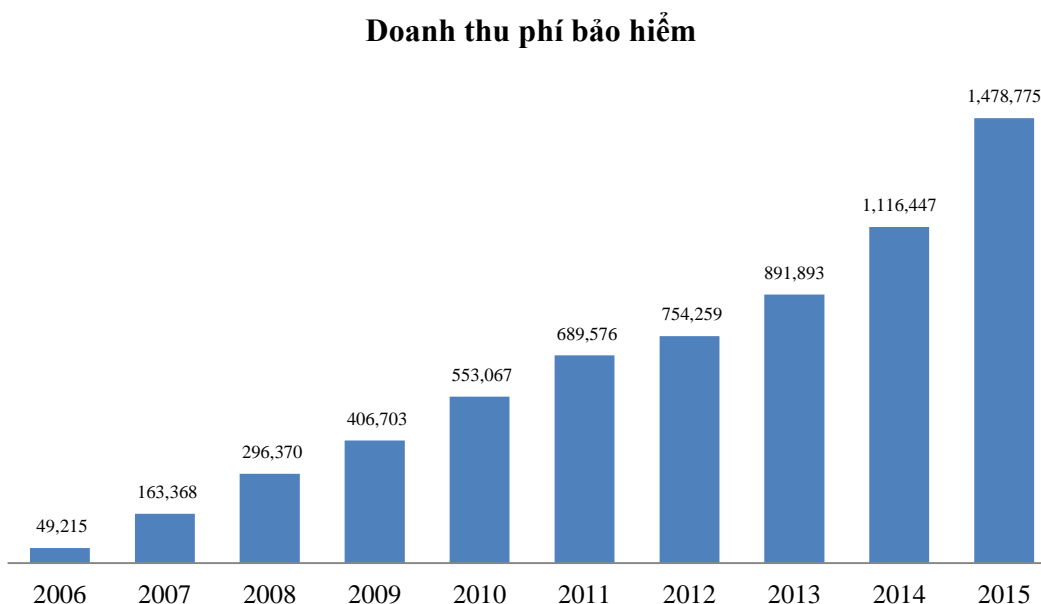
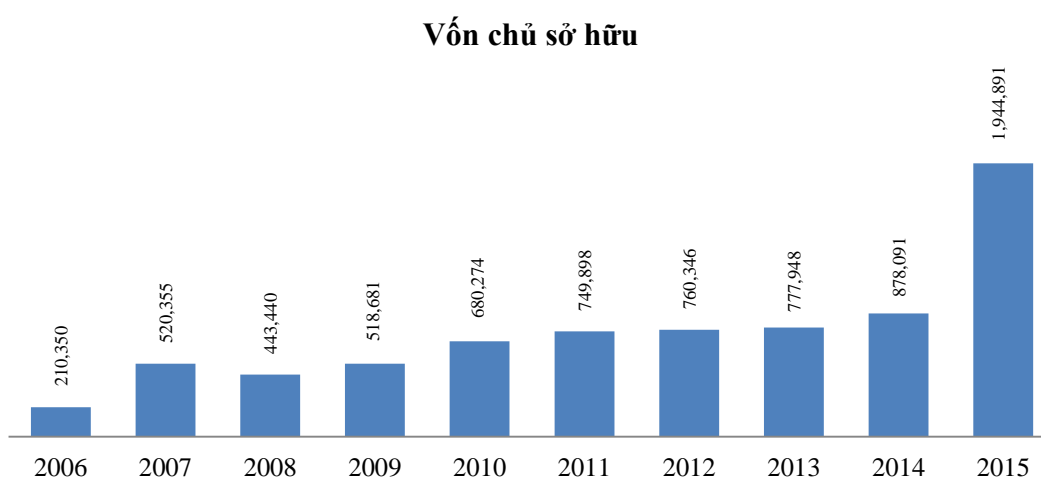
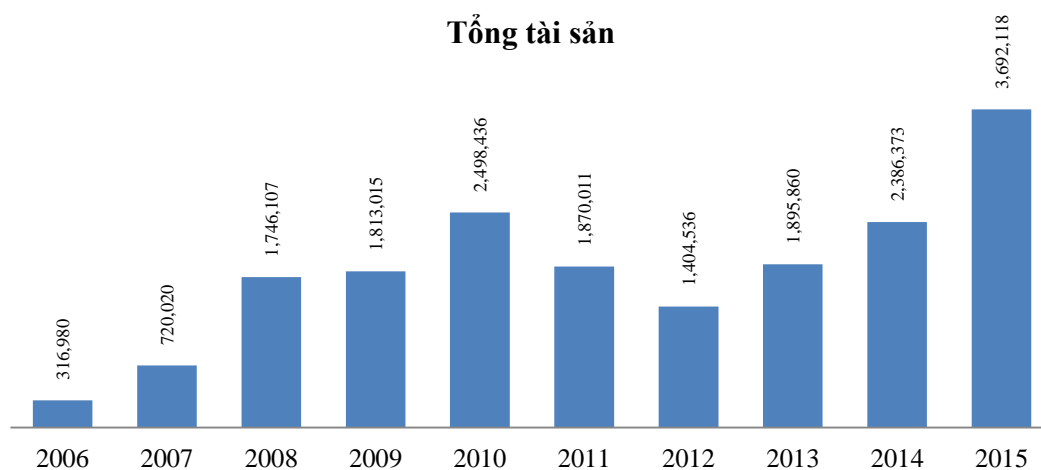
Tháng 6 năm 2015, BIC chính thức khai trương Văn phòng Đại diện tại Myanmar với vai trò là cầu nối xúc tiến thương mại, thúc đẩy hoạt động kinh doanh bảo hiểm giữa Việt Nam và Myanmar. Đây là tiền đề quan trọng để BIC tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội thành lập Công ty bảo hiểm phi nhân thọ tại thị trường Myanmar trong tương lai gần khi điều kiện cho phép.

Cũng trong năm 2015, FairFax, nhà bảo hiểm và tái bảo hiểm hàng đầu thế giới đến từ Canada, đã trở thành cổ đông chiến lược của BIC với việc mua 35% cổ phần mới phát hành, đánh dấu một bước ngoặt mới cho 10 năm xây dựng và phát triển (2005 – 2015) của BIC. Với khoản đầu tư chiến lược, các hỗ trợ kỹ thuật cũng như chuyên gia công nghệ từ FairFax, BIC đặt mục tiêu trở thành công ty bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu thị trường về các kênh phân phối hiện đại cũng như khả năng sinh lời. Sau khi hoàn tất giao dịch với Fairfax, ngày 25/12/2015, BIC đã tăng vốn điều lệ từ 762 tỷ đồng lên 1.172 tỷ đồng.

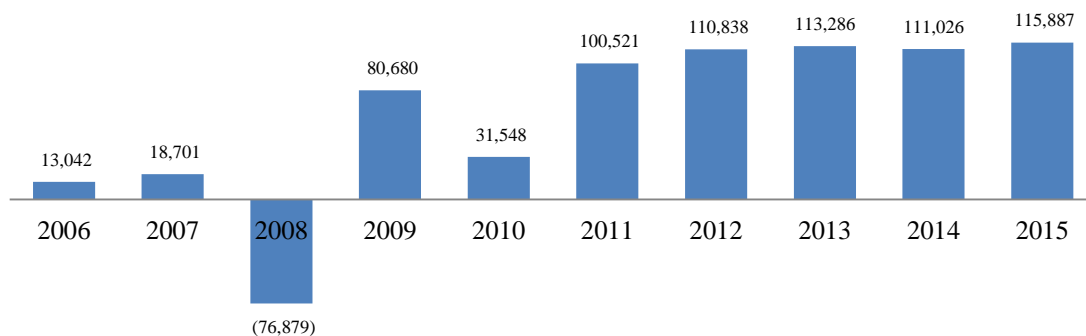
Kết thúc năm 2015, BIC đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm sau khi cổ phần hóa, tăng trưởng cao gấp hơn 2 lần so với mức tăng trưởng bình quân của toàn thị trường. Mạng lưới hoạt động sau khi được bổ sung 1 Công ty thành viên tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã tăng lên 26 Công ty thành viên và 132 Phòng Kinh doanh trên cả nước. Các kế hoạch kinh doanh 2015 đều đạt được trên mức kế hoạch đề ra, thực hiện được tất cả các mục tiêu quan trọng cho giai đoạn phát triển 2010 – 2015.

Sau 10 năm hoạt động, BIC đạt được những thành quả đáng tự hào: vốn điều lệ trên 1.100 tỷ cuối năm 2015, hơn 750 cán bộ, 26 Công ty thành viên và 132 Phòng kinh doanh tại Việt Nam, 2 Liên doanh và 1 Văn phòng đại diện tại nước ngoài, đứng trong top 10 về thị phần trên toàn thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, luôn đứng trong nhóm doanh nghiệp dẫn đầu tư tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc, thứ 3 về tỷ suất sinh lời, trụ cột thứ hai trong hoạt động của ngân hàng BIDV, được Tập đoàn bảo hiểm toàn cầu Fairfax lựa chọn đầu tư chiến lược tại Việt Nam, xếp hạng B+ bởi A.M.Best...BIC đã vinh dự được Chủ tịch trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba, ghi nhận những cố gắng và nỗ lực của BIC trong 10 năm hoạt động.

Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản của BIC giai đoạn 10 năm 2006 - 2015



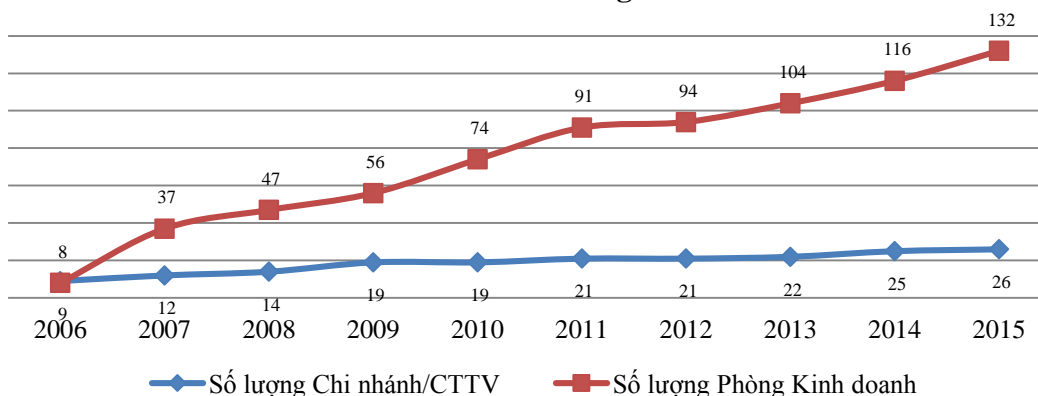
Lợi nhuận trước thuế



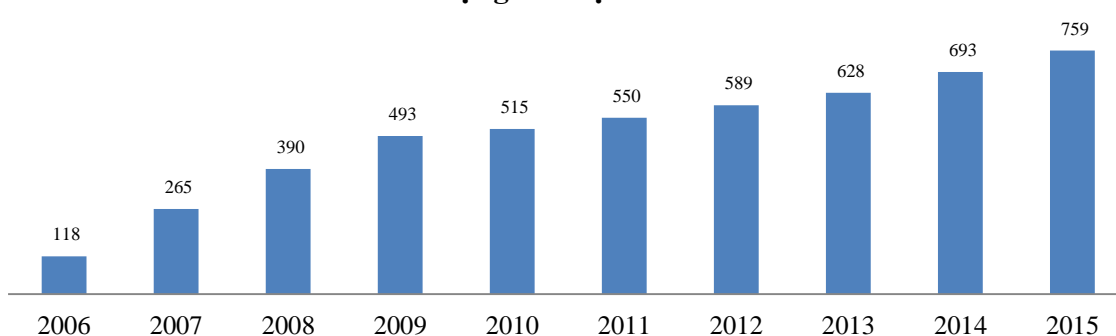
(*) Năm 2008 là năm nền kinh tế khủng hoảng, thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh, dẫn tới những khó khăn chung cho các doanh nghiệp cũng như BIC. Sự sụt giảm của thị trường chứng khoán làm tăng số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán của BIC. Đồng thời, đây là năm BIC mở rộng mạng lưới mạnh nhất: mở mới 10 chi nhánh. Thiên tai, thảm họa xảy ra với tần suất lớn làm tăng chi phí bồi thường là các yếu tố suy giảm lợi nhuận của BIC.

(*) Năm 2010 là năm BIC thực hiện cổ phần hóa. Theo quy định, khi cổ phần hóa BIC sẽ phải xử lý các vấn đề tài chính liên quan đến cổ phần hóa, gồm có chuyển giao phần vốn Nhà nước và trích lập dự phòng tài chính cho cả 02 giai đoạn, trước và sau khi cổ phần hóa. Tổng số dự phòng phải trích cho cả 02 giai đoạn là 46,3 tỷ đồng. Nếu không tính chênh lệch do phải trích dự phòng 2 lần và xử lý tài chính trước cổ phần hóa, lợi nhuận trước thuế thực tế trong năm này của BIC sẽ là 102,232 tỷ đồng.

Chi nhánh/CTTV và Phòng Kinh doanh



Số lượng cán bộ nhân viên



Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

- Trở thành 1 trong 5 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu thị trường theo cả ba tiêu chí: vốn, thị phần, lợi nhuận.
- Xây dựng BIC trở thành thương hiệu bảo hiểm uy tín và hiệu quả; là hoạt động trụ cột chính trong hệ thống BIDV.

Giá trị cốt lõi

- Tận tâm với khách hàng
- Minh bạch
- Tinh thần đồng đội

Sứ mệnh

- Đối với khách hàng: cung cấp giải pháp tài chính toàn diện để quản lý rủi ro tài chính cho khách hàng
- Đối với nhân viên: xây dựng môi trường làm việc hiệu quả và văn hóa doanh nghiệp gắn kết nhằm phát huy tối đa nguồn nhân lực
- Đối với cổ đông: cam kết mang lại giá trị và lợi ích bền vững
- Đối với cộng đồng: tích cực đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng

Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh



Lĩnh vực kinh doanh

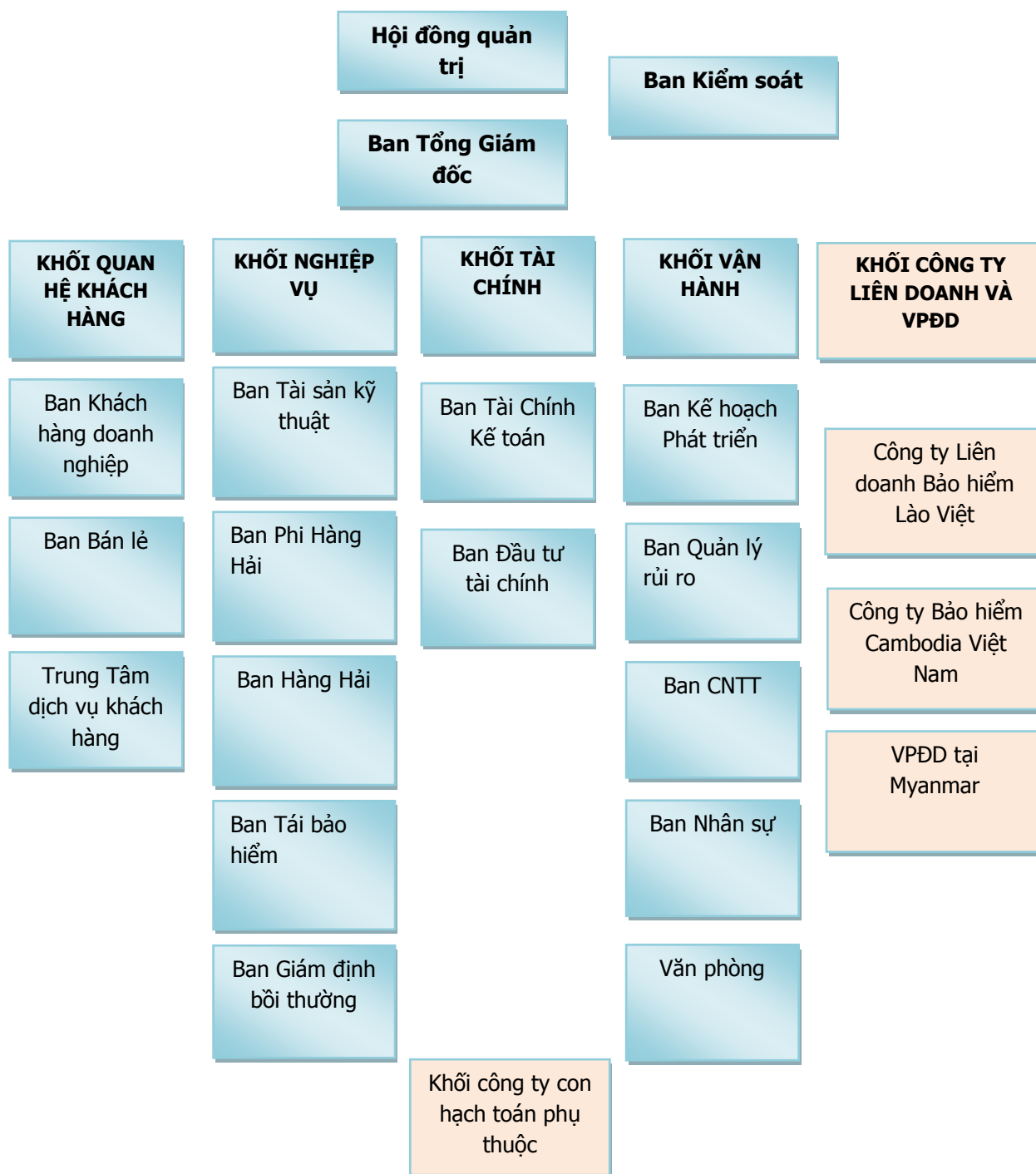
Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 11GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/4/2006 và Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC16/KDBH ngày 6/1/2016.

BIC cung cấp các dịch vụ Bảo hiểm phi nhân thọ - Tái bảo hiểm – Đầu tư tài chính.

Địa bàn hoạt động

- BIC hiện có **26** Công ty thành viên và **132** Phòng kinh doanh trên toàn quốc
- Hơn **1.500** đại lý bảo hiểm, cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cho khách hàng
- BIC cung cấp hơn **100** sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ trong các lĩnh vực bảo hiểm con người – bảo hiểm tài sản – bảo hiểm trách nhiệm.

Mô hình tổ chức, bộ máy lãnh đạo



Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Phạm Quang Tùng

Ông Phạm Quang Tùng từng giữ các chức vụ quan trọng trong Ngân hàng BIDV như: Trưởng phòng Thẩm định, Trưởng phòng Tín dụng, Phó Giám đốc Ban Tín dụng, Phó Giám đốc Sở Giao dịch 1 BIDV và hiện nay là Phó Tổng Giám đốc BIDV.

Ông Tùng tham gia hoạt động kinh doanh bảo hiểm từ tháng 11/2005 với vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt Úc (BIDV-QBE) và được giao quản lý và điều hành BIC trên cương vị Giám đốc Công ty từ tháng 1/2006. Từ ngày 01/10/2010 ông Tùng được đề cử làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc BIC.

Hiện nay ông Tùng đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng BIDV kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV và Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV - Metlife.

Phó Chủ tịch



Ramaswamy Athappan ()*

Ông Athappan đã có nhiều năm kinh nghiệm và phát triển thành công nhiều công ty bảo hiểm tại Châu Á. Trong đó, Công ty Bảo hiểm First Capital tại Singapore là một trong những công ty bảo hiểm có tỷ suất sinh lời cao nhất tại Châu Á. Ông Athappan hiện đang quản lý các hoạt động của FairFax Asia tại Singapore, Hong Kong, Malaysia, Trung Quốc, Indonesia, Ấn Độ, Thái Lan, Sri Lanka và Việt Nam.

Ông Athappan hiện là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc của FairFax Châu Á.

Ủy viên độc lập



Đặng Thị Hồng Phương

Bà Phương đã có hơn 20 năm công tác trong lĩnh vực bảo hiểm, tái bảo hiểm và đầu tư tài chính tại Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Tổng Công ty Tái Bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam, đã giữ nhiều vị trí quan trọng: Trưởng phòng Tái Bảo hiểm, Trưởng phòng Đầu tư vốn, Giám đốc Trung tâm đầu tư, Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đầu tư.

Từ năm 2007 - 2010, bà Phương là Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ SSI.

Từ năm 2011 - nay, bà Phương giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình.

Ủy viên

Ông Trần Hoài An gia nhập hệ thống BIC từ năm 2009 và đã từng điều hành xuất sắc các Công ty Bảo hiểm BIDV Bình Định và Công ty Bảo hiểm BIDV Hồ Chí Minh. Từ 1/4/2013, ông An giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc BIC,



Trần Hoài An

phụ trách phát triển khách hàng khu vực phía Nam, kiêm nhiệm Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Hồ Chí Minh.

Ngày 31/10/2014, Hội đồng Quản trị BIC đã có Quyết định số 189/QĐ-HĐQT bổ nhiệm Ông Trần Hoài An giữ chức vụ Tổng Giám đốc BIC từ ngày 01/11/2014. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên BIC ngày 20/4/2015, ông Trần Hoài An được Đại hội đồng cổ đông BIC thống nhất bầu cử là thành viên Hội đồng Quản trị BIC.

Ủy viên



Phạm Thị Vân Khánh

Bà Khánh gia nhập hệ thống BIDV từ cuối năm 1999 và đã giữ nhiều vị trí quan trọng tại BIDV: Trưởng phòng Ban Đầu tư, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản BIDV, Phó Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp Lớn.

Từ tháng 6/2015, Bà Khánh được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa của BIDV.

Bà Phạm Thị Vân Khánh tham gia HĐQT BIC từ ngày 29/01/2016.

Ủy viên



Võ Hải Nam

Ông Nam đã có hơn 20 năm công tác trong hệ thống BIDV và giữ nhiều vị trí chủ chốt như: Trưởng phòng Tổng hợp, Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ 1 – Ban Tổ chức Cán bộ, Phó Giám đốc Sở Giao dịch 3, Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Xuân, Giám đốc Ban Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp.

Hiện Ông Nam đang giữ chức vụ Giám đốc Ban Quản lý Rủi ro Tín dụng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Ủy viên



Gobinath Arvind Athappan

Ông Gobinath hiện là Tổng Giám đốc của Công ty Bảo hiểm Pacific Insurance Berhard tại Malaysia, Phó Chủ tịch FairFax Châu Á, Phó Chủ tịch Công ty Bảo hiểm Falcon tại Hong Kong và Giám đốc vùng của Công ty Bảo hiểm First Capital tại Singapore.

Ông Gobinath đã làm việc tại nhiều công ty thành viên của Tập toàn Tài chính FairFax trong suốt 14 năm qua, trong đó có Công ty Tái bảo hiểm Odyssey America tại Mỹ.

() Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường tổ chức ngày 29/1/2016, cổ đông chiến lược Fairfax đã đề cử ông Ramaswamy Athappan và ông Gobinath Arvind Athappan tham gia Hội đồng Quản trị BIC. Ngân hàng BIDV*

cũng đề cử bà Phạm Thị Vân Khánh – Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ BIDV tham gia Hội đồng Quản trị BIC thay cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao.

Ban Kiểm soát

Trưởng Ban



Ông Cao Cự Trí

Ông Trí đã có nhiều năm công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nghệ An. Trước khi công tác tại BIDV, ông Trí giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Lựa chọn định chế - Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Từ năm 2002, ông Trí gia nhập hệ thống BIDV và giữ chức vụ quan trọng như: Phó Giám đốc Sở Giao dịch III, Phó Trưởng Ban Kiểm soát BIDV.

Hiện nay ông Trí đang giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Kiểm soát BIDV.

Thành viên



Ông Nguyễn Trung Kiên

Ông Nguyễn Trung Kiên gia nhập hệ thống BIDV từ năm 1999 và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Ban Dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán, Ban Quản lý và Triển khai mở rộng dự án SIBS, Ban Kế toán, Chi nhánh BIDV Quang Trung.

Hiện nay, Ông Nguyễn Trung Kiên đang giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Kế toán BIDV.

Thành viên



Ông Nguyễn Thành Công

Ông Công đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán bảo hiểm.

Hiện ông Công đang giữ chức vụ Phó Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam

Thành viên

Ông Zainul Abidin Rasheed nguyên là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Singapore trong giai đoạn từ 2006 – 2011. Ông Zainul cũng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong lĩnh vực dịch vụ công, tuyên truyền, phong trào công đoàn và các



Ông Zainul Abidin Rasheed (*)

chương trình/tổ chức phát triển cộng đồng.

Ông Zainul Abidin Rasheed tham gia Ban Kiểm soát BIC từ ngày 29/01/2016.

Thành viên



Ông Osith Ramanathan (*)

Ông Osith đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong việc vận hành các tổ chức, bao gồm một công ty tư vấn đối với các khoản đầu tư khởi nghiệp liên quan tới lĩnh vực vận tải, một công ty tư vấn thương mại và xúc tiến đầu tư và một tập đoàn đầu tư tư nhân tập trung quản lý danh mục vốn niêm yết, thu nhập cố định và các tài sản đầu tư khác.

Ông Osith Ramanathan tham gia Ban Kiểm soát BIC từ ngày 29/01/2016.

() Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường tổ chức ngày 29/1/2016, cổ đông chiến lược Fairfax đã đề cử ông Zainul Abidin Rasheed và ông Osith Ramanathan tham gia vào Ban kiểm soát BIC.*

Ban Điều hành

Tổng Giám đốc



Ông Trần Hoài An

Ông Trần Hoài An đã từng công tác lâu năm trong ngành Hải quan. Ông An gia nhập hệ thống BIC từ năm 2009 và đã từng điều hành xuất sắc các Công ty Bảo hiểm BIDV Bình Định và Công ty Bảo hiểm BIDV Hồ Chí Minh. Từ 1/4/2013, ông An giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc BIC, phụ trách phát triển khách hàng khu vực phía Nam, kiêm nhiệm Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Hồ Chí Minh.

Ngày 31/10/2014, Hội đồng Quản trị BIC đã có Quyết định số 189/QĐ-HĐQT bổ nhiệm Ông Trần Hoài An giữ chức vụ Tổng Giám đốc BIC từ ngày 01/11/2014.

Phó Tổng Giám đốc



Bà Đoàn Thị Thu Huyền

Bà Huyền đã có nhiều năm công tác trong hệ thống BIDV và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong lĩnh vực tổ chức nhân sự. Trước khi được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc BIC, bà Huyền đang giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Tổ chức Cán bộ BIDV.

Kể từ ngày 1/5/2012, bà Đoàn Thị Thu Huyền được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc BIC.

Phó Tổng Giám đốc



Ông Trần Trung Tính

Ông Tính đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm. Trước khi công tác tại BIC, ông Tính đã từng đảm nhận các vị trí quan trọng tại các công ty bảo hiểm lớn trên thị trường như: Phó Trưởng phòng Phi hàng hải; Phó Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật Công ty Bảo hiểm TP.HCM - Chi nhánh Hà Nội; Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản- Kỹ thuật Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Hà Nội; Phó Giám đốc Bảo Minh Hà Nội; Trưởng phòng Phát triển Kinh doanh BIC.

Ông Tính chính thức được đề bạt làm Phó Giám đốc BIC từ ngày 01/10/2008 và Phó Tổng Giám đốc BIC từ ngày 01/10/2010.

Phó Tổng Giám đốc



Ông Vũ Minh Hải

Ông Hải đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực bảo hiểm. Ông Hải gia nhập hệ thống BIC từ năm 2007 và đã từng giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Giám định Bồi thường Trụ sở chính và Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Tây Hà Nội (BIC Thăng Long hiện nay). Từ tháng 3/2009, ông Hải được giao quản lý, điều hành Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) với vai trò Tổng Giám đốc.

Kể từ ngày 16/4/2012, ông Vũ Minh Hải được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc BIC.

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Đức Hậu gia nhập hệ thống BIC từ năm 2006 và từng điều hành xuất sắc Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) - một Liên doanh của BIC tại Lào từ tháng 3/2012 cho đến tháng 2/2015.



Ông Phạm Đức Hậu

Trong hệ thống BIC, ông Hậu đã trải qua nhiều vị trí quan trọng như: Phó Tổng Giám đốc LVI, Phó Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp BIC, Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Thăng Long, Trưởng phòng Dự án.

Ông Hậu chính thức được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc BIC từ ngày 1/3/2015.

Phó Tổng Giám đốc



Ông Huỳnh Quốc Việt

Ông Huỳnh Quốc Việt đã gắn bó với BIC từ những ngày đầu thành lập và đảm nhận nhiều cương vị công tác quan trọng như: Trưởng phòng khai thác – Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt-Úc, Chi nhánh TP.HCM; Trưởng phòng Kinh doanh 1 – Công ty Bảo hiểm BIDV, Chi nhánh TP.HCM; Phó Giám đốc và Phó Giám đốc Phụ trách Công ty Bảo hiểm BIDV, Chi nhánh TP.HCM; Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV HCM và Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Sài Gòn.

Ông Việt chính thức được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc BIC từ ngày 1/11/2015.

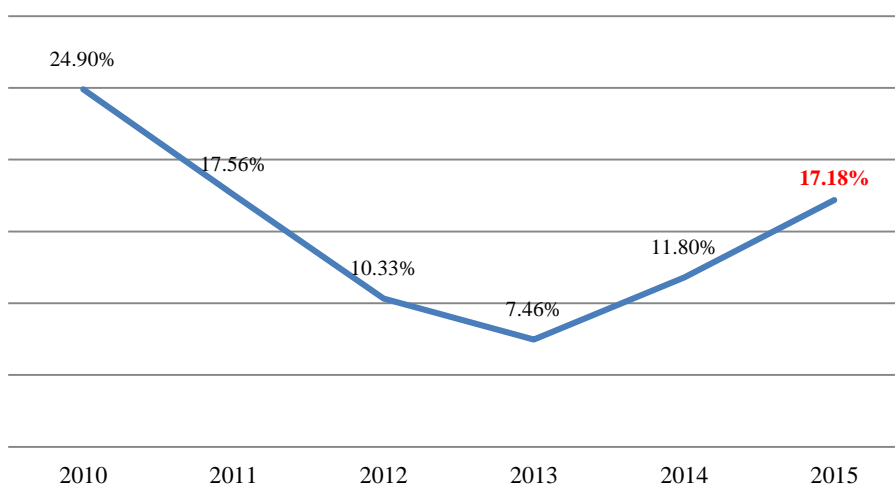
Phần 3 - Hoạt động của BIC năm 2015 và kế hoạch 2016

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ 2015 và dự báo 2016

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ 2015

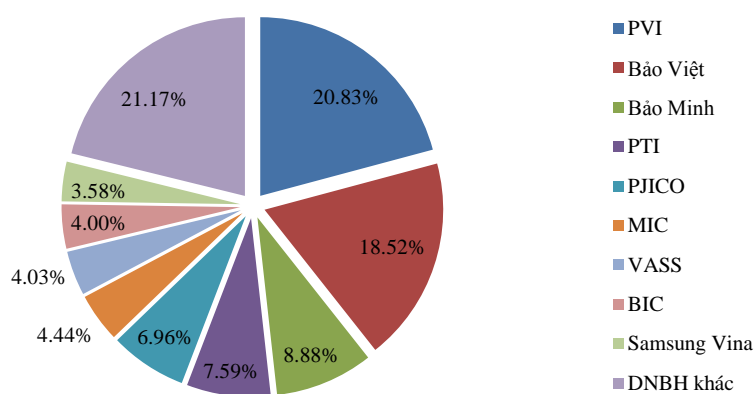
Năm 2015 là năm cuối thực hiện mục tiêu trung hạn trong Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015 và Quyết định 1826/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH). Trong bối cảnh đó, thị trường bảo hiểm nói chung và thị trường bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng đã có những bước phát triển tích cực.

Tăng trưởng thị trường BH PNT (%)



Cụ thể, theo số liệu của Cục Quản lý, Giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính, năm 2015, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt **32.038 tỷ đồng**, tăng trưởng **17,18%** so với năm 2014.

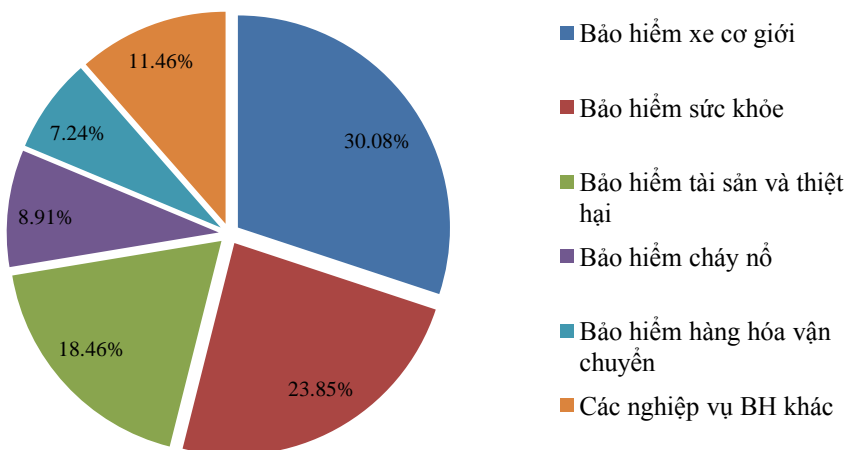
Ước thị phần bảo hiểm phi nhân thọ 2015



Xét theo nghiệp vụ, bảo hiểm xe cơ giới chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu (9.637 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 30,08%), tiếp theo là bảo hiểm sức khỏe (7.643 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng

23,85%), bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại (5.915 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,46%), bảo hiểm cháy nổ (2.856 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 8,91%), bảo hiểm hàng hóa vận chuyển (2.320 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,24%).

Tỷ trọng doanh thu theo nghiệp vụ bảo hiểm năm 2015



Số tiền thực bồi thường bảo hiểm gốc của bảo hiểm phi nhân thọ năm 2015 ước khoảng 13.579 tỷ đồng, tỷ lệ thực bồi thường bảo hiểm gốc là 42,38%; cao hơn tỷ lệ thực bồi thường bảo hiểm gốc cùng kỳ năm 2014 (39,37%). Tuy vậy, năm 2015 vẫn là năm đánh dấu hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ có lãi từ nghiệp vụ nhờ quy định không cho nợ đọng phí bảo hiểm.

Bên cạnh những kết quả tài chính ấn tượng, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2015 cũng ghi nhận nhiều dấu ấn tích cực khác, cụ thể:

- Quốc hội đã thông qua một số luật, bộ luật, tạo thuận lợi cho phát triển thị trường bảo hiểm như: Bộ luật Dân sự đã bỏ chương Hợp đồng bảo hiểm; Bộ luật Hình sự có thêm tội danh và xử lý gian lận bảo hiểm; Bộ luật Hàng hải liên quan đến bảo hiểm tàu, hàng hóa vận chuyển và trách nhiệm dân sự chủ tàu; Luật Thống kê liên quan đến cung cấp thông tin; Luật sửa đổi bổ sung các luật thuế nâng mức khấu trừ thu nhập hoa hồng đại lý lên 150 triệu đồng/năm.

- Bộ Tài chính ban hành và phê chuẩn các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ tạo thuận lợi để doanh nghiệp bảo hiểm triển khai như: Phê chuẩn quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm vật chất xe ô tô của từng doanh nghiệp bảo hiểm; Trình Chính phủ Nghị định về bảo hiểm trong hoạt động đầu tư xây dựng và chuẩn bị ban hành Thông tư quy định quy tắc điều khoản biểu phí bảo hiểm bắt buộc công trình xây dựng, trách nhiệm tư vấn khảo sát thiết kế và bảo hiểm tai nạn người lao động trên công trường; Chuẩn bị ban hành Thông tư sửa đổi Thông tư 126 và 103; trong đó, nâng mức trách nhiệm bảo hiểm lên 100 triệu đồng, nâng mức hỗ trợ nhân đạo lên 30 triệu đồng để phù hợp với nhu cầu bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới.

- Lần đầu tiên, các doanh nghiệp bảo hiểm tham gia mua trái phiếu Chính phủ thời hạn 20 năm với giá trị lớn, qua đó, thể hiện thêm vai trò là công cụ của Nhà nước để huy động nguồn vốn trung và dài hạn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Chuyển dịch cơ cấu vốn cổ phần của các nhà đầu tư trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ diễn ra sôi động: Fairfax (Canada) mua hơn 41 triệu cổ phiếu BIC (chiếm 35%), Dongbu (Hàn Quốc) mua 30 triệu cổ phiếu PTI trị giá 1.077 tỷ đồng... Chính phủ quyết định thoái 100% vốn Nhà nước tại Bảo Minh và Vinare.

Dự báo thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam năm 2016

Với việc trở thành thành viên của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), năm 2016, nền kinh tế Việt Nam dự báo sẽ có bước tăng trưởng đột phá, kéo theo nhu cầu về bảo hiểm tăng cao, thúc đẩy hoạt động kinh doanh bảo hiểm nói chung và bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng phát triển thuận lợi hơn. Thông qua TPP và AEC, Việt Nam sẽ có cơ hội mở cửa thị trường bảo hiểm, kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, đa dạng hóa sản phẩm, qua đó giúp thị trường mang tính cạnh tranh hơn, hướng tới cung cấp dịch vụ chất lượng cao hơn cho khách hàng. Đặc biệt, trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, cơ hội sẽ mở ra với hầu hết các nghiệp vụ bảo hiểm, trong đó đáng chú ý, bảo hiểm tài sản có cơ hội gia tăng nhanh chóng khi làn sóng đầu tư FDI từ 11 nước thành viên vào Việt Nam và các quốc gia ngoài TPP vào Việt Nam tăng tốc.

2016 cũng là năm bản lề cho giai đoạn trung hạn tiếp theo thực hiện Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm giai đoạn 2016-2020. Theo đó, các Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo hiểm sẽ tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp luật về kinh doanh bảo hiểm; tập trung xây dựng Nghị định thay thế các Nghị định về kinh doanh bảo hiểm; xây dựng, đề xuất các chính sách thúc đẩy doanh nghiệp bảo hiểm triển khai các sản phẩm bảo hiểm có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội...

Nhờ hội nhập cũng như tiếp tục đà phục hồi của thị trường bảo hiểm, theo nhận định của Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ sẽ tăng trưởng tối thiểu 18% trong năm 2016. BIC cho rằng 2016 sẽ là năm thị trường bảo hiểm tiếp tục tốc độ tăng trưởng cao, các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ tận dụng và sẵn sàng cho lộ trình hội nhập của nền kinh tế đất nước để tăng cường năng lực cạnh tranh.

Kết quả kinh doanh của BIC năm 2015

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Cùng với sự khởi sắc của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, năm 2015, BIC đã đạt được những kết quả kinh doanh ấn tượng và hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch.

Kết quả kinh doanh hợp nhất

Trong một năm ghi nhận những thành công vượt bậc của Công ty mẹ BIC và Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào – Việt (LVI), kết quả kinh doanh hợp nhất của BIC đã đạt được những con số rất khả quan:

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm hợp nhất toàn Tổng Công ty đạt 1.686,9 tỷ đồng, tăng trưởng 29% so với năm 2014. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 1.550,9 tỷ đồng, doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 136 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 156,8 tỷ đồng, tăng trưởng 13,6% so với năm 2014.
- Với việc hoàn thành thương vụ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nước ngoài, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu hợp nhất của BIC đã tăng lên đáng kể. Cụ thể, tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm cuối năm 2015 đạt 4.344,2 tỷ đồng, tăng 41,6% so với thời điểm cuối năm 2014; vốn chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2015 đạt 2.031,5 tỷ đồng, tăng 124,3% so với năm 2014.
- Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ hợp nhất đạt 1,789,3 tỷ đồng, tăng 15,2% so với năm 2014.

Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ

- Tăng trưởng doanh thu: Tổng doanh thu phí bảo hiểm của Công ty mẹ năm 2015 đạt 1.478,7 tỷ đồng, tăng trưởng 32,5% so với năm 2014, hoàn thành 113,3% kế hoạch cả năm, trong đó, doanh thu phí gốc đạt 1.280,6 tỷ đồng, tăng 29,2%, doanh thu phí nhận tái đạt 198,1 tỷ đồng, tăng 58,1%.

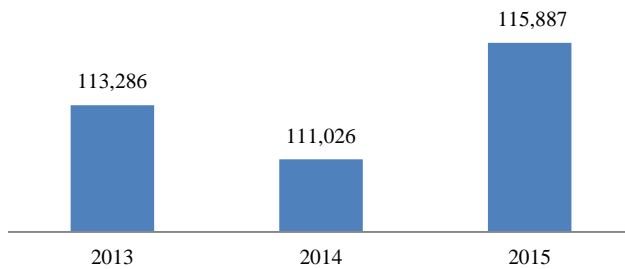
Bằng các biện pháp thúc đẩy hiệu quả, hầu hết các dòng sản phẩm của BIC (trừ bảo hiểm hàng không) đều tăng trưởng ấn tượng. Đặc biệt là các dòng sản phẩm: bảo hiểm hàng hóa vận chuyển (tăng 60,82%), bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu (52%), bảo hiểm xe cơ giới (32,1%), bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người (31,7%), bảo hiểm cháy nổ (26,7%)...

Nghiệp vụ	2014		2015		Tăng trưởng
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	
Xe cơ giới	360,668	36,39%	476,698	37,22%	32,17%
Tài sản và thiệt hại	239,908	24,20%	264,074	20,62%	10,07%
Cháy nổ	123,686	12,48%	156,788	12,24%	26,76%
Sức khỏe và tai nạn con người	117,570	11,86%	154,931	12,10%	31,78%
Hàng hóa vận chuyển	76,815	7,75%	123,531	9,65%	60,82%
Thân tàu & TNDS chủ tàu	45,600	4,60%	69,314	5,41%	52,00%
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	7,962	0,80%	13,724	1,07%	72,37%

Thiệt hại kinh doanh	6,261	0,63%	7,109	0,56%	13,54%
Nông nghiệp	424	0,04%	7,641	0,60%	1.702,12%
Trách nhiệm	6,010	0,61%	6,403	0,50%	6,54%
Hàng không	6,259	0,63%	430	0,03%	-93,13%
Tổng	991,163		1.280,643		29,21%

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ



- Lợi nhuận: Tổng lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ năm 2015 đạt 115,9 tỷ đồng, tăng trưởng 4,4% so với năm 2014.

Sự tăng trưởng này chủ yếu nhờ sự tăng trưởng của lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính. Năm 2015, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính của BIC đạt 117,8 tỷ đồng, tăng trưởng 7,3% so với năm 2014.

Công ty chưa có lãi từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong năm 2015 do chi phí bồi thường tăng so với kế hoạch.

- Quy mô tài sản và nguồn vốn:

Tổng tài sản Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2015 là 3.692 tỷ đồng, tăng 54,7% so với năm 2014.

Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ năm 2015 đạt 1.944,9 tỷ đồng, tăng 121,5% so với năm 2014.

Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt 1.302,4 tỷ đồng, tăng 18,7% so với năm 2014, khẳng định khả năng thành toán của BIC luôn được duy trì tốt, sẵn sàng chi trả cho các tổn thất lớn phát sinh.

Hoạt động đầu tư và dịch vụ tài chính

STT	Khoản mục	31/12/2013		31/12/2014		31/12/2015	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I	Theo loại tài sản						
1	Tiền gửi	1.009,714	77%	1.231,726	79,90%	2.328,679	84,90%
2	Trái phiếu	195,046	15%	130,000	8,40%	233,440	8,50%
3	Cổ phiếu	64,077	5%	79,478	5,20%	80,923	3,00%
4	Góp vốn	50,000	4%	100,000	6,50%	100,000	3,60%
II	Theo kỳ hạn						
1	Đầu tư ngắn hạn	1.059,288	80%	1.159,344	75,20%	2.139,878	78,00%
2	Đầu tư dài hạn	259,550	20%	381,861	24,80%	603,164	22,00%
	Tổng cộng	1.318,837	100%	1.541,204	100%	2.743,041	100%
	Tăng trưởng hàng năm	8,40%		16,90%		78,00%	

(Đơn vị: Tỷ đồng)

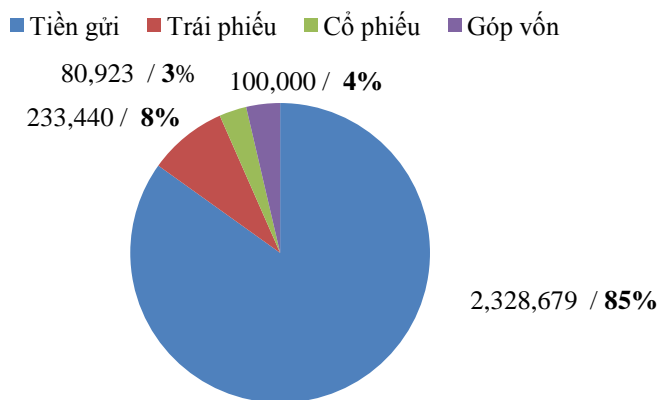
Tổng giá trị danh mục đầu tư hợp nhất của BIC năm 2015 đạt **2.743 tỷ đồng**, tăng **78%** so với năm 2014.

Giá trị danh mục đầu tư tăng mạnh trong năm là do BIC đã thu về hơn 1.000 tỷ đồng từ việc phát hành thành công 35% vốn điều lệ cho Cổ đông chiến lược – Fairfax Asia.

Do nguồn tiền tăng vốn phát sinh vào cuối năm nên phần lớn được sử dụng để đầu tư tiền gửi hưởng lãi suất, chuẩn bị cho các kế hoạch đầu tư trong năm 2016.

Đầu tư tiền gửi tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu danh mục đầu tư năm 2015 của BIC (**84,9%**), tiếp đến là trái phiếu (**8,5%**), góp vốn liên doanh (**3,6%**) và đầu tư cổ phiếu (**3,0%**).

Tỷ trọng danh mục đầu tư năm 2015



Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính hợp nhất năm 2015 (không gồm lãi/lỗ tỷ giá) đạt **135,5 tỷ đồng**, tăng 7,3% so với năm 2014, tiền gửi chiếm tỷ trọng lớn nhất ở mức 77%, hoạt động tiền gửi có tỷ suất sinh lời theo tính toán trung bình đầu kỳ và cuối kỳ là 5,5% do tiền từ tăng vốn phát sinh từ tháng 10/2015. Trái phiếu và cổ phiếu chiếm tỷ trọng trên 10%, hai hoạt động này tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động khá, vượt mức trung bình của thị trường.

Cơ cấu lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính

TT	Khoản mục	2013		2014		2015	
		Thu nhập	ROI	Thu nhập	ROI	Thu nhập	ROI
1	Công ty mẹ BIC	119,744	10,20%	113,856	8,80%	119,747	6,10%
	Tiền gửi	87,336	10,10%	78,573	8,00%	88,069	5,50%
	Trái phiếu	24,982	12,70%	16,409	10,10%	16,174	8,90%
	Cổ phiếu	4,576	8,77%	18,874	26,30%	15,504	19,33%
	Góp vốn	2,850	5,70%	0	0,00%		0,00%
2	Công ty con LVI	4,018	4,10%	12,399	8,70%	15,798	8,70%
	Tiền gửi	4,018	4,10%	12,339	8,70%	15,865	8,80%
	Cổ phiếu	0	0,00%	60	13,20%	-67	-15,60%
3	Tổng cộng	123,762	9,70%	126,255	8,80%	135,545	6,30%

Kết quả hoạt động của các Liên doanh

Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt

Tổng quan về LVI



LVI được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2008 với 03 đối tác trong liên doanh là Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC), Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) và Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (Lao Viet Bank). Trong suốt 8 năm hoạt động, LVI đã có sự phát triển nhanh chóng cả về nhân sự cũng như mạng lưới kinh doanh trên toàn nước Lào. Với chiến lược phát triển bền vững và hiệu quả, LVI hiện là một trong hai công ty bảo

hiểm dẫn đầu thị trường bảo hiểm Lào về doanh thu, thị phần, thương hiệu...

Tính đến hết năm 2015, LVI có hai cổ đông lớn gồm Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) sở hữu 65% cổ phần và Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) sở hữu 35% cổ phần.

Kết quả hoạt động của LVI năm 2015

Kết quả kinh doanh

Năm 2015, nền kinh tế Lào tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Lào năm 2015 dự kiến tăng trưởng 7,5% so với năm 2014, lạm phát được duy trì ở mức thấp (1,33%). Trong bối cảnh đó, LVI tiếp tục đạt được những kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2015:

- Doanh thu phí bảo hiểm năm 2015 đạt **12.403.472 USD**, tăng trưởng **7,24%** so với năm 2014.
- Tỷ lệ bồi thường thuộc TNGL năm 2015 ở mức **18,62%**, giảm **20%** so với năm 2014.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt **1.880.198 USD**, tăng trưởng **37,75%** so với năm 2014.
- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2015 đạt **34.083.881 USD**, giảm 14% so với thời điểm 31/12/2014.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 đạt **6.307.803 USD**, tăng 29% so với thời điểm 31/12/2014.
- Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ tại thời điểm 31/12/2015 đạt **2.395.227 USD** giảm 6% so với năm 2014.
- ROE năm 2015 đạt **26,35%**, tăng **11%** so với 2014.

Kết quả hoạt động khác

- Quản lý tài chính: Thực hiện tốt các biện pháp thực hành tiết kiệm, kiểm soát chi phí, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh của LVI.

- Quản lý nghiệp vụ: Hoàn thành việc đánh giá hiệu quả kinh doanh đối với từng sản phẩm, nhóm sản phẩm để định hướng khai thác. Thực hiện tốt việc đánh giá, phân loại, lựa chọn và quản lý rủi ro trong quá trình khai thác.
- Quảng bá xây dựng thương hiệu: Thương hiệu LVI đã có mặt ở hầu hết các tỉnh thành của Lào, trên tất cả các máy bay, bay quốc tế và nội địa của Lao Airlines.
- Hoạt động liên kết bán chéo sản phẩm: Triển khai được hơn 120 điểm bán Bancassurance thông qua việc ký hợp đồng hợp tác với LVB, APB, STbanks, Indochina Bank, BCEL...
- Thành lập thêm phòng Kinh doanh Online để quản lý, phát triển các điểm bán Bancassurance hiện tại, nghiên cứu áp dụng công nghệ thông tin để phát triển các kênh bán hàng mới.
- Thành lập Chi nhánh LVI Nam Lào phụ trách địa bàn các tỉnh: Savanakheth, Salavanh, Xekong, Champasack, Atapu.

Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam (CVI)

Tổng quan về CVI



CVI là doanh nghiệp bảo hiểm Phi nhân thọ thứ 6 tại thị trường Campuchia, được hình thành và phát triển dựa trên nền tảng 59 năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng của BIDV và hơn 15 năm kinh nghiệm bảo hiểm của Liên doanh BIDV-QBE và BIC tại thị trường Việt Nam và Lào.

Các cổ đông sáng lập của CVI gồm: IDCC (do BIDV đầu tư 100% vốn), Kasimex, NH Holdings. Bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 9/2009, CVI kinh

doanh trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, quản lý rủi ro và đầu tư.

Định hướng hoạt động của CVI là nằm trong top đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Campuchia, đóng góp cho sự phát triển và thịnh vượng của nền kinh tế Campuchia đồng thời củng cố và tăng cường mối quan hệ hợp tác hữu nghị lâu đời giữa 2 nước Việt Nam và Campuchia.

Kết quả hoạt động của CVI năm 2015

Kết quả kinh doanh

- Doanh thu phí bảo hiểm của CVI năm 2015 đạt **5.483.984 USD**, tăng trưởng **25,64%** so với năm 2014.
- Tỷ lệ bồi thường được kiểm soát tốt, ở mức **21,8%**. Tốc độ xử lý bồi thường ngày càng được nâng cao.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt **731.287 USD**, tăng trưởng **69,76%** so với năm 2014. Đặc biệt, năm 2015, CVI tiếp tục có lãi từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm với lợi nhuận ở mức **329.864 USD**.

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2015 đạt **11.666.964 USD**, tăng **25,22%** so với thời điểm 31/12/2014.
- Vốn chủ sở hữu đạt **7.727.017 USD**, tăng **5,79%** so với thời điểm 31/12/2014.
- Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt **525.327 USD**, tăng **64,77%** so với thời điểm 31/12/2014.

Kết quả hoạt động khác

- Triển khai thành công một loạt các sản phẩm bảo hiểm mới như D&O, BBB, Bảo hiểm Cọ dầu tại thị trường Campuchia.
- Giữ vững và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác, ngân hàng, các nhà môi giới quốc tế và nội địa.
- Hoạt động quảng bá thương hiệu tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần xây dựng hình ảnh thân thiện của CVI trong tâm trí khách hàng.
- Kiện toàn cơ chế quản trị điều hành, cải tiến quy trình nghiệp vụ, đơn giản hóa thủ tục - hành chính phục vụ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh.
- Từng bước xây dựng văn hóa Công ty, thu hẹp khoảng cách về văn hóa giữa cán bộ bản địa và cán bộ Việt Nam.

Những tiến bộ đã đạt được năm 2015 của BIC

Tăng trưởng đạt mức cao nhất sau cổ phần hóa

Năm 2015, doanh thu phí bảo hiểm Công ty mẹ BIC tăng trưởng 32,5% so với năm 2014, cao nhất kể từ khi hoàn thành cổ phần hóa năm 2010 và cao hơn gần gấp đôi tốc độ tăng trưởng chung toàn thị trường.

Kể từ năm 2011, nền kinh tế Việt Nam bước vào vòng xoáy suy thoái, thị trường bảo hiểm liên tục tăng trưởng giảm, cá biệt, năm 2013 toàn thị trường chỉ tăng có 7%, là mức đáy tăng trưởng trong vòng 15 năm trở lại đây. Trong giai đoạn suy thoái, mặc dù cũng bị ảnh hưởng do những khó khăn chung của thị trường nhưng BIC vẫn luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, cao hơn từ 1,5 – 2 lần mức tăng trung bình của toàn thị trường, kiên trì theo đuổi mục tiêu hiệu quả và lợi nhuận. Bên cạnh những nỗ lực thúc đẩy khai thác, tăng cường quản trị rủi ro, BIC cũng đưa ra nhiều giải pháp đồng bộ và nhiều cải tiến sáng tạo để tranh thủ những xu hướng của thị trường, đặc biệt là các giải pháp phát triển bán lẻ và các kênh phân phối hiện đại. Nhờ những bước đi chắc chắn và sáng tạo, ngay khi suy thoái kinh tế đi qua, từ năm 2014, tốc độ tăng trưởng của BIC luôn đạt cao. Đặc biệt, năm 2015 là năm BIC đạt tốc độ tăng trưởng tốt nhất trong vòng 5 năm qua, từ sau khi cổ phần hóa và suy thoái kinh tế, cao gần gấp 2 lần mức tăng của toàn thị trường.

Bên cạnh đó, BIC cũng đạt được nhiều mục tiêu quan trọng trong 5 năm qua, làm tiền đề quan trọng cho giai đoạn tăng trưởng sôi động tiếp theo của thị trường. Cụ thể: BIC đã hoàn thành dự án định hạng tín nhiệm và tái định hạng tín nhiệm với đối tác là tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính hàng đầu thế giới A.M.Best với mức xếp hạng khả quan B+ và có nhiều tiềm năng sẽ tăng hạng trong năm 2016; tìm kiếm thành công đối tác chiến lược nước ngoài là nhà bảo hiểm toàn cầu đến từ Canada, Fairfax; gia nhập “Câu lạc bộ 1.000 tỷ” (nhóm các công ty bảo hiểm có doanh thu phí bảo hiểm trên 1.000 tỷ đồng); mở rộng hiện diện tại hải ngoại với việc thành lập văn phòng đại diện tại Myanmar...

Với những sự chuẩn bị kỹ lưỡng đó, BIC đã nhanh chóng tăng tốc khi thị trường bước vào giai đoạn phục hồi năm 2015, khởi đầu một thời kỳ mới với nhiều hứa hẹn về sự tăng trưởng nhanh, bền vững.

Hợp tác chiến lược với nhà bảo hiểm hàng đầu thế giới – Nâng tầm thương hiệu

Năm 2015, khi nền kinh tế có dấu hiệu hồi phục, BIC đã khởi động lại dự án tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, thông qua các đối tác môi giới, BIC đã kết nối được với Fairfax Asia Limited, công ty bảo hiểm thuộc sở hữu toàn bộ của Fairfax Financial Holdings - nhà bảo hiểm toàn cầu đến từ Canada. Bên cạnh những lợi ích về kinh tế, hai bên nhanh chóng tìm được tiếng nói chung khi cùng nhau chia sẻ chiến lược hướng tới hiệu quả và phát triển bền vững.

FairFax Financial Holdings có trụ sở chính tại Toronto – Canada, là công ty chuyên kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm và đầu tư tài chính hoạt động trên phạm vi toàn cầu với tỷ suất sinh lời cao và giá trị công ty gia tăng nhanh chóng. Fairfax đã rất thành công trong việc phát triển các công ty bảo hiểm tại thị trường Châu Á như: đưa ICICI Lombard - một liên doanh bảo hiểm của Fairfax với Ngân hàng lớn thứ 2 của Ấn Độ đi vào hoạt động từ 2001 - trở thành

Công ty bảo hiểm đứng đầu trong khối tư nhân của Ấn Độ; đưa Công ty Bảo hiểm First Capital tại Singapore từ một Công ty bảo hiểm nhỏ nhất, hoạt động không hiệu quả, sau 10 năm đã trở thành công ty bảo hiểm lớn nhất và hiệu quả nhất của Singapore... BIC và FairFax đã chia sẻ nhiều điểm chung quý giá về văn hóa kinh doanh minh bạch, thân thiện, giàu tình bằng hữu.

Ngày 4/5/2015, BIC và FairFax ký kết hợp đồng hợp tác chiến lược. Đây là bước ngoặt có ý nghĩa rất lớn đối với BIC, bởi bên cạnh các lợi ích về kinh tế trong việc hợp tác với FairFax, đối tác còn cung cấp cho BIC các hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ tiêu chuẩn quốc tế, giúp BIC thực hiện mục tiêu chiến lược là trở thành một thương hiệu bảo hiểm dẫn đầu tại thị trường Việt Nam và vươn ra thị trường Đông Nam Á.

Hoạt động kinh doanh hiệu quả tại thị trường hải ngoại

Là doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam đầu tiên đặt nền móng kinh doanh tại Lào và Campuchia, sau thời gian đầu gây dựng, kể từ năm 2014, hai liên doanh của BIC tại các thị trường tiềm năng này đã bắt đầu gặt hái được những kết quả kinh doanh ấn tượng. Năm 2015, LVI và CVI tiếp tục hoạt động hiệu quả, đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh hợp nhất của BIC.

Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào - Việt (LVI) tiếp tục khẳng định vị thế là một trong 2 công ty bảo hiểm dẫn đầu thị trường Lào về thị phần và tỷ suất sinh lời. Đặc biệt, năm 2015, lợi nhuận trước thuế của LVI cán mốc 1.880.198 USD, tăng trưởng 37,7% so với năm 2014. Tỷ suất sinh lời/vốn chủ sở hữu (ROE) đạt mức 26,3%, một con số đáng mơ ước của các công ty bảo hiểm khác trong khu vực. Tính đến hết năm 2015, LVI đã chiếm 24,1% thị phần bảo hiểm tại Lào, mặc dù vẫn đứng thứ 2 thị trường về quy mô doanh thu nhưng khoảng cách với công ty bảo hiểm đứng đầu đã được thu hẹp đáng kể. Năm 2015 cũng đánh dấu sự kiện LVI trở thành công ty bảo hiểm đầu tiên mở chi nhánh tại Lào, qua đó, sở hữu mạng lưới phân phối sản phẩm lớn nhất tại thị trường này với 1 chi nhánh, 11 phòng giao dịch, hơn 200 điểm bán chéo sản phẩm Bancassurance và hơn 200 đại lý trên toàn quốc.

Tại thị trường Campuchia, năm 2015, *Công ty Bảo hiểm Cambodia – Việt Nam (CVI)* cũng gặt hái được những kết quả kinh doanh rất khả quan. Doanh thu phí bảo hiểm năm 2015 của CVI đạt 5.483.984 USD, tăng trưởng 25,6% so với năm 2014. Lợi nhuận trước thuế đạt 731.287 USD, tăng trưởng 69,7% so với năm ngoái. Mặc dù là công ty bảo hiểm xuất hiện thứ 6 tại Campuchia nhưng CVI luôn dẫn đầu thị trường về nghiệp vụ bảo hiểm hàng không, nghiệp vụ bảo hiểm đặc thù có độ khó cao về kỹ thuật cũng như yêu cầu khắt khe đối với khả năng tài chính của công ty bảo hiểm. Hiện tại, CVI đang thực hiện cung cấp dịch vụ cho 5/6 hãng hàng không tại Campuchia với số lượt khách hàng hàng năm được bảo hiểm gần 3 triệu lượt, trên 50 nghìn chuyến bay cùng gần 15.000 tấn hàng hóa các loại. Tổng phí bảo hiểm trên 3 triệu USD.

Không dừng lại tại thị trường Đông Dương, năm 2015, BIC tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động sang Myanmar, một thị trường bảo hiểm giàu tiềm năng, thông qua việc thành lập Văn phòng Đại diện tại quốc gia này. Văn phòng đại diện của BIC tại Myanmar có vai trò là cầu nối xúc tiến thương mại, thúc đẩy hoạt động kinh doanh bảo hiểm giữa Việt Nam và Myanmar, cụ thể gồm: hỗ trợ BIC và các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam tiếp cận với thị trường bảo hiểm Myanmar; nghiên cứu và cung cấp các thông tin về thị trường bảo hiểm Myanmar cho BIC và các tổ chức, doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam, thúc đẩy các hoạt động bảo hiểm qua biên giới

với Myanmar... Đây là bước khởi đầu để BIC sớm tiếp cận với thị trường bảo hiểm Myanmar, cũng như tìm hiểu, làm quen với thị trường, chuẩn bị cho việc thành lập Công ty bảo hiểm của BIC tại Myanmar vào thời điểm phù hợp trong tương lai.

Quản trị rủi ro hiệu quả - Đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh

Quản trị rủi ro là công cụ hữu hiệu đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh, phục vụ cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp bảo hiểm.

Năm 2015, BIC đã triển khai hàng loạt các nghiên cứu điều tra, thống kê tỉ mỉ, thận trọng trên phạm vi toàn quốc, có sự kết hợp giữa yếu tố định tính và định lượng, giữa tính độc lập và khách quan của người thực hiện công tác quản trị rủi ro và mối quan hệ phù hợp với quản lý và hỗ trợ hoạt động kinh doanh, bước đầu xây dựng khung quản trị rủi ro, mô hình, chương trình, hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp.

Đặc biệt, ngay trong năm 2015, BIC và đối tác chiến lược nước ngoài – FairFax - đã thành lập các tổ chuyên gia để thực hiện công tác chuyển giao kỹ thuật, trong đó, quản trị rủi ro là một trong những nhóm công việc chủ đạo. Với “công nghệ nhập khẩu”, đội ngũ nhân sự ngày càng được trau dồi cũng như sự thấu hiểu, quan tâm sát sao, nhận thức đúng tầm của các nhà quản trị, điều hành, hoạt động quản trị rủi ro của BIC hứa hẹn sẽ có những bước phát triển vượt bậc trong tương lai.

Mở rộng hoạt động tại các địa bàn trọng điểm

Song song với việc đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới kinh doanh là một trong những trọng tâm công tác của BIC trong năm qua. Năm 2015, BIC đã thành lập mới 12 Phòng Kinh doanh tại các địa bàn trọng điểm: Hà Nội (05 Phòng Kinh doanh), Hải Phòng (01 Phòng Kinh doanh), Vĩnh Phúc (01 Phòng Kinh doanh), Sơn La (01 Phòng Kinh doanh), Hải Dương (01 Phòng Kinh doanh), Nghệ An (01 Phòng Kinh doanh), TP.HCM (01 Phòng Kinh doanh), Vĩnh Long (01 Phòng Kinh doanh).

Đặc biệt, trong năm 2015, BIC đã được Bộ Tài chính chấp thuận việc thành lập Công ty Bảo hiểm BIDV Bến Thành (BIC Bến Thành) tại TP.HCM. Sự ra đời của BIC Bến Thành, cùng hai công ty thành viên BIC đang hoạt động rất hiệu quả tại địa bàn (BIC Hồ Chí Minh, BIC Sài Gòn) sẽ là cơ sở để BIC tiếp tục tạo ra bước đột phá trong hoạt động kinh doanh, cải thiện mạnh mẽ năng lực cạnh tranh, qua đó, đưa BIC trở thành thương hiệu bảo hiểm hàng đầu tại TP.HCM, đầu tàu kinh tế của cả nước.

Hiện tại, BIC đã có 26 công ty thành viên và 132 phòng kinh doanh phủ rộng hầu hết các địa bàn trọng điểm trên toàn quốc.

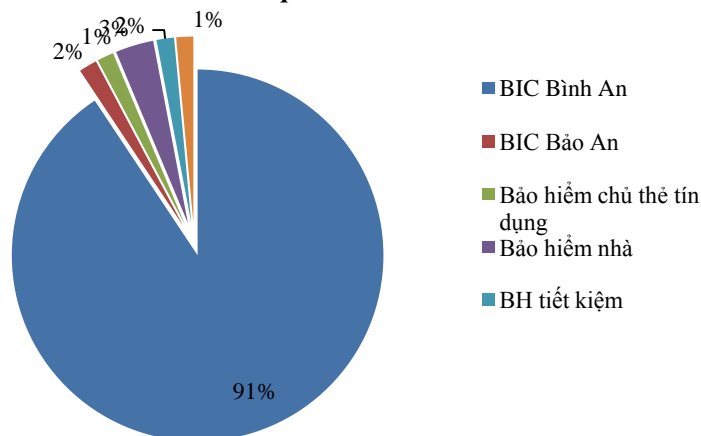
Các kênh phân phối bán lẻ thành công rực rỡ

BIC là doanh nghiệp bảo hiểm tiên phong trong việc triển khai các kênh phân phối bán lẻ tiên tiến, hiện đại như Bancassurance và bảo hiểm trực tuyến. Trong năm 2015, các kênh bán lẻ của BIC (Bancassurance, Bảo hiểm trực tuyến, Telesales) tiếp tục đạt được những kết quả ấn tượng, đóng góp ngày càng nhiều hơn trong tỷ trọng doanh thu của toàn hệ thống.

Bancassurance

Năm 2015, BIC tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu thị trường trong việc triển khai kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng (Bancassurance) cả về số lượng sản phẩm và mạng lưới ngân hàng liên kết. Doanh thu năm 2015 qua kênh phân phối này tăng trưởng 21,4% so với năm 2014, hoàn thành xuất sắc kế hoạch. Đặc biệt, năm 2015, Bancassurance tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những kênh phân phối hiệu quả nhất của BIC với tỷ lệ bồi thường gốc ở mức 12%, riêng sản phẩm Bảo hiểm người vay vốn - BIC Bình An (chiếm 90% doanh thu của kênh) có tỷ lệ bồi thường chỉ 5%.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm của kênh Bancassurance



Để đạt được những kết quả kinh doanh ấn tượng, năm 2015, BIC đã triển khai nhiều giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy sự tăng trưởng của kênh Bancassurance như:

- Lần đầu tiên phối hợp với Trung tâm đào tạo Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ và cấp chứng chỉ đại lý cho hơn 500 cán bộ trong hệ thống BIDV;
- Triển khai nhiều chương trình động lực hấp dẫn cho cán bộ BIDV và BIC;
- Mở rộng quyền lợi để đưa sản phẩm BIC Bình An trở thành một trong những sản phẩm hấp dẫn nhất thị trường, đồng thời, phát triển thêm nhiều sản phẩm mới;
- Nghiên cứu và ban hành các chương trình chăm sóc khách hàng VIP;
- Ứng dụng chữ ký số cho kênh Bancassurance, rút ngắn tối đa quá trình cấp đơn bảo hiểm...

Bảo hiểm trực tuyến

Cùng với sự phát triển của thương mại điện tử tại Việt Nam, năm 2015, kênh bảo hiểm trực tuyến (E-business) của BIC tiếp tục gặt hái được những kết quả khả quan. Doanh thu năm 2015 qua kênh phân phối này tăng trưởng 23% so với năm 2014, hoàn thành 106% kế hoạch năm.

Bên cạnh đó, năm 2015, kênh bảo hiểm trực tuyến của BIC cũng để lại nhiều dấu ấn như: triển khai nâng cấp, tối ưu thiết kế giao diện website www.baohiemtructuyen.com.vn; nghiên cứu, ban hành các chương trình chăm sóc khách hàng, các chương trình khuyến mại lớn; gia tăng độ nhận

biết của khách hàng thông qua các chương trình quảng cáo trên Google, Facebook... qua đó, ngày càng gia tăng giá trị cho khách hàng mua bảo hiểm qua kênh phân phối này.

Đặc biệt, năm 2015, BIC cũng đã chính thức trở thành hội viên của Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam (VECOM). Đây là cơ hội để BIC đẩy mạnh hợp tác với các hội viên của Hiệp hội, nhờ đó, tiếp tục cải thiện hoạt động kinh doanh cũng như đóng góp nhiều hơn để phát triển lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam.

Telesales

Kênh bán bảo hiểm qua điện thoại (Telesales) được BIC đưa vào triển khai từ năm 2014 nhằm bổ sung thêm một kênh phân phối bán lẻ giàu tiềm năng. Năm 2015, với những nỗ lực trong việc tìm kiếm, tiếp cận khách hàng, sự tư vấn nhiệt tình, tận tâm cùng nhiều chương trình ưu đãi, gia tăng giá trị cho khách hàng, doanh thu của kênh Telesales tăng trưởng 140% so với năm 2014, khẳng định hướng đi sáng tạo và hiệu quả của BIC đối với kênh bán hàng mới mẻ này.

Kế hoạch và giải pháp thực hiện năm 2016

Kế hoạch kinh doanh năm 2016

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm (phát sinh) riêng BIC: **1.750 tỷ đồng**.
Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc: **1.570 tỷ đồng**.
- Tỷ lệ chi phí kết hợp: <100%.
- Lợi nhuận trước thuế riêng BIC: **182 tỷ đồng**.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: **230 tỷ đồng**.

Giải pháp thực hiện

- Tập trung nâng cao sức cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thông qua thực hiện có hiệu quả dự án hỗ trợ kỹ thuật của Nhà đầu tư chiến lược.
- Xây dựng, phân bổ danh mục đầu tư hợp lý để đảm bảo mục tiêu sinh lời ngắn hạn và xây dựng danh mục dài hạn.
- Tăng doanh thu trên cơ sở thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro, đảm bảo tỷ lệ bồi thường và chi phí ở mức hợp lý, đảm bảo tỷ lệ chi phí kết hợp dưới 100%.
- Đẩy mạnh quan hệ hợp tác khai thác bảo hiểm qua các chi nhánh BIDV để tận dụng tối đa tiềm năng của hệ thống BIDV.
- Cải tiến cơ chế giao kế hoạch, cơ chế tài chính, phân cấp thẩm quyền đối với các Công ty thành viên để tăng năng lực cạnh tranh, tăng trưởng doanh thu đảm bảo mục tiêu kinh doanh hiệu quả toàn Tổng Công ty.
- Triển khai thực hiện kế hoạch chuyển trụ sở vào TP. HCM phù hợp, tiết kiệm chi phí, đảm bảo hoạt động kinh doanh không bị xáo trộn, sắp xếp bố trí công tác phù hợp cho cán bộ.
- Đối với hoạt động kinh doanh tại hải ngoại: tập trung mở rộng kinh doanh, tăng nhanh thị phần và hiệu quả kinh doanh tại địa bàn Lào; tăng trưởng hợp lý trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro tại thị trường Campuchia, nghiên cứu cơ hội kinh doanh tại thị trường Myanmar.

Mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016 – 2020

Mục tiêu:

- Tăng trưởng quy mô, mở rộng hoạt động gắn liền với tăng trưởng bền vững, kiểm soát chất lượng bồi thường, đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Phát triển BIC trở thành công ty bảo hiểm phi nhân thọ nằm trong Top 5 công ty có thị phần lớn nhất và tỷ suất sinh lời cao nhất của thị trường Việt Nam, có mức định hạng tín nhiệm quốc tế nằm trong nhóm các công ty bảo hiểm dẫn đầu của Việt Nam, thu nhập từ thị trường hải ngoại chiếm trên 30% vào năm 2020.
- Chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty nắm vốn (Holding), áp dụng kỹ năng quản trị hiện đại, kết nối hoạt động các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ giữa thị trường Việt Nam – Lào – Campuchia – Myanmar.
- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm – ngân hàng; nâng cao kỹ năng, tính chuyên nghiệp theo thông lệ, phát triển kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng – Bancassurance là lợi thế vượt trội trong cạnh tranh.

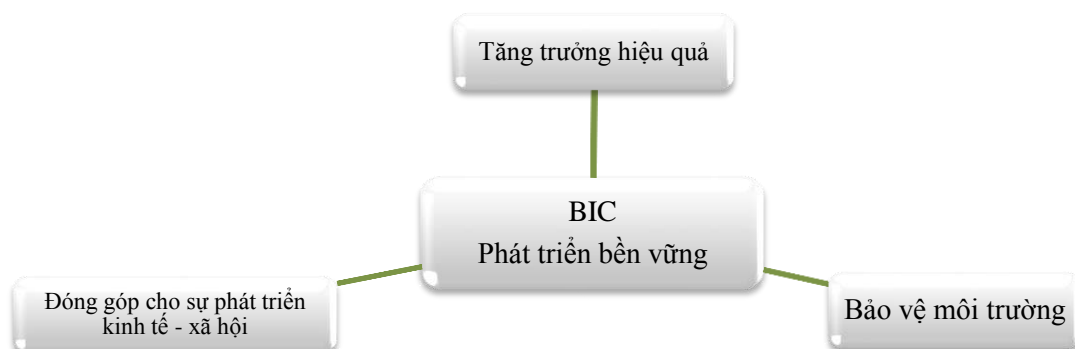
Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chủ yếu giai đoạn 2016 – 2020:

- Quy mô doanh thu phí bảo hiểm tăng trưởng bình quân **22%/năm** trong giai đoạn 2016 – 2020;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo tỷ suất sinh lời duy trì ở mức trên **15%** và đạt mức **18%** vào năm 2020, tỷ lệ cổ tức tối thiểu **10%/năm** và đạt mức **12%** vào năm 2020.
- Gia tăng chất lượng công tác giám định bồi thường, đảm bảo tỷ lệ bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại ở mức tối đa **42%/năm**.

Phần 3 - Hướng tới phát triển bền vững

Tầm nhìn và nỗ lực hướng tới hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững

BIC hiểu rằng hoạt động kinh doanh của mình sẽ tác động trực tiếp lên ba khía cạnh: kinh tế, xã hội và môi trường. Chính vì thế, chiến lược phát triển bền vững đã và luôn là quan điểm nhất quán của BIC trong suốt 10 năm hoạt động. Đồng thời, BIC cũng xác định, để phát triển bền vững và mang lại lợi ích cho xã hội, cộng đồng, phải khởi nguồn từ việc xây dựng cho mình các nguồn lực vững chắc và đảm bảo các mục tiêu kinh doanh trong quá trình hoạt động.



Từ bước khởi đầu khiêm tốn với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng và chỉ hơn 20 cán bộ, sau 10 năm gây dựng, hiện BIC đã trở thành 1 trong 10 công ty bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu thị trường về quy mô thị phần. BIC cũng đi trước đón đầu xu hướng hội nhập, đã mở rộng hoạt động tại Lào, Campuchia và mới đây là thành lập Văn phòng đại diện tại Myanmar. BIC cũng tiên phong phát triển các kênh phân phối bán lẻ mới và hiện đại như Bancassurance, Bảo hiểm trực tuyến, Telesales. BIC luôn có tốc độ tăng trưởng cao và tỷ suất sinh lời ở trong nhóm các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu thị trường. Sự tăng trưởng và hoạt động hiệu quả của BIC đã đóng góp đáng kể cho thị trường bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Kể từ năm 2010, BIC liên tục được ghi nhận là 1 trong 1.000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam, 1 trong 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất và 1 trong 50 doanh nghiệp niêm yết hoạt động hiệu quả nhất.

BIC hiện có 26 Công ty thành viên và 132 Phòng kinh doanh, trải dài tới mọi miền của đất nước, tạo công ăn việc làm cho hơn 750 cán bộ nhân viên và 1.500 đại lý. Những sản phẩm dịch vụ của BIC là tấm lá chắn tài chính vững chắc cho các khách hàng cá nhân, doanh nghiệp. Ước tính, với doanh thu phí khoảng 66 triệu USD nhưng tổng mức trách nhiệm mà BIC gánh vác là 28 tỷ USD, thể hiện vai trò to lớn của BIC trong việc bảo vệ rủi ro cho cộng đồng, xã hội.

BIC cũng luôn tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng và Nhà nước trong mọi hoạt động của mình. BIC đã thực hiện thành công chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ cũng như tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược nước ngoài. Nhất quán với lộ trình hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới của đất nước, BIC cũng đã đi trước, đón đầu mở rộng hoạt động ra hải ngoại và chủ động tìm kiếm, hợp tác với các nhà tái bảo hiểm uy tín trên thế giới, thực hiện định hướng tín nhiệm của A.M.Best,....

Trong 10 năm hoạt động, BIC luôn thực hiện tốt trách nhiệm của mình với cộng đồng và xã hội, hưởng ứng các chương trình an sinh của Nhà nước, đồng thời, thể hiện sự quan tâm, sẻ chia với những hoàn cảnh éo le, những mảnh đời bất hạnh, các thiệt hại của cộng đồng do thiên tai, bão lũ... Đối với môi trường, hoạt động khai thác bảo hiểm của BIC hoàn toàn thân thiện với môi trường và mỗi cán bộ BIC là một điển hình gương mẫu trong việc “kinh doanh xanh”, bảo vệ tài nguyên môi trường.

Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững

BIC xác định quản trị doanh nghiệp là nhân tố cốt lõi để phát triển bền vững và đã xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế.

Năm 2010, BIC tiến hành cổ phần hóa và chuyển đổi mô hình sang Tổng Công ty Cổ phần. Cơ cấu quản trị cũng được thay đổi phù hợp với mô hình mới trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Cơ cấu quản trị của BIC được xây dựng bao gồm đầy đủ các chủ thể của một công ty đại chúng, gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành. Đồng thời, để đảm bảo vận hành một cách thống nhất và xuyên suốt, BIC cũng ban hành một hệ thống các quy định nội bộ về quản trị, điều hành, bao trùm các lĩnh vực hoạt động: quản trị rủi ro, nhân sự, kế hoạch, tài chính, nghiệp vụ, tổ chức mạng lưới,...

Sau giai đoạn phát triển về quy mô, chiếm lĩnh thị phần từ 2006 – 2009, sau khi cổ phần hóa, từ năm 2010, BIC đã kiên trì theo đuổi chiến lược hoạt động hiệu quả. Để đạt được mục tiêu này, BIC đã liên tục rà soát, hoàn thiện mô hình tổ chức, bộ máy điều hành phù hợp với thực tế kinh doanh, hướng tới tăng cường, nâng cao năng suất lao động. Từ năm 2010, BIC luôn là một trong các doanh nghiệp có tỷ suất sinh lời cao nhất trên thị trường, đây là thành quả của hệ thống quản trị năng động, linh hoạt ứng biến ngay cả khi thị trường bảo hiểm nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung rơi vào suy thoái.

Nhìn chung, đặc điểm nổi bật của hệ thống quản trị BIC đó là:

- Nền tảng quản trị đầy đủ và vững chắc với đầy đủ các chủ thể của một công ty đại chúng
- Tuân theo các chuẩn mực và thông lệ của Việt Nam và trên thế giới.
- Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và các quy chế quản trị đối với công ty niêm yết.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Hiểu rằng để đạt được các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, khách hàng là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công của doanh nghiệp, BIC luôn nỗ lực cải tiến không ngừng chất lượng dịch vụ để có được sự lựa chọn và ưu ái của khách hàng. BIC là doanh nghiệp sớm có đầu tư bài bản cho công tác dịch vụ khách hàng với việc triển khai đầu số hotline, hỗ trợ và tư vấn khách hàng 24/7 (1900.9456 và 1800.9456) và thành lập bộ phận Call Center với chức năng chính là chăm sóc và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Bên cạnh tư vấn và hỗ trợ cho hàng chục nghìn lượt khách hàng mỗi năm về các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm, hướng dẫn quy trình khiếu nại bồi thường, thông qua Call Center, BIC cũng tiến hành nhiều chương trình nghiên cứu, đo lường sự hài lòng của khách hàng để không ngừng cải tiến quy trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Đồng

thời, với mỗi khách hàng được giải quyết bồi thường, BIC đều có liên hệ để tìm hiểu tâm tư của khách hàng, đánh giá của khách hàng đối với công tác giải quyết bồi thường của BIC.

BIC cũng liên tục cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ, phát triển các sản phẩm và kênh phân phối mới để thỏa mãn tất cả các nhu cầu của khách hàng về các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ. BIC ghi dấu ấn trên thị trường với các sản phẩm “ngách” như Bảo hiểm Nhà chung cư, Bảo hiểm cây cao su, Bảo hiểm cháy nổ xe máy,... BIC là doanh nghiệp đi đầu phát triển các kênh phân phối như Bancassurance, bảo hiểm trực tuyến, Telesales. Các kênh bán lẻ này liên tục tăng trưởng ổn định qua các năm, đóng góp một phần quan trọng trong tổng doanh thu của BIC.

Đối với công tác giải quyết khiếu nại bồi thường, xác định đây là “trái tim” của một doanh nghiệp bảo hiểm, BIC luôn có những nỗ lực cụ thể trên phương châm “Nhanh chóng – kịp thời – chính xác”. Hiện BIC có liên kết với nhiều cơ sở y tế lớn và uy tín trong mạng lưới bảo lãnh viện phí, kết nối với hàng trăm garage trên cả nước để phục vụ khách hàng một cách tốt nhất. Quy trình giải quyết khiếu nại bồi thường liên tục được sửa đổi, rút gọn để giảm thủ tục hành chính cho khách hàng, trong đó áp dụng công nghệ tối đa để tăng hiệu quả xử lý khiếu nại. Đối với các khách hàng tham gia sản phẩm bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm ô tô có thể theo dõi quá trình giải quyết bồi thường của mình trên trang web, qua đó có thể bổ sung/chỉnh sửa hồ sơ bồi thường theo quy định để đảm bảo tiến độ bồi thường theo cam kết. Với tinh thần sẻ chia và tận tâm, các cán bộ bồi thường BIC luôn thể hiện tốt vai trò đồng hành và hỗ trợ khách hàng, chủ động thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trước các thiệt hại do rủi ro bất ngờ của khách hàng trong mọi trường hợp. Sự chủ động và kịp thời này của BIC được các đối tác liên kết bán bảo hiểm đánh giá cao và tin tưởng, thuyết phục thêm được nhiều đối tác tham gia mạng lưới liên kết phân phối sản phẩm bảo hiểm của BIC.

Những vụ việc tiêu biểu thể hiện sự chủ động thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm:

Chi trả bảo hiểm cho khách hàng của ngân hàng Liên Việt

Ngày 1/4/2015 - BIC đã chi trả tiền bảo hiểm cho khách hàng vay vốn của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tham gia bảo hiểm tại BIC. Bên nhận tiền bảo hiểm là gia đình khách hàng Vũ Thị Lộc, người đã không may qua đời do tai nạn giao thông.

Khách hàng Vũ Thị Lộc đã vay vốn với số tiền 41,8 triệu đồng trong kỳ hạn 3 năm từ ngày 14/1/2015 tại Chi nhánh LVPB Vĩnh Phúc và đã tham gia sản phẩm bảo hiểm cho người vay vốn BIC Bình An tại BIC Vĩnh Phúc cho khoản vay này. Do một tai nạn giao thông, mặc dù được gia đình, bệnh viện 354 và bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội) tận tình cứu chữa, khách hàng đã không qua khỏi và qua đời sau đó. BIC Vĩnh Phúc và LVPB Vĩnh Phúc đã kịp thời thăm hỏi, động viên và chia sẻ với gia đình khách hàng. Đồng thời, hai bên đã phối hợp nhịp nhàng cùng nhau hỗ trợ gia đình khách hàng hoàn thiện các thủ tục cần thiết để được chi trả bảo hiểm theo quy định.

Đây là trường hợp rủi ro đầu tiên của khách hàng Ngân hàng LVPB trong khuôn khổ hợp tác giữa LVPB và BIC. Theo điều kiện bảo hiểm BIC Bình An, trong trường hợp này, BIC sẽ thay mặt khách hàng trả nốt phần gốc và lãi của khoản vay tại thời điểm khách hàng tử vong cho Ngân hàng LVPB là 41,1 triệu đồng.

Chi trả bảo hiểm cho khách hàng gửi tiền tại BIDV

Ngày 22/4/2015 – BIC đã chi trả 16 triệu đồng tiền bảo hiểm cho gia đình khách hàng Lê Duy Phương theo điều kiện của sản phẩm bảo hiểm An Sinh Toàn Diện.

Khách hàng Lê Duy Phương đã gửi tiết kiệm theo chương trình Tích Lũy Bảo An tại BIDV Quảng Trị và được tặng sản phẩm bảo hiểm An sinh toàn diện của BIC kể từ ngày 22/1/2014. Ngày 24/1/2015, trong khi tham gia giao thông, anh Phương không may gặp tai nạn và tử vong sau đó. Trên cơ sở hướng dẫn và phối hợp của BIDV/BIC, gia đình khách hàng đã thực hiện các thủ tục cần thiết để được chi trả bảo hiểm theo quy định. Theo điều kiện của sản phẩm An sinh toàn diện, số tiền gia đình khách hàng được chi trả tương đương với số dư tài khoản tích lũy của khách hàng tại BIDV tính đến thời điểm gặp rủi ro.

Chi trả bảo hiểm 4 tỷ đồng cho khách hàng BIC Bảo An

Ngày 11/2/2015, BIC đã gặp gỡ và trao số tiền bồi thường 4 tỷ đồng cho Công ty Cổ phần Tây Đô, khách hàng tham gia sản phẩm Bảo hiểm cho Người quản lý Doanh nghiệp - BIC Bảo An.

Công ty CP Tây Đô hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh gỗ, là khách hàng vay vốn của chi nhánh BIDV Hà Tây, đã tham gia sản phẩm BIC Bảo An từ ngày 18/9/2014 với thời hạn 1 năm, người được bảo hiểm là ông Hoàng Phú Toàn – Tổng Giám đốc Công ty với tổng số tiền tham gia bảo hiểm ở mức cao nhất là 4 tỷ đồng. Theo điều khoản hợp đồng, trong trường hợp người quản lý doanh nghiệp gặp các rủi ro như tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn do tai nạn, BIC sẽ chi trả cho doanh nghiệp tối đa lên tới 4 tỷ đồng.

Ngày 18/1/2015, trong quá trình xếp và vận chuyển gỗ, ông Hoàng Phú Toàn không may bị tai nạn thương tâm dẫn đến tử vong. Sau khi phối hợp với khách hàng hoàn thiện hồ sơ, ngày 5/2/2015, BIC đã ban hành thông báo chấp thuận chi trả toàn bộ số tiền bảo hiểm theo hợp đồng với Công ty CP Tây Đô là 4 tỷ đồng.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Hoàng Phú Chinh, Tổng Giám đốc Công ty CP Tây Đô đã đánh giá cao tính nhân văn của sản phẩm và ghi nhận ý nghĩa của sản phẩm đối với hoạt động của Công ty CP Tây Đô sau mất mát lớn về nhân sự.

Đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư, cổ đông

Là một doanh nghiệp niêm yết, BIC nhận thức được tầm quan trọng của nhà đầu tư và các cổ đông trong công tác quản trị doanh nghiệp. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư của BIC luôn hướng tới đảm bảo quyền lợi của các Nhà đầu tư, cổ đông, đảm bảo tính minh bạch trong công bố thông tin và sự tuân thủ các quy định về pháp luật đối với một công ty niêm yết.

Để đảm bảo quyền lợi cho các Nhà đầu tư và Cổ đông, sự bình đẳng trong đối xử là nguyên tắc quan trọng trong công tác quan hệ cổ đông của BIC. Nguyên tắc đó được thực hiện nhất quán:

- Cổ đông được trả cổ tức một cách bình đẳng và kịp thời, đảm bảo theo đúng quy định
- Cổ đông được tham gia và được thông báo đầy đủ về các quyết định liên quan đến những sự thay đổi quan trọng của BIC như: sửa đổi quy định/điều lệ, ...
- Cổ đông có quyền tham gia ý kiến đối với các quyết định quan trọng của BIC như: đề cử các thành viên HĐQT, chính sách thù lao cho HĐQT và Ban KS.
- Cổ đông được tham gia một cách hiệu quả và có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, được thông tin đầy đủ về các quy định họp cũng như thủ tục biểu quyết, có quyền đặt câu hỏi về các vấn đề trọng yếu của BIC, có quyền được thông tin về các kỳ họp Đại hội cổ đông (thời gian, địa điểm, nội dung,...).
- Cổ đông có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc vắng mặt
- Đối với mỗi thông tin quan trọng về chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, các sự kiện mới có ảnh hưởng tới giá cổ phiếu BIC luôn được BIC lưu tâm và đảm bảo quyền tiếp nhận thông tin kịp thời và như nhau của các nhà đầu tư.

Trong công tác công bố thông tin, BIC đặc biệt tôn trọng tính tuân thủ, kịp thời và chính xác. Bên cạnh tuân thủ quy chế công bố thông tin của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, của Sở Giao dịch Chứng khoán T.p Hồ Chí Minh, BIC cũng ban hành nội bộ một quy trình công bố thông tin với các quy tắc cụ thể, chi tiết về trách nhiệm và nghĩa vụ công bố đối với từng loại thông tin. Đồng thời, các kênh công bố thông tin cũng được BIC đa dạng hóa, đảm bảo tiếp cận tới các nhà đầu tư một cách nhanh nhất và kịp thời nhất.



Về minh bạch hóa thông tin, BIC thực hiện Báo cáo tài chính theo 2 chuẩn mực kế toán: chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) nhằm không chỉ cung cấp thông tin cho nhà đầu tư trong nước mà còn hướng tới những nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh các thông tin phải công bố theo quy định, các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của BIC tại Việt Nam và hải ngoại cũng liên tục được cập nhật kịp thời và đầy đủ trên website www.bic.vn và các phương tiện truyền thông đại chúng để khách hàng và nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận, tham khảo, kịp thời đưa ra các quyết định đầu tư chính xác.

Trách nhiệm doanh nghiệp với cộng đồng

Bên cạnh đảm bảo sứ mệnh của một doanh nghiệp bảo hiểm chia sẻ rủi ro với khách hàng, BIC vẫn luôn quan tâm đến lợi ích cộng đồng và đảm bảo thực hiện trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp.

Các hoạt động từ thiện, cộng đồng tiêu biểu trong năm 2015

Ủng hộ các Trung tâm trẻ mồ côi và Trung tâm xã hội tỉnh Sơn La, Lào Cai, Tiền Giang



Tháng 1/2015, Công đoàn BIC đã gặp gỡ và trao tặng Trung tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi tỉnh Sơn La, Trung tâm Công tác Xã hội tỉnh Lào Cai, Trung tâm Công tác Xã hội tỉnh Tiền Giang các phần quà tiền mặt và hiện vật trị giá gần 100.000.000 đồng.

Ủng hộ học sinh và người dân sau thiên tai tại Bản Sen, Vân Đồn, Quảng Ninh



Tháng 7/2015, cán bộ nhân viên Công ty Bảo hiểm BIDV Quảng Ninh đã tổ chức chuyến đi từ thiện trao quà cho học sinh và người dân bị thiệt hại do mưa lũ tại Bản Sen, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

“Áo trắng đến trường” cho học sinh nghèo tỉnh Cần Giờ, T.p Hồ Chí Minh



Tháng 3/2015, cán bộ và nhân viên Công ty Bảo hiểm BIDV Sài Gòn đã tổ chức chuyến đi an sinh xã hội đến đảo Thạnh An, Cần Giờ, T.p Hồ Chí Minh. Đảo Thạnh An có khoảng 3.000 cư dân sinh sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt thủy sản, cuộc sống của các em học sinh bị giới hạn ngoài đảo và vô cùng thiếu thốn. BIC Sài Gòn đã trao tặng cho các em học sinh 200 bộ quần áo mới, tiền mặt và 16 suất học bổng.

Mang mùa xuân tới cho đồng bào nghèo xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai



Ngày 13/02/2015, Công ty Bảo hiểm BIDV Miền Đông đã tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho đồng bào nghèo, khó khăn không có điều kiện đón Tết tại xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Cấp sách đến trường cho các em học sinh nghèo Tỉnh Sơn La



Các chương trình từ thiện của Công ty Bảo hiểm BIDV Tây Bắc cho các em học sinh nghèo vượt khó Tỉnh Sơn La: Trao tặng áo ấm và cấp sách cho các em học sinh tại Trường Mầm non, Cấp 1,2 Xã Chiềng Ân, Huyện Mường La; Trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó tại Trường Tiểu học Sao Đỏ, huyện Vân Hồ; Trao tặng 100 cặp sách cho các em học sinh tại các điểm trường xã Kim Bon, huyện Phù Yên; Trao tặng 80 cặp sách cho các em học sinh tại các điểm trường xã Chiềng Noi, Huyện Mai Sơn.

Tặng quà bệnh nhân khó khăn tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La



Công ty bảo hiểm BIDV Tây Bắc trao tặng quà cho các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La

Gửi Tết cho các chiến sỹ Trường Sa



Ngày 31/12/2015, Công Đoàn – Đoàn thanh niên Tổng Công ty bảo hiểm BIDV đã trao tặng các chiến sỹ bộ đội Trường Sa số tiền 30.000.000 VNĐ tương đương với 300 chiếc bánh chưng để góp Tết cho các chiến sỹ nhân dịp xuân Bính Thân.

Chính sách cho người lao động

Xây dựng môi trường làm việc tốt nhất cho cán bộ nhân viên, đảm bảo quyền lợi của người lao động

Để nơi làm việc thực sự là mái nhà thứ hai của người lao động, BIC luôn cố gắng mang lại một môi trường làm việc tốt nhất cho cán bộ nhân viên cả về vật chất lẫn tinh thần. Các văn phòng làm việc được bố trí ở nơi thông thoáng, nhiều ánh sáng, đảm bảo sức khỏe cho cán bộ với trang thiết bị làm việc đầy đủ đáp ứng yêu cầu công tác. Không khí làm việc thân thiện, hòa đồng, sẻ chia và hợp tác để người lao động thực sự cảm thấy vui vẻ và hạnh phúc với công việc. Bên cạnh đảm bảo những quyền lợi cơ bản của người lao động như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BIC còn có chương trình chăm sóc sức khỏe riêng cho người lao động mang tên BIC Care (Bảo hiểm sức khỏe và con người cao cấp cho cán bộ BIC). Hàng năm, BIC luôn tổ chức các chương trình khám sức khỏe định kỳ để người lao động kiểm tra và nâng cao sức khỏe.

BIC cũng xây dựng một chương trình đãi ngộ có ý nghĩa, độc đáo, cạnh tranh, cân đối giữa thu nhập và các lợi ích khác dành cho các cán bộ, nhân viên. BIC chia sẻ lợi ích cho tất cả các thành viên một cách công bằng và thỏa đáng nhằm thu hút và gìn giữ tài năng với các tiêu chí:

- Cơ cấu tiền lương theo cơ chế thị trường, theo kết quả công việc và được đánh giá, xem xét lại hàng năm.

- Chế độ thưởng xứng đáng cho những thành viên làm việc đạt kết quả tốt.
- Chính sách ưu đãi và hỗ trợ tài chính trong dài hạn.
- Chia sẻ cơ hội đầu tư thông qua chính sách cổ phiếu hấp dẫn.

Tạo dựng văn hóa làm việc thân thiện, đoàn kết, sẻ chia

Bên cạnh một hệ thống quản trị bài bản và chuyên nghiệp, một đặc điểm dễ nhận thấy nhất ở tập thể BIC đó là sự đoàn kết, thân ái và sẻ chia giữa cán bộ nhân viên. Văn hóa này một phần tiếp thu từ Ngân hàng mẹ BIDV, một phần hình thành trong quá trình gây dựng phát triển của BIC từ thực tế kinh doanh và sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. Trong 10 năm qua, văn hóa này ngày càng đậm nét và được củng cố qua nhiều hoạt động nội bộ ý nghĩa, có tính gắn kết cao giữa các thành viên BIC. Đó là các hoạt động như:

- Các chương trình thể thao: giải bóng đá, tennis thường niên
- Hội diễn văn nghệ toàn hệ thống BIDV và BIC hàng năm
- Tặng quà, chăm sóc chị em phụ nữ nhân ngày 8/3 và 20/10: tặng thẻ spa, vé xem phim, mời chuyên gia đến nói chuyện về hạnh phúc gia đình, tổ chức các chương trình văn thể mỹ phục vụ các chị em...
- Tặng quà và tổ chức chương trình phá cỗ Trung thu cho con em cán bộ, tặng quà các cháu có thành tích học tập tốt, tặng quà nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 1.6
- Thăm hỏi và tặng quà, ủng hộ gia đình cán bộ có hoàn cảnh đặc biệt....

Bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Thành công phía trước của BIC dựa trên những nhân tài mà BIC vun đắp từ ngày hôm nay. BIC thấy rõ thách thức của môi trường cạnh tranh quyết liệt trong ngành bảo hiểm khi Việt Nam hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Vì vậy, chúng tôi tích cực thực hiện công tác đào tạo nhằm nâng cao nghiệp vụ cho cả cán bộ quản lý và nhân viên. Với mục tiêu đào tạo nhân viên theo chuẩn mực BIC, các nhân viên tại BIC được tham dự các lớp đào tạo phù hợp với công việc chuyên môn để đáp ứng yêu cầu công việc.

BIC có các chương trình đào tạo khác nhau phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: đại lý, chuyên viên, các cấp quản lý với cơ chế đào tạo đa dạng, bao gồm cả đào tạo trực tiếp và đào tạo từ xa, đào tạo nội bộ và bên ngoài, đào tạo trong nước và nước ngoài để đảm bảo rằng nhân viên sẽ nhận được sự hỗ trợ liên tục để phát triển sự nghiệp.

BIC xây dựng một đội ngũ hơn 30 giảng viên kiêm chức có nguồn từ chính những cán bộ chuyên môn và cán bộ lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm, kiến thức sẵn sàng chia sẻ với đồng nghiệp. Thông qua đào tạo nội bộ, kết hợp với các buổi thảo luận, diễn đàn chuyên đề, ban lãnh đạo cùng nhân viên có thể trao đổi kinh nghiệm, tìm ra phương thức cải tiến để hoạt động của BIC trở nên hiệu quả hơn. Đây là hình thức đào tạo hiện đang được tập trung để phát triển năng lực của nhân viên BIC. Ngoài ra, BIC còn cử đội ngũ lãnh đạo trung cấp và cao cấp theo học các khóa học chuyên ngành bảo hiểm ANZIIF do học viện bảo hiểm Malaysia tổ chức. Đây là khóa học được cấp chứng chỉ bảo hiểm quốc tế và có uy tín nhất trong lĩnh vực bảo hiểm của thế giới.

Hàng năm, BIC đều cử cán bộ đi học tập, khảo sát và đào tạo ở các nước trên thế giới (Úc, Malaysia, Singapore, Nhật Bản, Anh quốc, Thụy Sĩ, Hongkong,...) để tham dự các khóa đào tạo về nghiệp vụ, kỹ năng, quản lý nhằm cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên.

Kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, các hoạt động kinh doanh của BIC hoàn toàn thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, BIC vẫn không bỏ qua các vấn đề về kinh doanh xanh, bảo vệ môi trường. Bên cạnh đảm bảo hiệu quả kinh doanh, trong các năm qua, BIC đã vận dụng nhiều ý tưởng sáng tạo hướng đến phong cách kinh doanh xanh như:

- Tuân thủ các quy định về lao động: đảm bảo môi trường làm việc xanh, lành mạnh cho người lao động với việc bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc, bố trí đủ ánh sáng làm việc và sử dụng các thiết bị an toàn và bảo vệ sức khỏe của người lao động.
- Tiết kiệm năng lượng: hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu tốn năng lượng, áp dụng các sáng kiến xanh như: xanh hóa văn phòng làm việc bằng cách tiết kiệm giấy, tiết kiệm điện, sử dụng các thiết bị điện thông minh cũng như tái sử dụng đồ dùng tại nơi làm việc (sử dụng giấy 1 mặt để in các tài liệu tham khảo,...)
- Sáng kiến cải tiến quy trình làm việc theo hướng xanh hóa: việc áp dụng các phần mềm tiên tiến trong quá trình quản lý, điều hành, cung cấp sản phẩm dịch vụ đã tiết kiệm đáng kể nguồn lực cho doanh nghiệp. Một số sáng kiến như:
 - + Phần mềm quản lý văn bản online tạo điều kiện cho các đơn vị trên toàn hệ thống cập nhật liên tục các văn bản, chế độ từ Trụ sở chính vừa giúp tiết kiệm chi phí in ấn, chuyển phát nhanh qua đường bưu điện
 - + Ứng dụng chữ ký số trong việc cấp đơn bảo hiểm điện tử (tại website bán bảo hiểm trực tuyến www.baohiemtructuyen.com.vn) đã giúp tiết kiệm rất nhiều chi phí cho BIC trong việc in ấn và gửi giấy Chứng nhận bảo hiểm cho Khách hàng.
 - + Ứng dụng phần mềm cấp bảo hiểm trực tuyến tại các quầy giao dịch ngân hàng (BIDV và các ngân hàng liên kết triển khai Bancassurance): việc ứng dụng phần mềm cấp bảo hiểm trực tuyến giúp quá trình cấp đơn bảo hiểm tại quầy giao dịch ngân hàng chỉ mất vài phút, giúp tiết kiệm thời gian và thủ tục cho các khách hàng mua bảo hiểm. Sáng kiến này đã được ngân hàng và khách hàng đánh giá rất cao.

Phần 4: Quản trị doanh nghiệp

Danh sách cổ đông nội bộ BIC tại thời điểm 31/12/2015

TT	Họ tên	Chức vụ tại BIC	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Phạm Quang Tùng	Chủ tịch HĐQT	253,000	0.2157%
2	Trần Hoài An	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	37,950	0.0324%
3	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Thành viên HĐQT	-	
4	Võ Hải Nam	Thành viên HĐQT	-	
5	Đặng Thị Hồng Phương	Thành viên HĐQT	-	
6	Trần Trung Tính	Phó TGD	-	
7	Đoàn Thị Thu Huyền	Phó TGD	20,000	0.0171%
8	Vũ Minh Hải	Phó TGD	-	
9	Phạm Đức Hậu	Phó TGD	2,400	0.0020%
10	Huỳnh Quốc Việt	Phó TGD	7	0.0000%
11	Cao Cự Trí	Trưởng BKS	1,100	0.0009%
12	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên BKS	-	
13	Nguyễn Thành Công	Thành viên BKS	-	
14	Lại Ngân Giang	Giám đốc Ban Tài chính Kế toán	-	

Báo cáo hoạt động của HĐQT

Trong năm 2015, HĐQT BIC đã có 08 Phiên họp là Phiên họp lần thứ 20,21,22 nhiệm kỳ 2010-2015 tổ chức lần lượt vào các ngày 19/01/2015, ngày 12/02/2015, ngày 23/3/2015 và Phiên họp lần thứ 01, 02, 03,04,05 nhiệm kỳ 2015-2020 tổ chức lần lượt vào các ngày 20/4/2015; 13/05/2015; 20/5/2015; 01/09/2015 và 15/10/2015.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Quang Tùng	Chủ tịch	8/8	100%	
2	Ông Tôn Lâm Tùng	Thành viên	3/8	37.5%	Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2015
3	Bà Nguyễn Thị Thành Vân	Thành viên	3/8	37.5%	Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2015
4	Ông Lê Ngọc Lâm	Thành viên	3/8	37.5%	Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2015
5	Ông Trần Hoài An	Thành viên	5/8	62.5%	Đảm nhiệm chức vụ từ 20/4/2015
6	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Thành viên	4/8	50%	Đảm nhiệm chức

					vụ từ 20/4/2015
7	Ông Võ Hải Nam	Thành viên	5/8	62.5%	Đảm nhiệm chức vụ từ 20/4/2015
8	Bà Đặng Thị Hồng Phương	Thành viên độc lập	8/8	100%	

Các vấn đề phát sinh giữa các cuộc họp, HĐQT thực hiện trao đổi, xử lý thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua email và xác nhận lại tại phiên họp kế tiếp.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

- HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- Trong năm 2015, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm các chỉ đạo và quy định do HĐQT ban hành.

Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2015

TT	Số nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	010/NQ-HĐQT	26/1/2015	Nghị quyết họp HĐQT lần 20
2	015/NQ-HĐQT	27/1/2015	Phê duyệt các chỉ tiêu chính kế hoạch kinh doanh 2015 BIC
3	020/NQ-HĐQT	29/1/2015	Cử nhân sự đại diện quản lý phần vốn góp và tham gia HĐQT sau khi thành lập Công ty thu phí đường bộ không dừng
4	043/NQ-HĐQT	24/3/2015	Phê duyệt quyết toán Quỹ thu nhập 2014
5	047/NQ-HĐQT	30/3/2015	Cử nhân sự đại diện quản lý phần vốn góp và tham gia HĐQT sau khi thành lập CTCP VETC
6	050/NQ-HĐQT	31/3/2015	Đề cử nhân sự tham gia BKS VNR
7	061/NQ-HĐQT	7/4/2015	Đề cử thành viên HĐQT độc lập
8	091/NQ-HĐQT	13/5/2015	Cử nhân sự đại diện quản lý phần vốn góp và tham gia HĐQT sau khi thành lập CTCP VETC Việt Nam
9	101/NQ-HĐQT	26/5/2015	Thay đổi nhân sự đại diện quản lý vốn góp và tham gia HĐQT Công ty Tài chính Vinaconex-Viettel
10	108/NQ-HĐQT	8/6/2015	Thay đổi địa chỉ Văn phòng Đại diện tại Myanmar
11	200/NQ-HĐQT	22/10/2015	Phân cấp giới hạn trong quản trị điều hành hoạt động của TCT Bảo hiểm BIDV

12	219/NQ-HĐQT	09/12/2015	Thoái vốn CTCP Tài chính Vinanconex – Viettel
13	227/NQ-HĐQT	28/12/2015	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường 2015

Báo cáo hoạt động của Ban KS

Ngày 29/1/2016, BIC đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thêm 2 thành viên Ban Kiểm soát do Cổ đông chiến lược Fairfax đề cử.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Cao Cự Trí	Trưởng ban	
2	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	
3	Ông Nguyễn Thành Công	Thành viên	
4	Ông Zainul Abidin Rasheed	Thành viên	Đảm nhiệm chức vụ từ 29/01/2016
5	Ông Osith Ramanathan	Thành viên	Đảm nhiệm chức vụ từ 29/01/2016

Với vai trò thay mặt cổ đông giám sát tình hình hoạt động của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, trong năm qua Ban Kiểm soát đã thực hiện một số hoạt động như sau:

- Ban kiểm soát đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Kiểm soát theo từng năm, cử đại diện tham gia các cuộc họp HĐQT.
- Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông/Nghị quyết Hội đồng quản trị của Ban Tổng giám đốc.
- Thẩm tra báo cáo tài chính độc lập hàng năm theo niên độ 6 tháng một lần.
- Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài chính, đầu tư, điều hành kinh doanh và tổ chức hạch toán, kế toán...đảm bảo hoạt động của HĐQT, TGD tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ của Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Báo cáo quản trị

Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Căn cứ phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV đã thực hiện chi trả thù lao, phụ cấp cho các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát như sau:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Thù lao	462,000,000
2	Phụ cấp	538,000,000

Giao dịch cổ phiếu của người liên quan

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (<i>mua, bán, chuyển đổi, thưởng...</i>)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đoàn Thị Thu Huyền	Phó TGD	28,930	0.038%	20,000	0.017%	Bán
2	Phạm Đức Hậu	Phó TGD	30,120	0.040%	2,400	0.002%	Bán

Phần 5 - Quan hệ cổ đông

Thông tin cổ phiếu BIC

Tính tại ngày 31/12/2015

<i>Vốn điều lệ</i>	1.172.768.950.000	đồng
<i>Số lượng cổ phiếu niêm yết</i>	117.276.895	cổ phiếu
<i>Loại cổ phiếu</i>	Phổ thông	
<i>Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành</i>	117.276.895	cổ phiếu
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	0	cổ phiếu
<i>Mệnh giá</i>	10.000	đồng/cổ phiếu

Lịch sử chi trả cổ tức

<i>Năm</i>	<i>Tỷ lệ cổ tức</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
2014	10% (tiền mặt)	24-04-2015
2013	10% (cổ phiếu)	30-07-2014
2012	10% (tiền mặt)	26-04-2013
2011	10% (tiền mặt)	26-04-2012

Thông kê khối lượng cổ phiếu BIC giao dịch

Tính tại ngày 31/12/2015

<i>Tổng số phiên</i>	248	phiên
<i>Tổng khối lượng khớp lệnh</i>	40.037.900	cổ phiếu
<i>Tổng giá trị khớp lệnh (VNĐ)</i>	801.273.000.000	đồng
<i>Khối lượng giao dịch bình quân/ngày</i>	159.663	cổ phiếu
<i>Khối lượng giao dịch cao nhất (14/07/2015)</i>	1.196.170	cổ phiếu
<i>Khối lượng giao dịch thấp nhất (03/02/2015)</i>	1.641	cổ phiếu
<i>Giá giao dịch cao nhất (14/07/2015)</i>	26.500	đồng/cổ phiếu
<i>Giá giao dịch thấp nhất (06/01/2015)</i>	12.300	đồng/cổ phiếu

Biến động của cổ phiếu BIC so với thị trường

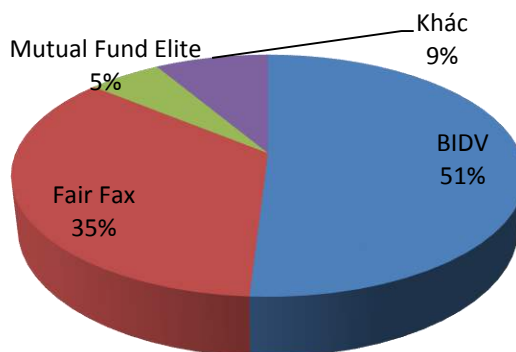
Năm 2015 tiếp tục là một năm thành công đối với các nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu BIC. Giá cổ phiếu BIC đã tăng từ 12.300 đồng/cổ phiếu lên 18.500 đồng/cổ phiếu, tương đương mức tăng 49,2%, so với mức tăng chỉ là 6,12% của Vn-Index. Giá cổ phiếu BIC trong năm 2015 đã có thời điểm tăng lên đến mức 26.500 đồng/cổ phiếu vào ngày 14/7/2015, sau đó mới điều chỉnh trở lại đóng cửa năm 2015 ở mức 18.500 đồng/cổ phiếu. Động lực tăng trưởng của cổ phiếu BIC trong năm 2015 là việc nhà đầu tư chiến lược FairFax mua cổ phiếu phát hành thêm của BIC với giá cao hơn rất nhiều so với thị trường ~ 26.323 đồng/cổ phiếu. Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 tăng trưởng tốt 14,8% so với năm 2014.

Biểu đồ giá cổ phiếu BIC năm 2015



Cơ cấu cổ đông (*)

Cơ cấu cổ đông BIC



Cơ cấu sở hữu theo khu vực địa lý

Sở hữu theo địa lý	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Việt Nam	1.121	95,2%	65.330.150	55,7%
- Cá nhân	1.104	93,8%	5.299.833	4,5%
- Tổ chức	17	1,4%	60.030.317	51,2%
Nước ngoài	56	4,8%	51.946.745	44,3%
- Cá nhân	38	3,2%	190.072	0,2%
- Tổ chức	18	1,5%	51.756.673	44,1%
TỔNG CỘNG	1.177	100,0%	117.276.895	100,0%

Cơ cấu sở hữu theo số cổ phần

Sở hữu theo số cổ phần	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1-999	561	47,7%	128.809	0,1%
1.000 – 10.000	519	44,1%	1.579.843	1,3%
10.001 – 1.000.000	91	7,7%	3.998.063	3,4%
1.000.000 trở lên	6	0,5%	111.570.180	95,1%
TỔNG CỘNG	1.177	100,0%	117.276.895	100,0%

(*) Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 12/01/2016

Tình hình thay đổi vốn điều lệ

Năm 2010: Sau khi cổ phân hóa, vốn điều lệ của BIC là 660.000.000.000 VNĐ, trong đó BIDV nắm giữ 82% vốn.

Năm 2014: Thông qua chương trình ESOP (phát hành cổ phiếu cho CBNV) và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, vốn điều lệ của BIC tăng lên 762.299.820.000 VNĐ, trong đó BIDV nắm giữ 78,4% vốn.

Năm 2015: Sau khi phát hành cho cổ đông chiến lược 41.046.913 cổ phiếu, vốn điều lệ của BIC tăng mạnh lên 1.172.768.950 VNĐ, trong đó BIDV nắm giữ 51% vốn và cổ đông chiến lược FairFax nắm giữ 35% vốn.

Phần 6: Báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính hợp nhất
2. Báo cáo tài chính của Công ty mẹ BIC

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
ngày 31 tháng 12 năm 2015

C
U
T

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14 - 15
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	16 - 76

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV – là công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tổng Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chiếm 82,3%, các cổ đông khác chiếm 17,7% vốn điều lệ. Tại ngày 5 tháng 5 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện phát hành cổ phần BIC theo chương trình quyền chọn mua cổ phần đối với cán bộ (ESOP) dẫn đến tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV chiếm 78,38%, các cổ đông khác chiếm 21,62% vốn điều lệ. Trong năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua việc chào bán cổ phần cho Cổ đông chiến lược (Fairfax Asia Limited) theo quyết định chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ số 11836/BTC-QLBH và giấy phép điều chỉnh số 11/GPDDC14/KDBH ngày 25 tháng 12 năm 2015 do Bộ Tài Chính cấp. Tại thời điểm lập báo cáo, tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV là 51%, cổ đông chiến lược Fairfax Asia Limited là 35%, các cổ đông khác chiếm 14% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty:	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ:	Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

<u>Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty</u>
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt	Tầng 3, tháp LVB, số 44, đường Lanexang, bản Hatsady, huyện Chamthabouly, thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.172.768.950.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 762.299.820.000 đồng).

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có Trụ sở chính đặt tại tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và hai mươi lăm (25) công ty thành viên trên cả nước.

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 830 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 753 người).

11/2015/05/2015/11

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Quang Tùng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Hoài An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Bà Đặng Thị Hồng Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Hải Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Tôn Lâm Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Ngọc Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày tái bổ nhiệm</i>
Ông Cao Cự Trí	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Thành Công	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Hoài An	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2014
Ông Trần Trung Tĩnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012
Ông Vũ Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2012
Bà Đoàn Thị Thu Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2012
Ông Phạm Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2015
Ông Huỳnh Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Hoài An, chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Tổng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

Số tham chiếu: 60755012/17866688-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") được lập vào ngày 29 tháng 02 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 76, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.692.463.409.312	2.697.758.118.116
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	253.572.611.354	154.229.365.232
111	1. Tiền		77.572.611.354	58.729.365.232
112	2. Các khoản tương đương tiền		176.000.000.000	95.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.963.877.613.022	1.113.843.940.648
121	1. Chứng khoán kinh doanh		76.929.280.499	72.626.052.716
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(5.197.652.878)	(3.132.892.068)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.892.145.985.401	1.044.350.780.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	381.436.691.124	408.583.970.798
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		327.997.053.231	365.416.745.338
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		322.086.269.998	364.128.325.660
131.2	1.2. Phải thu khác của khách hàng		5.910.783.233	1.288.419.678
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.551.758.776	1.854.102.733
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		71.210.725.039	67.870.622.354
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(19.322.845.922)	(26.557.499.627)
140	IV. Hàng tồn kho		529.247.157	583.061.744
141	1. Hàng tồn kho		529.247.157	583.061.744
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		64.430.741.917	53.262.608.755
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		63.523.595.575	52.397.729.174
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	7	61.648.202.424	51.465.154.806
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		1.875.393.151	932.574.368
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		907.146.342	864.879.581
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm	17.1	1.028.616.504.738	967.255.170.939
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		347.927.493.039	272.365.386.336
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		680.689.011.699	694.889.784.603

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		651.785.996.538	370.974.271.787
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		14.113.514.378	12.201.089.546
216	1. Phải thu dài hạn khác		14.113.514.378	12.201.089.546
216.1	1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	8	6.000.000.000	6.000.000.000
216.2	1.2. Phải thu dài hạn khác		8.113.514.378	6.201.089.546
220	II. Tài sản cố định		33.765.016.382	24.693.259.879
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	27.146.722.186	18.156.546.923
222	- Nguyên giá		65.352.315.643	50.631.521.299
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.205.593.457)	(32.474.974.376)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	6.618.294.196	6.536.712.956
228	- Nguyên giá		6.739.599.125	6.606.599.125
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(121.304.929)	(69.886.169)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		97.317.909	-
242	1. Chi phí xây dựng dở dang		97.317.909	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5	603.163.655.300	331.860.515.867
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		125.946.505.000	126.542.783.704
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(16.755.601.931)	(16.557.847.837)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		493.972.752.231	221.875.580.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		646.492.569	2.219.406.495
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	646.492.569	2.219.406.495
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		4.344.249.405.850	3.068.732.389.903

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.312.701.365.388	2.129.203.579.013
310	I. Nợ ngắn hạn		2.304.496.043.661	2.126.577.303.296
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	307.550.330.357	394.648.158.408
311.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		307.343.606.294	394.629.575.591
311.2	1.2. Phải trả khác cho người bán		206.724.063	18.582.817
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.209.193.205	6.711.317.151
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	31.817.313.865	52.448.181.931
314	4. Phải trả người lao động		38.783.686.576	33.844.232.187
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	14.924.414.434	14.304.710.299
318.1	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.940.508.479	4.768.983.859
318.2	7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	15	73.971.584.762	47.552.650.052
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	16	29.552.696.758	15.487.106.419
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.389.533.649	3.931.236.644
329	10. Dự phòng nghiệp vụ	17	1.789.356.781.576	1.552.880.726.346
329.1	10.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		873.565.330.247	657.906.891.657
329.2	10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		837.332.406.448	816.413.815.739
329.3	10.3. Dự phòng dao động lớn		78.459.044.881	78.560.018.950
330	II. Nợ dài hạn		8.205.321.727	2.626.275.717
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	2.730.570.343	2.554.754.614
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		5.474.751.384	71.521.103

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

B01 – DNPNT/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.031.548.040.462	939.528.810.890
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	2.031.548.040.462	939.528.810.890
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.172.768.950.000	762.299.820.000
411a	1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.172.768.950.000	762.299.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		655.565.033.362	4.875.765.330
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		2.771.814.246	7.052.332.500
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.800.187.891	1.800.187.891
419	5. Quỹ dự trữ bắt buộc		22.310.289.169	17.652.521.022
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		132.536.576.307	112.479.320.566
421a	6.1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		37.165.273.389	20.736.114.489
421b	6.2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		95.371.302.918	91.743.206.077
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		43.795.189.487	33.368.863.581
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		4.344.249.405.850	3.068.732.389.903

Ông Nguyễn Xuân Đông
Chuyên viên
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Kế toán trưởng



Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.065.501.641.629	798.989.923.350
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	157.976.700.528	148.880.793.220
13	3. Thu nhập khác	3.913.745.341	2.446.863.715
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(809.719.134.528)	(549.290.011.513)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	(18.019.065.685)	(25.801.906.269)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(241.431.233.229)	(232.079.587.304)
32	7. Chi phí khác	(1.362.208.481)	(4.154.994.773)
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+12+13+20+22+23+24)	156.860.445.575	138.991.080.426
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(27.161.786.404)	(30.419.702.058)
52	10. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(5.403.230.281)	(490.291.518)
60	11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51+52)	124.295.428.890	108.081.086.850
61	12. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	10.899.023.083	7.173.831.082
62	13. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	113.396.405.807	100.907.255.768
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.481	1.422

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 + 01.3) Trong đó:	19	1.449.906.517.803	1.144.209.415.744
01.1	- Phí bảo hiểm gốc		1.550.942.831.613	1.220.424.538.401
01.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		136.007.191.009	89.012.650.525
01.3	- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(237.043.504.819)	(165.227.773.182)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 + 02.2) Trong đó:	20	(544.378.528.036)	(440.469.103.339)
02.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(642.854.921.380)	(513.937.725.343)
02.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		98.476.393.344	73.468.622.004
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 + 02)		905.527.989.767	703.740.312.405
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2) Trong đó:		159.973.651.862	95.249.610.945
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	21	122.800.606.808	67.180.789.680
04.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		37.173.045.054	28.068.821.265
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)		1.065.501.641.629	798.989.923.350
11	6. Chi bồi thường (11 = 11.1 + 11.2) Trong đó:		(528.623.499.978)	(405.982.001.038)
11.1	- Tổng chi bồi thường		(533.357.181.515)	(406.804.962.581)
11.2	- Các khoản giảm trừ		4.733.681.537	822.961.543
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		198.164.773.382	153.731.840.585
13	8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(31.152.095.087)	(85.412.989.354)
14	9. Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		3.951.606.630	82.929.964.589
15	10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 + 12 + 13 + 14)	22	(357.659.215.053)	(254.733.185.218)
16	11. Tăng dự phòng dao động lớn		(10.488.033.531)	(7.956.048.431)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh		Năm trước (số điều chỉnh)
17	12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2) Trong đó:	23	(441.571.885.944)	(286.600.777.864)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		(145.728.132.981)	(73.916.136.260)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(295.843.752.963)	(212.684.641.604)
18	13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)		(809.719.134.528)	(549.290.011.513)
19	14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 + 18)		255.782.507.101	249.699.911.837
23	15. Doanh thu hoạt động tài chính	24	157.976.700.528	148.880.793.220
24	16. Chi phí hoạt động tài chính	25	(18.019.065.685)	(25.801.906.269)
25	17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 + 24)		139.957.634.843	123.078.886.951
26	18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(241.431.233.229)	(232.079.587.304)
30	19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 + 26)		154.308.908.715	140.699.211.484
31	20. Thu nhập khác		3.913.745.341	2.446.863.715
32	21. Chi phí khác		(1.362.208.481)	(4.154.994.773)
40	22. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)		2.551.536.860	(1.708.131.058)
50	23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		156.860.445.575	138.991.080.426

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
51	24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(27.161.786.404)	(30.419.702.058)
52	25. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27	(5.403.230.281)	(490.291.518)
60	26. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)		124.295.428.890	108.081.086.850
61	27. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		10.899.023.083	7.173.831.082
62	28. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		113.396.405.807	100.907.255.768
60	29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.481	1.422

Ông Nguyễn Xuân Đông
Chuyên viên
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Kế toán trưởng



Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		156.860.445.575	138.991.080.426
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		5.106.304.721	3.935.461.326
03	Các khoản dự phòng		160.133.533.804	281.618.505.575
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.164.156.488	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(128.543.937.828)	(129.980.056.117)
06	Chi phí lãi vay		125.341.702	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		200.845.844.462	294.564.991.210
09	Tăng/(giảm) các khoản phải thu		29.679.000.773	(133.018.797.168)
10	Tăng hàng tồn kho		(260.793.974)	(472.839.213)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		(55.248.588.772)	58.598.119.654
12	Tăng chi phí trả trước		(12.500.286.365)	(56.331.307.488)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(3.803.607.142)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(119.295.338)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(37.976.760.722)	(27.191.191.974)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		451.299.780	4.594.413.836
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.951.384.752)	(28.001.008.640)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		99.115.427.950	112.742.380.217
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.671.846.382)	(9.156.745.176)
22	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		22.970.908	-
23	Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.264.987.485.942)	(998.011.897.500)
24	Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.150.860.908.354	891.645.833.333
25	Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác		-	(200.895.364.022)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		55.000.000	178.776.534.711
27	Tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		123.175.735.634	116.191.852.484
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.004.544.717.428)	(21.449.786.170)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu	18	1.080.500.000.000	33.000.000.000
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(75.727.464.400)	(23.943.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.004.772.535.600	32.976.057.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)		99.343.246.122	124.268.651.047
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		154.229.365.232	29.960.714.185
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	4	253.572.611.354	154.229.365.232

Ông Nguyễn Xuân Đông
Chuyên viên
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Kế toán trưởng



Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV – là công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tổng Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chiếm 82,3%, các cổ đông khác chiếm 17,7% vốn điều lệ. Tại ngày 5 tháng 5 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện phát hành cổ phần BIC theo chương trình quyền chọn mua cổ phần đối với cán bộ (ESOP) dẫn đến tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV chiếm 78,38%, các cổ đông khác chiếm 21,62% vốn điều lệ. Trong năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua việc chào bán cổ phần cho Cổ đông chiến lược (Fairfax Asia Limited) theo quyết định chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ số 11836/BTC-QLBH và giấy phép điều chỉnh số 11/GPDDC14/KDBH ngày 25 tháng 12 năm 2015 do Bộ Tài Chính cấp. Tại thời điểm lập báo cáo, tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV là 51%, cổ đông chiến lược Fairfax Asia Limited là 35%, các cổ đông khác chiếm 14% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty:	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ:	Tầng 16, tháp A, toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty</i>
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt	Tầng 3, tháp LVB, số 44, đường Lanexang, bán Hatsady, huyện Chamthabouly, thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.172.768.950.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 762.299.820.000 đồng).

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có Trụ sở chính đặt tại tầng 16, tháp A, toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và hai mươi lăm (25) công ty thành viên trên cả nước.

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 830 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 753 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm ban hành kèm theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa cũng không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là Nhật ký sổ cái.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Công ty Mẹ") và công ty con là Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ 02 tháng 08 năm 2013, là ngày Công ty Mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty Mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty Mẹ có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Các báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tổng Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Do ảnh hưởng của các thay đổi theo Thông tư 200 so với Quyết định 15, các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đã được bổ sung mới, sửa đổi; được chia tách, gộp lại hoặc một số mã chỉ tiêu cũng đã được thay đổi. Do vậy, các thông tin so sánh trên báo cáo tài chính kỳ này cũng đã được trình bày lại để phù hợp với các quy định của Thông tư 200.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Ngoài ra, Thông tư 200 cũng đưa ra một số thay đổi về nguyên tắc hạch toán một số khoản mục trên báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Thông tư số 194/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30/7/2012 của Bộ Tài chính

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 194/2014/TT-BTC ("Thông tư 194") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 ngày 7 năm 2012 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Thông tư 194 yêu cầu thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Trình bày và thuyết minh về các công cụ tài chính*

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính, Tổng Công ty chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan khác để trình bày các thuyết minh bổ sung về công cụ tài chính theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

3.3 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa	8 -25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3.10 *Đầu tư tài chính*

3.10.1 *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), cụ thể như sau:

- ▶ Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- ▶ Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Định kỳ, chứng khoán kinh doanh sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá đều phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10.2 *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

11.11.2015 14:30:00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

3.10.3 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Tổng Công ty có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Tổng Công ty là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá phải được ghi nhận vào “Chi phí tài chính” trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10.4 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty phù hợp với Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

Đối với chứng khoán niêm yết

Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất theo công thức quy định trong Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

3.10.4 Dự phòng giảm giá đầu tư (tiếp theo)

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán giảm giá tại thời điểm khóa sổ báo cáo tài chính} \times \left(\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm khóa sổ báo cáo tài chính} \right)$$

Đối với chứng khoán chưa niêm yết (OTC)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Tổng Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC như sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left(\text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của Tổng Công ty}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Lợi ích nhân viên

3.12.1 Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Tổng Công ty đã nghỉ hưu. Tổng Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo Hiểm Xã hội ở mức 18% lương cơ bản của nhân viên.

Tổng Công ty đã ban hành quy định số 100/QĐ-HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2014 về chế độ hưu trí với cán bộ nhân viên Tổng Công ty. Chế độ hưu trí bao gồm các quyền lợi như nghỉ dưỡng sức, nghỉ phép năm, thăm quan, nghỉ mát, trợ cấp hưu trí theo chức danh, vị trí, thâm niên công tác và trợ cấp khác trên cơ sở thành tích thi đua.

3.12.2 Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 theo đó người lao động đóng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Tổng Công ty áp dụng phương pháp từng ngày để tính phí bảo hiểm chưa được hưởng cho tất cả các loại hình bảo hiểm theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm giữ lại} * \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) được trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.
- ▶ Tổng Công ty tính toán dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại cho năm tài chính hiện tại} = \frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm nhưng chưa khiếu nại của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}} \times \text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại} \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính trước}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính trước}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại theo qui định tại Thông tư 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính đã ban hành Quyết định 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 1% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đã áp dụng nhất quán trong năm trước và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") và Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch ("BIDV"). Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo nghị định 46/2007/ND-CP ngày 22 tháng 3 năm 2007 ban hành bởi Bộ Tài Chính.
- ▶ Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

(i) Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 ("Thông tư 125") hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và Thông tư số 194/2014/TT-BTC ("Thông tư 194") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 125.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm và (3) Hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào thu nhập khoản tiền cho bên mua bảo hiểm nợ mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán.

(ii) Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(iii) Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tổng Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Tổng Công ty không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo đối ngoại bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận chi phí

(i) Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận về số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

(ii) Chi hoa hồng

Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc theo quy định tại Thông tư số 124/2012/TT/BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 do Bộ Tài Chính ban hành. Chi phí hoa hồng được phân bổ và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tương ứng với phí bảo hiểm được hưởng.

(iii) Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

(iv) Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.18 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm, chi phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- ▶ Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

(ii) Nhận tái bảo hiểm (tiếp theo)

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- ▶ Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- ▶ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- ▶ Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm, chi phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính chủ yếu được thực hiện dựa trên giả định định tính về các yếu tố chưa xác định. Do đó, kết quả thực tế có thể sẽ khác dẫn tới việc số liệu dự phòng có thể phải sửa đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền mặt tại quỹ	1.039.786.514	882.909.574
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	56.331.047.227	50.345.711.919
Tiền đang chuyển	20.201.777.613	7.500.743.739
Tương đương tiền (*)	<u>176.000.000.000</u>	<u>95.500.000.000</u>
Tổng cộng	<u>253.572.611.354</u>	<u>154.229.365.232</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi với lãi suất từ 4% đến 5.1%.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại) VND</i>
Chứng khoán kinh doanh	5.1		
Cổ phiếu niêm yết		74.464.137.499	67.187.909.716
Cổ phiếu chưa niêm yết		<u>2.465.143.000</u>	<u>5.438.143.000</u>
		<u>76.929.280.499</u>	<u>72.626.052.716</u>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		<u>(5.197.652.878)</u>	<u>(3.132.892.068)</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2		
Ngắn hạn		1.892.145.985.401	1.044.350.780.000
- Tiền gửi		1.892.145.985.401	994.350.780.000
- Trái phiếu		-	50.000.000.000
Dài hạn		493.972.752.231	221.875.580.000
- Tiền gửi		260.533.252.231	141.875.580.000
- Trái phiếu		<u>233.439.500.000</u>	<u>80.000.000.000</u>
		<u>2.386.118.737.632</u>	<u>1.266.226.360.000</u>
Đầu tư tài chính khác	5.3		
Đầu tư vào đơn vị khác		125.946.505.000	126.542.783.704
Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		<u>(16.755.601.931)</u>	<u>(16.557.847.837)</u>
		<u>109.190.903.069</u>	<u>109.984.935.867</u>
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính		<u>2.567.041.268.322</u>	<u>1.445.704.456.515</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 – DNPNT/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Cổ phiếu niêm yết								
VNR	3.123.580	74.464.137.499	(5.035.652.878)	69.428.484.621	3.221.947	67.187.909.716	(2.970.892.068)	64.217.017.648
HCM	1.080.010	13.792.403.293	-	13.792.403.293	1.267.110	16.181.794.140	-	16.181.794.140
FPT	526.380	23.727.530.990	-	23.727.530.990	251.697	9.507.668.437	(1.654.722.037)	7.852.946.400
REE	203.500	5.836.629.577	(708.429.577)	5.128.200.000	156.300	7.863.352.668	(360.952.668)	7.502.400.000
VCG	-	-	-	-	159.500	4.604.834.660	(106.934.652)	4.497.900.008
TCM	433.660	15.620.388.497	(2.263.660.497)	13.356.728.000	257.700	3.700.923.070	(479.673.070)	3.221.250.000
KBC	641.230	9.997.123.045	(1.597.010.045)	8.400.113.000	242.950	7.999.727.978	(225.327.978)	7.774.400.000
SSI	206.800	4.990.441.456	(399.481.456)	4.590.960.000	601.000	9.329.852.100	-	9.329.852.100
BCEL	32.000	499.620.641	(67.071.303)	432.549.338	285.690	7.999.756.663	(143.281.663)	7.856.475.000
Cổ phiếu chưa niêm yết								
HDB	275.449	2.465.143.000	(162.000.000)	2.303.143.000	371.849	5.438.143.000	(162.000.000)	5.276.143.000
SABECO	235.449	1.648.143.000	-	1.648.143.000	235.449	1.648.143.000	-	1.648.143.000
VIDIFA	18.000	477.000.000	(162.000.000)	315.000.000	100.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
VTEC	22.000	340.000.000	-	340.000.000	14.400	450.000.000	(162.000.000)	288.000.000
					22.000	340.000.000	-	340.000.000
	3.399.029	76.929.280.499	(5.197.652.878)	71.731.627.621	3.593.796	72.626.052.716	(3.132.892.066)	69.493.160.648

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 – DNPNT/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính Kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi (*)	1.892.145.985.401	1.892.145.985.401	994.350.780.000	994.350.780.000
Trái phiếu (***)	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
	1.892.145.985.401	1.892.145.985.401	1.044.350.780.000	1.044.350.780.000
Dài hạn				
Tiền gửi (**)	260.533.252.231	260.533.252.231	141.875.580.000	141.875.580.000
Trái phiếu (***)	233.439.500.000	233.439.500.000	80.000.000.000	80.000.000.000
	493.972.752.231	493.972.752.231	221.875.580.000	221.875.580.000
	2.386.118.737.632	2.386.118.737.632	1.266.226.360.000	1.266.226.360.000

(*) Các hợp đồng tiền gửi ngân hàng có thời hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn trong vòng (01) năm với mức lãi suất từ 4,8% - 7%/năm.

(**) Các hợp đồng tiền gửi ngân hàng tại các TCTD có thời gian đáo hạn từ một (01) năm trở lên với mức lãi suất từ 5,25% - 12,25%/năm.

(***) Các trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh và trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng có lãi suất từ 8.3%/năm đến 11%/năm và kỳ hạn từ 02 năm đến 05 năm

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 – DNPNT/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác

Thuyết minh	% sở hữu	Số cuối năm			Số đầu năm			
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.3.1							
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	4,22%	25.946.505.000	(16.755.601.931)	9.190.903.069	4,24%	26.090.000.000	(16.557.847.837)	9.532.152.163
Công ty bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife	5%	50.000.000.000	-	50.000.000.000	5%	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	5%	50.000.000.000	-	50.000.000.000	5%	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Lào	-	-	-	-	0,023%	452.783.704	-	452.783.704
		125.946.505.000	(16.755.601.931)	109.190.903.069	-	126.542.783.704	(16.557.847.837)	109.984.935.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	126.904.734.641	119.611.459.438
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	75.999.933.267	41.423.400.537
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	112.639.692.348	195.246.927.866
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	294.651.718	6.416.442.190
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	6.247.258.024	1.430.095.629
<i>Trong đó:</i>		
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	2.394.142.043	-
- Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Quân đội	799.891.326	-
- Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Xuân Thành	623.733.940	-
	322.086.269.998	364.128.325.660
Phải thu khác của khách hàng	5.910.783.233	1.288.419.678
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.551.758.776	1.854.102.733
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu cổ tức	-	119.468.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	51.868.993.102	37.422.215.136
Phải thu lãi trái phiếu	8.857.153.729	16.409.669.178
Tạm ứng	4.890.363.531	6.440.287.370
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	706.608.327	580.800.000
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn khác	1.749.072.083	1.780.395.293
Phải thu khác	3.138.534.267	5.117.787.377
	71.210.725.039	67.870.622.354
Tổng cộng các khoản phải thu	400.759.537.046	435.141.470.425
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(19.322.845.922)	(26.557.499.627)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	381.436.691.124	408.583.970.798

7. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỐ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	51.465.154.806	-
Phát sinh trong năm	108.277.162.844	94.783.156.786
Phân bổ vào chi phí trong năm	(98.094.115.226)	(43.318.001.980)
Số dư cuối năm	61.648.202.424	51.465.154.806

8. KÝ QUỸ BẢO HIỂM

Tổng Công ty đã thực hiện ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định tương đương 6 tỷ đồng Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 – DNPNT/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.300.000.000	5.495.346.645	40.960.245.845	52.727.273	1.823.201.536	50.631.521.299
Tăng trong năm	-	1.100.872.839	13.265.493.229	71.680.000	282.748.276	14.720.794.344
Mua mới	-	821.967.025	12.638.400.966	71.680.000	165.694.273	13.697.742.264
Tặng khác	-	278.905.814	627.092.263	-	117.054.003	1.023.052.080
Số cuối năm	2.300.000.000	6.596.219.484	54.225.739.074	124.407.273	2.105.949.812	65.352.315.643
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	(260.666.678)	(4.227.639.667)	(26.698.887.887)	(5.888.155)	(1.281.891.999)	(32.474.974.376)
Tăng trong năm	(92.000.004)	(752.902.559)	(4.539.905.113)	(30.220.574)	(315.590.831)	(5.730.619.081)
Khấu hao trong năm	(92.000.004)	(542.470.831)	(4.195.159.677)	(30.220.574)	(195.034.875)	(5.054.885.961)
Tặng khác	-	(210.431.728)	(344.745.436)	-	(120.555.956)	(675.733.120)
Số cuối năm	(352.666.682)	(4.980.542.216)	(31.238.793.000)	(36.108.729)	(1.597.482.830)	(38.205.593.457)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.039.333.322	1.267.706.988	14.261.357.958	46.839.118	541.309.537	18.156.546.923
Số cuối năm	1.947.333.318	1.615.677.268	22.986.946.074	88.298.544	508.466.982	27.146.722.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i> VND	<i>TSCĐ vô hình khác</i> VND	<i>Quyền sử dụng đất</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	106.599.125	-	6.500.000.000	6.606.599.125
Mua mới	63.000.000	70.000.000	-	133.000.000
Số cuối năm	169.599.125	70.000.000	6.500.000.000	6.739.599.125
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	(69.886.169)	-	-	(69.886.169)
Khấu hao trong năm	(38.715.059)	(12.703.701)	-	(51.418.760)
Số cuối năm	(108.601.228)	(12.703.701)	-	(121.304.929)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	36.712.956	-	6.500.000.000	6.536.712.956
Số cuối năm	60.997.897	57.296.299	6.500.000.000	6.618.294.196

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các tài sản được phân loại lại do không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC, khoản chi phí sửa chữa văn phòng của một số Công ty thành viên và phân bổ công cụ dụng cụ có thời gian sử dụng trên 1 năm.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	307.343.606.294	394.629.575.591
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	252.921.343.119	275.898.413.025
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	4.119.786.443	5.784.551.572
<i>Trong đó:</i>		
- Tổng Công ty Bảo hiểm dầu khí Việt Nam	626.033.948	-
- Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam	795.974.479	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	661.159.526	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	515.441.903	-
Phải trả bồi thường bảo hiểm	18.802.261.551	72.396.014.210
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	16.135.580.578	25.337.034.061
Phải trả cho hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XOL)	15.304.634.603	15.098.240.047
Phải trả khác về hợp đồng bảo hiểm	60.000.000	115.322.676
Phải trả khác cho người bán	206.724.063	18.582.817
Phải trả khác	206.724.063	18.582.817
	307.550.330.357	394.648.158.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	25.299.356.586	88.910.285.533	(95.476.568.418)	18.733.073.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.032.941.685	27.021.739.205	(37.976.760.722)	9.077.920.168
Thuế khác	7.115.883.660	12.619.423.901	(15.728.987.565)	4.006.319.997
Tổng cộng	52.448.181.931	128.551.448.639	(149.182.316.705)	31.817.313.865

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quý trách nhiệm dân sự bắt buộc	967.853.068	829.535.849
Quý bảo vệ người được bảo hiểm	2.593.523.252	1.994.971.439
Quý cháy nổ bắt buộc	907.032.135	466.421.912
Các chi phí phải trả khác	10.456.005.979	11.013.781.099
Tổng cộng	14.924.414.434	14.304.710.299

15. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng bao gồm các khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	47.552.650.052	-
Phát sinh trong năm	136.390.000.918	86.784.013.896
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(109.971.066.208)	(39.231.363.844)
Số dư cuối năm	73.971.584.762	47.552.650.052

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả ngắn hạn khác	29.552.696.758	15.487.106.419
Các khoản phải trả ngoài lương	260.465.657	497.551.407
Ký quỹ ngắn hạn	22.588.171.437	2.754.576.068
Các quỹ từ thiện	54.822.292	275.984.859
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.649.237.372	11.958.994.085
Phải trả dài hạn khác	2.730.570.343	2.554.754.614
Nhận ký quỹ, ký cược	2.730.570.343	2.554.754.614
Tổng cộng	32.283.267.101	18.041.861.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

17.1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường

	<i>Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái</i>	<i>Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (tài sản tái bảo hiểm)</i>	<i>Dự phòng bảo hiểm thuần</i>
Số đầu năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	657.906.891.657	(272.365.386.336)	385.541.505.321
Dự phòng bồi thường	816.413.815.739	(694.889.784.603)	121.524.031.136
Tổng cộng	1.474.320.707.396	(967.255.170.939)	507.065.536.457
Số cuối năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	873.565.330.247	(347.927.493.039)	525.637.837.208
Dự phòng bồi thường	837.332.406.448	(680.689.011.699)	156.643.394.749
Tổng cộng	1.710.897.736.695	(1.028.616.504.738)	682.281.231.957

17.1.1 Dự phòng phí

Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	105.840.163.766	71.737.063.368
Tài sản và thiệt hại	335.766.366.456	261.118.517.746
Hàng hoá vận chuyển	16.943.181.731	5.901.011.571
Xe cơ giới	277.861.062.658	204.319.684.006
Cháy nổ	74.460.052.672	59.265.730.805
Trách nhiệm	7.167.919.816	7.191.880.800
Thiệt hại kinh doanh	2.359.576.904	4.308.970.662
Hàng không	27.163.490.191	28.291.012.824
Thân tàu và TNDS chủ tàu	18.271.396.183	10.178.977.870
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	3.214.491.115	5.233.651.428
Nông nghiệp	4.517.628.755	360.390.577
Tổng cộng	873.565.330.247	657.906.891.657

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Tài sản tái bảo hiểm)

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	886.946.189	420.260.577
Tài sản và thiệt hại	250.850.859.799	193.405.022.344
Hàng hoá vận chuyển	12.957.589.355	3.807.100.315
Xe cơ giới	2.298.351.343	700.379.684
Cháy nổ	37.706.225.528	32.057.303.779
Trách nhiệm	4.504.366.384	5.229.092.927
Thiệt hại kinh doanh	2.158.417.205	3.957.025.805
Hàng không	18.867.957.737	22.450.472.528
Thân tàu và TNDS chủ tàu	12.683.076.470	6.570.281.123
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.436.779.107	3.426.076.206
Nông nghiệp	3.576.923.922	342.371.048
Tổng cộng	347.927.493.039	272.365.386.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

17.1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường (tiếp theo)

17.1.2 Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	11.111.676.624	3.664.006.682
Tài sản và thiệt hại	226.895.044.013	172.000.497.496
Hàng hoá vận chuyển	20.208.992.117	28.732.030.490
Xe cơ giới	44.855.987.349	32.488.406.826
Cháy nổ	87.936.823.724	52.245.323.485
Trách nhiệm	2.724.371.752	4.891.620.505
Thiệt hại kinh doanh	-	21.085.000
Hàng không	363.117.271.930	368.874.108.938
Thân tàu và TNDS chủ tàu	40.215.525.301	119.359.829.197
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	40.083.044.479	33.759.520.013
Nông nghiệp	183.669.159	377.387.107
Tổng cộng	837.332.406.448	816.413.815.739

Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Tài sản tái bảo hiểm)

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	1.453.937	-
Tài sản và thiệt hại	175.989.287.850	135.276.583.940
Hàng hoá vận chuyển	14.349.734.483	21.463.566.415
Xe cơ giới	169.084.586	588.223.451
Cháy nổ	68.219.089.884	23.596.786.917
Trách nhiệm	418.634.670	1.080.773.645
Thiệt hại kinh doanh	-	20.218.195
Hàng không	358.386.597.686	367.276.694.263
Thân tàu và TNDS chủ tàu	29.910.882.603	112.816.347.566
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	33.244.246.000	32.770.590.211
Tổng cộng	680.689.011.699	694.889.784.603

Dự phòng bồi thường bao gồm:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015. Khoản dự phòng này được trích ở mức 811.505.500.403 Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất nêu trên ước tính là 680.689.011.699 Việt Nam đồng.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015. Khoản dự phòng này được ước tính vào khoảng 25.826.906.045 Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015. Phần dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tăng trong năm là 15.615.454.606 đồng Việt Nam, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

17.2. Dự phòng dao động lớn

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Số dư đầu năm	78.560.018.950	70.603.970.519
Số trích lập thêm trong năm	10.488.033.531	7.956.048.431
Số sử dụng trong năm	(11.112.024.949)	-
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo của Công ty con	523.017.349	-
Số dư cuối năm	78.459.044.881	78.560.018.950

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 – DNPNT/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	660.000.000.000	4.875.765.330	1.800.187.891	13.311.197.165	104.896.103.307	7.052.332.500	26.195.032.499	818.130.618.692
Tăng vốn trong năm	102.299.820.000	-	-	-	100.907.255.768	-	-	102.299.820.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.254.106.347	-	7.173.831.082	108.081.086.850
Tăng khác	-	-	-	-	(94.578.144.856)	-	-	1.254.106.347
Giảm khác	-	-	-	4.341.323.857	-	-	-	(90.236.820.999)
Trong đó:								
- Trích lập quỹ dự trữ bất buộc từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.341.323.857	(4.341.323.857)	-	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(13.000.000.000)	-	-	(13.000.000.000)
- Trả cổ tức	-	-	-	-	(69.299.820.000)	-	-	(69.299.820.000)
- Điều chỉnh thuế TNDN và khoản thuế khác trích thiếu các năm trước	-	-	-	-	(7.937.000.999)	-	-	(7.937.000.999)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	762.299.820.000	4.875.765.330	1.800.187.891	17.652.521.022	112.479.320.566	7.052.332.500	33.368.863.581	939.528.810.890
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	762.299.820.000	4.875.765.330	1.800.187.891	17.652.521.022	112.479.320.566	7.052.332.500	33.368.863.581	939.528.810.890
Tăng do vốn góp của cổ đông chiến lược	410.469.130.000	650.689.258.032	-	-	-	-	-	1.061.158.398.032
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	113.396.405.807	-	10.899.023.083	124.295.428.890
Tăng khác	-	-	-	-	958.255.472	-	-	958.255.472
Giảm khác	-	-	-	4.657.768.147	(93.887.750.147)	-	-	(89.229.982.000)
Trong đó:								
- Trích lập quỹ dự trữ bất buộc từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.657.768.147	(4.657.768.147)	-	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(13.000.000.000)	-	-	(13.000.000.000)
- Trả cổ tức	-	-	-	-	(76.229.982.000)	-	-	(76.229.982.000)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo của công ty con	-	-	-	-	(409.655.391)	(4.280.518.254)	(472.697.177)	(5.162.870.822)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.172.768.950.000	555.565.033.362	1.800.187.891	22.310.289.169	132.536.576.307	2.771.814.246	43.795.189.487	2.031.548.040.462

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của Công ty mẹ	597.492.590.000	597.492.590.000
Vốn góp của Cổ đông chiến lược (Fairfax)	410.469.130.000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	164.807.230.000	164.807.230.000
Tổng cộng	1.172.768.950.000	762.299.820.000

18.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	762.299.820.000	660.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	410.469.130.000	102.299.820.000
Vốn góp cuối năm	1.172.768.950.000	762.299.820.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(76.229.982.000)	(69.299.820.000)

18.3. Cổ phiếu

	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	117.276.895	76.229.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	117.276.895	76.229.982
Cổ phiếu phổ thông	117.276.895	76.229.982
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	117.276.895	76.229.982
Cổ phiếu phổ thông	117.276.895	76.229.982
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Tổng cộng	117.276.895	76.229.982

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ cổ phiếu): 10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Phí bảo hiểm gốc	1.552.036.556.603	1.224.681.990.357
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(1.093.724.990)	(4.257.451.956)
Phí nhận tái bảo hiểm	136.007.191.009	89.012.650.525
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	<u>(237.043.504.819)</u>	<u>(165.227.773.182)</u>
Tổng cộng	<u>1.449.906.517.803</u>	<u>1.144.209.415.744</u>
19.1 Doanh thu phí bảo hiểm gốc		
<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Sức khỏe và tai nạn con người	161.228.259.626	122.688.402.506
Tài sản và thiệt hại	340.082.746.111	310.628.336.584
Hàng hoá vận chuyển	124.206.595.118	77.431.882.520
Xe cơ giới	551.351.373.890	412.884.211.639
Cháy nổ	159.223.230.091	125.914.823.294
Trách nhiệm	10.197.957.729	9.443.183.201
Thiệt hại kinh doanh	8.164.230.100	8.723.589.615
Hàng không	105.116.646.972	96.025.474.141
Thân tàu và TNDS chủ tàu	70.006.838.773	42.169.059.794
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	13.724.249.064	14.091.559.787
Nông nghiệp	7.640.704.139	424.015.320
Tổng cộng	<u>1.550.942.831.613</u>	<u>1.220.424.538.401</u>
19.2 Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm		
<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Sức khỏe và tai nạn con người	22.534.918.229	575.699.012
Tài sản và thiệt hại	90.630.355.201	68.265.872.472
Hàng hoá vận chuyển	4.801.908.448	3.192.893.674
Xe cơ giới	1.037.645.468	580.451.182
Cháy nổ	12.243.061.505	7.775.541.643
Trách nhiệm	343.919.726	487.663.028
Thiệt hại kinh doanh	1.595.939.537	4.094.334.196
Hàng không	2.897.374.285	2.978.232.410
Thân tàu và TNDS chủ tàu	(87.388.583)	330.930.881
Nông nghiệp	9.457.193	731.032.027
Tổng cộng	<u>136.007.191.009</u>	<u>89.012.650.525</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	642.854.921.380	513.937.725.343
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(98.476.393.344)	(73.468.622.004)
Tổng cộng	<u>544.378.528.036</u>	<u>440.469.103.339</u>

20.1 Tổng phí nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VND	Năm trước VND
Sức khỏe và tai nạn con người	2.125.958.523	760.044.406
Tài sản và thiệt hại	297.646.106.431	239.762.821.579
Hàng hoá vận chuyển	94.373.875.945	53.699.903.079
Xe cơ giới	4.718.387.315	1.895.711.330
Cháy nổ	100.226.267.121	79.988.376.616
Trách nhiệm	4.863.426.743	6.379.323.304
Thiệt hại kinh doanh	9.018.781.097	11.645.194.835
Hàng không	60.840.802.261	77.404.069.652
Thân tàu và TNDS chủ tàu	53.579.631.814	31.687.600.004
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	9.378.859.821	10.311.865.984
Nông nghiệp	6.082.824.309	402.814.554
Tổng cộng	<u>642.854.921.380</u>	<u>513.937.725.343</u>

21. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	123.039.514.626	67.340.881.495
Hoàn hoa hồng, giảm hoa hồng	(238.907.818)	(160.091.815)
Tổng cộng	<u>122.800.606.808</u>	<u>67.180.789.680</u>

21.1 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VND	Năm trước VND
Sức khỏe và tai nạn con người	497.193.844	156.179.532
Tài sản và thiệt hại	51.321.181.402	29.018.268.090
Hàng hoá vận chuyển	22.659.308.209	12.404.517.715
Xe cơ giới	1.072.012.026	373.853.402
Cháy nổ	29.373.624.819	12.119.247.738
Trách nhiệm	1.035.195.216	613.540.536
Thiệt hại kinh doanh	2.193.215.312	1.965.376.092
Hàng không	6.599.621.695	5.753.636.701
Thân tàu và TNDS chủ tàu	6.738.998.000	3.706.463.154
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.144.953.544	1.063.048.965
Nông nghiệp	165.302.741	6.657.755
Tổng cộng	<u>122.800.606.808</u>	<u>67.180.789.680</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng chi bồi thường gốc và bồi thường nhận tái	533.357.181.515	406.804.962.581
- Chi bồi thường bảo hiểm gốc	515.695.240.210	375.577.801.687
- Sử dụng dự phòng dao động lớn	(11.112.024.949)	-
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	28.773.966.254	31.227.160.894
Các khoản thu giảm chi (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	(4.733.681.537)	(822.961.543)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(198.164.773.382)	(153.731.840.585)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	31.152.095.087	85.412.989.354
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(3.951.606.630)	(82.929.964.589)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	357.659.215.053	254.733.185.218

22.1 Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VND	Năm trước VND
Sức khỏe và tai nạn con người	59.339.669.614	32.608.506.631
Tài sản và thiệt hại	68.150.171.272	49.918.496.296
Hàng hoá vận chuyển	54.282.499.318	24.727.656.248
Xe cơ giới	212.287.733.146	154.122.800.880
Cháy nổ	40.019.597.522	37.969.050.269
Trách nhiệm	388.569.107	1.247.011.445
Thiệt hại kinh doanh	5.419.830	63.494.531
Hàng không	44.976.502.964	50.215.192.164
Thân tàu và TNDS chủ tàu	32.935.697.424	24.705.593.223
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	3.309.380.013	-
Tổng cộng	515.695.240.210	375.577.801.687

22.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VND	Năm trước VND
Sức khỏe và tai nạn con người	7.857.173	10.852.294
Tài sản và thiệt hại	25.800.705.152	25.159.994.858
Hàng hoá vận chuyển	1.615.084.604	1.967.945.784
Xe cơ giới	173.347.036	913.420.221
Cháy nổ	888.440.967	52.869.239
Trách nhiệm	(6.455.828)	13.794.074
Hàng không	132.309.921	823.336.799
Thân tàu và TNDS chủ tàu	5.560.742	781.312
Nông nghiệp	157.116.487	2.284.166.313
Tổng cộng	28.773.966.254	31.227.160.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. TỔNG CHI BÒI THƯỜNG BẢO HIỂM (tiếp theo)

22.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	303.401.244	151.522.586
Tài sản và thiệt hại	64.423.384.750	45.314.940.389
Hàng hoá vận chuyển	44.262.663.235	18.612.940.012
Xe cơ giới	335.833.628	1.079.980.461
Cháy nổ	23.016.987.943	20.724.270.058
Trách nhiệm	144.567.281	991.956.714
Thiệt hại kinh doanh	5.197.263	-
Hàng không	39.740.724.752	50.325.586.437
Thân tàu và TNDS chủ tàu	24.069.472.875	16.530.643.928
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.862.540.411	-
Tổng cộng	<u>198.164.773.382</u>	<u>153.731.840.585</u>

23. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Chi hoa hồng bảo hiểm	145.728.132.981	73.916.136.260
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	114.557.375	686.940.135
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	17.009.627.348	16.674.560.013
Chi đề phòng, hạn chế tổn thất	2.018.340.841	1.830.707.682
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	4.567.689.449	2.783.276.228
Chi khác (*)	<u>272.133.537.950</u>	<u>190.709.157.546</u>
Tổng cộng	<u>441.571.885.944</u>	<u>286.600.777.864</u>

(*) Chi khác bao gồm các khoản chi phí liên quan tới hoạt động khai thác bảo hiểm như: chi phí lương cho nhân viên khai thác, chi phí tiếp khách, chi phí marketing...

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	104.059.322.214	90.912.867.700
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	16.173.985.921	16.409.056.557
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.350.770.934	4.857.861.862
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.245.333.328	14.293.268.307
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	15.147.288.131	22.343.383.568
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	64.355.226
Tổng cộng	<u>157.976.700.528</u>	<u>148.880.793.220</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lãi tiền vay	125.341.702	607.809
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	182.141.880	352.606.115
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	3.584.404.859	5.396.060.506
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.641.855.916	17.498.716.474
Trích dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.195.443.601	2.517.937.944
Chi phí tài chính khác	289.877.727	35.977.421
Tổng cộng	<u>18.019.065.685</u>	<u>25.801.906.269</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí nhân viên	129.266.557.516	116.203.567.022
Chi phí vật liệu	10.916.121.787	7.849.617.003
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.916.937.896	8.822.994.804
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.106.304.721	3.935.461.325
Thuế, phí và lệ phí	4.437.548.446	4.085.595.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.252.782.960	79.483.565.543
Trích/(hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(7.913.779.567)	8.393.535.863
Chi phí bằng tiền khác	6.448.759.470	3.305.250.147
Tổng cộng	<u>241.431.233.229</u>	<u>232.079.587.304</u>

27. THU NHẬP KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán công cụ, dụng cụ	22.970.908	13.332.273
Thu từ các khoản nợ hết nghĩa vụ	2.480.856.794	-
Thu nhập khác	1.409.917.639	2.433.531.442
Tổng cộng	<u>3.913.745.341</u>	<u>2.446.863.715</u>

28. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính	269.923.172	2.251.220.410
Chi phí khác	1.092.285.309	1.903.774.363
Tổng cộng	<u>1.362.208.481</u>	<u>4.154.994.773</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Tổng Công ty là 22% và cho công ty con là 24% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.161.786.404	30.419.702.058
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	27.161.786.404	30.419.702.058
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.403.230.281	490.291.518
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	5.403.230.281	490.291.518
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>32.565.016.685</u>	<u>30.909.993.576</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP (tiếp theo)

29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính kế toán.

Bảng đối chiếu giữa thu nhập kế toán và thu nhập chịu thuế cho giai đoạn kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày dưới đây:

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán thuần trước thuế	156.860.445.575	138.991.080.426
Các khoản điều chỉnh tăng	10.114.444.084	10.754.477.501
Chi phí không được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế	7.250.997.660	6.452.047.901
Phạt nộp chậm thuế	269.923.172	2.307.458.161
Trích quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	2.593.523.252	1.994.971.439
Các khoản điều chỉnh giảm	(51.518.997.907)	(14.012.511.471)
Thu lãi cổ tức	(6.317.616.700)	(5.503.277.862)
Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm năm trước	(1.994.971.439)	(1.675.081.658)
Chi phí định hạng tín dụng năm trước	-	(882.683.333)
Điều chỉnh giảm lợi nhuận đã nộp thuế các năm trước	(15.826.867.403)	-
Điều chỉnh các khoản ước nhận tái trong năm	(27.373.756.921)	(5.951.468.618)
Các khoản điều chỉnh khác	(5.785.444)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	115.455.891.752	135.733.046.456
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính năm hiện hành	26.219.771.606	30.419.702.058
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	942.014.798	-
Chi phí thuế thu nhập năm hiện hành	27.161.786.404	30.419.702.058
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	20.032.941.685	8.872.798.378
Điều chỉnh thuế TNDN phải trả theo biên bản của Thanh tra thuế	(140.047.199)	7.931.633.223
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(37.976.760.722)	(27.191.191.974)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	9.077.920.168	20.032.941.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các công ty có liên quan trong năm như sau:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	123.320.428.431	75.825.693.839
		Chi phí bồi thường	(2.919.738.369)	(3.651.439.615)
		Chi phí hoa hồng	(7.806.451.506)	(8.457.146.532)
		Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	50.467.443.824	39.824.208.383
		Chi phí thuê văn phòng	(12.766.852.558)	(11.501.352.949)
		Phí chuyển tiền	(2.072.932.649)	(1.332.938.858)
Công ty Cho thuê Tài chính	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	271.514.729	598.414.549
		Chi bồi thường bảo hiểm	(92.706.135)	(137.864.027)
Công ty Chứng khoán BIDV	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	71.520.450	30.467.051
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	334.488.069	211.695.461
		Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	5.674.108.914	3.506.550.000
		Chi bồi thường bảo hiểm	(28.645.905)	(234.658.600)
Công ty cổ phần đầu tư Công đoàn BIDV (BUC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	1.099.122.539	1.817.440.776
		Chi bồi thường bảo hiểm	(722.313.500)	(568.676.600)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các công ty liên quan của Tổng Công ty tại ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Số dư tiền gửi thanh toán	21.032.264.481	40.027.824.600
		Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV	1.705.500.000.000	440.500.000.000
		Phải thu lãi tiền gửi	31.688.129.159	14.747.526.386
		Phải thu phí bảo hiểm gốc	532.590.969	1.266.020.456
		Phải trả hoa hồng bảo hiểm	(1.404.208.351)	(1.606.985.878)
		Kỳ quỹ bảo hiểm tại BIDV	6.000.000.000	6.000.000.000
		Các khoản phong tỏa tài khoản ngân hàng	1.377.890.271	1.281.225.185
Công ty Cho thuê Tài chính I	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Phải thu phí bảo hiểm gốc	132.336.739	118.937.927
		Hoa hồng bảo hiểm	(12.417.605)	(60.398.942)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	76.000.000.000	36.000.000.000
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.046.194.444	1.584.722.222
		Hoa hồng bảo hiểm	(1.780.250)	(15.266.650)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	538.000.000	532.000.000
Tổng cộng	538.000.000	532.000.000

Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thưởng	5.063.506.464	4.463.361.855
Các khoản trợ cấp khác	120.000.000	68.800.000
Tổng cộng	5.183.506.464	4.532.161.855

Ngoài lương và thưởng, Ban Tổng Giám đốc không có bất kỳ lợi ích nào khác.

31. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tổng Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Tổng Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tổng Công ty.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận bộ phận theo khu vực địa lý của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>			
	<i>Thị trường trong nước</i>	<i>Thị trường nước ngoài</i>	<i>Điều chỉnh giao dịch nội bộ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Doanh thu phí bảo hiểm	1.288.692	243.130	(81.915)	1.449.907
Phí nhượng tái bảo hiểm	(467.018)	(150.115)	72.754	(544.379)
Doanh thu phí bảo hiểm thuần	821.674	93.015	(9.161)	905.528
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	139.781	28.275	(8.082)	159.974
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	961.455	121.290	(17.243)	1.065.502
Chi bồi thường	(463.432)	(71.892)	6.701	(528.623)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	153.884	50.148	(5.867)	198.165
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(70.636)	48.786	(9.302)	(31.152)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	35.604	(44.399)	12.747	3.952
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	(344.580)	(17.357)	4.279	(357.658)
Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	(9.484)	(1.004)	-	(10.488)
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(392.305)	(57.928)	8.661	(441.572)
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(746.369)	(76.289)	12.940	(809.718)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	215.086	45.001	(4.303)	255.784
Doanh thu hoạt động tài chính	133.913	19.320	4.744	157.977
Chi phí hoạt động tài chính	(16.049)	(1.529)	(441)	(18.019)
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	117.864	17.791	4.303	139.958
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(219.476)	(21.955)	-	(241.431)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	113.474	40.837	-	154.311
Thu nhập khác	3.301	613	-	3.914
Chi phí khác	(888)	(474)	-	(1.362)
Lợi nhuận khác	2.413	139	-	2.552
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	115.887	40.976	-	156.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>			
	<i>Thị trường trong nước</i>	<i>Thị trường nước ngoài</i>	<i>Điều chỉnh giao dịch nội bộ</i>	<i>Tổng cộng</i>
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.071.005	717.888	(96.429)	3.692.464
Tiền và các khoản tương đương tiền	234.894	18.679	-	253.573
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.833.299	130.579	-	1.963.878
Các khoản phải thu ngắn hạn	343.176	85.322	(47.062)	381.436
Hàng tồn kho	147	382	-	529
Tài sản ngắn hạn khác	56.984	14.132	(6.685)	64.431
Tài sản tài bảo hiểm	602.505	468.794	(42.682)	1.028.617
TÀI SẢN DÀI HẠN	621.113	65.333	(34.660)	651.786
Các khoản phải thu dài hạn	6.412	7.702	-	14.114
Tài sản cố định	29.167	4.598	-	33.765
Tài sản dở dang dài hạn	97	-	-	97
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	584.791	53.033	(34.660)	603.164
Tài sản dài hạn khác	646	-	-	646
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.692.118	783.221	(131.089)	4.344.250
NỢ PHẢI TRẢ	1.747.227	658.091	(92.616)	2.312.702
Nợ ngắn hạn	1.739.021	658.091	(92.616)	2.304.496
Nợ dài hạn	8.206	-	-	8.206
VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.944.891	160.596	(73.939)	2.031.548
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.692.118	818.687	(166.555)	4.344.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết hoạt động

Tổng Công ty có cam kết hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND</i>
Cam kết thuê văn phòng		
- Đến hạn trong vòng 1 năm	1.054.901.540	1.151.954.817
- Đến hạn trong 1 – 5 năm	17.214.775.419	20.489.435.314
- Đến hạn trên 5 năm	2.445.833.333	-
Tổng cộng	20.715.510.292	21.641.390.131

Thuế nhà thầu

Tổng Công ty đã tính toán và giữ lại phần thuế nhà thầu của các nhà tái cư trú tại quốc gia không có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam hoặc cư trú tại quốc gia có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam, đã gửi hồ sơ hợp lệ liên quan cho cơ quan thuế và đang chờ cơ quan thuế xem xét.

Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	110.228.502.585	108.990.008.989
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	-	-
3. Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	245.538	718.433,51
Euro (EUR)	253	262,62
Đô la Úc (AUD)	12.385	-
Lào Kíp (LAK)	4.868.391.997	1.430.096.173
Thái (THB)	2.200.965	42.393,42

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm.

Tổng Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	113.396.405.807	100.907.255.768
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (đơn vị)	76.567.354	70.979.829
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.481	1.422

34. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

34.1 Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và các ủy ban. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

34.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giá định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Tổng Công ty chịu các rủi ro bởi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34 CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

34.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công ty và tại Việt Nam và yêu cầu Tổng Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	<i>Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty (triệu VND)</i>	<i>Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)</i>	<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.655.193	289.282	572%
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	580.318	206.579	281%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

34.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

34.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Tổng Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, công ty nhận tái bảo hiểm đồng ý bồi hoàn số tiền thuộc trách nhiệm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần thuộc trách nhiệm công ty nhận tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Tổng Công ty và cách thức Tổng Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

35.1 Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi tổn thất được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các tổn thất tương tự. Các ước tính cho từng tổn thất được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều khoản mục ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết; được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, theo quy định của Thông tư số 125/2012/TT-BTC; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR).
- ▶ Tổng Công ty tính toán dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại theo công thức sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Dự phòng} \\
 \text{bồi thường} \\
 \text{cho các tổn} \\
 \text{thất đã} \\
 \text{phát sinh} \\
 \text{trách} \\
 \text{nhiệm bảo} \\
 \text{hiểm chưa} \\
 \text{khiếu nại} \\
 \text{cho năm} \\
 \text{tài chính} \\
 \text{hiện tại}
 \end{array}
 =
 \frac{\text{Tổng số tiền bồi} \\
 \text{thường cho các tổn} \\
 \text{thất đã phát sinh} \\
 \text{trách nhiệm nhưng} \\
 \text{chưa khiếu nại của} \\
 \text{3 năm tài chính} \\
 \text{trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi} \\
 \text{thường phát sinh} \\
 \text{của 3 năm tài} \\
 \text{chính trước liên} \\
 \text{tiếp}}
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Số tiền} \\
 \text{bồi} \\
 \text{thường} \\
 \text{phát sinh} \\
 \text{của năm} \\
 \text{tài chính} \\
 \text{hiện tại}
 \end{array}
 \times
 \frac{\text{Doanh thu} \\
 \text{thuần hoạt} \\
 \text{động kinh} \\
 \text{doanh của} \\
 \text{năm tài} \\
 \text{chính hiện} \\
 \text{tại}}{\text{Doanh thu} \\
 \text{thuần hoạt} \\
 \text{động kinh} \\
 \text{doanh của} \\
 \text{năm tài} \\
 \text{chính} \\
 \text{trước}}
 \times
 \frac{\text{Thời gian} \\
 \text{chậm yêu} \\
 \text{cầu đòi bồi} \\
 \text{thường} \\
 \text{của năm} \\
 \text{tài chính} \\
 \text{hiện tại}}{\text{Thời gian} \\
 \text{chậm yêu} \\
 \text{cầu đòi bồi} \\
 \text{thường} \\
 \text{của năm} \\
 \text{tài chính} \\
 \text{trước}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.1 Rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy (tiếp theo)

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Phần lớn các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng mức trách nhiệm tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám Đốc có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 *Rủi ro tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Tổng Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và một số khoản đầu tư tài chính khác. Tổng Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tổng Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

35.2.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và trái phiếu của Tổng Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

35.2.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Tổng Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Tổng Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Tổng Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Tổng Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phân lớn các tài sản tài chính của Tổng Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ. Hầu hết các tài sản bằng ngoại tệ đều là Đô la Mỹ.

Ảnh hưởng của các thay đổi có thể xảy ra đối với báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty trong trường hợp có sự biến động về tỷ giá giữa các loại ngoại tệ và VND được trình bày trong bảng dưới đây, giả định rằng tất cả các biến khác đều không thay đổi.

<i>Biến số tăng/(giảm)</i>	<i>Ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế VND</i>	<i>Ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu VND</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
+5%	18.146.866.379	14.154.555.775
-5%	(18.146.866.379)	(14.154.555.775)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
+5%	(1.190.474.285)	(894.004.016)
-5%	1.190.474.285	894.004.016

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty là 80.228.916.338 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: 79.640.044.400 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm khoảng 4.036.642.967 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: giảm 4.651.619.240 đồng Việt Nam), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng lên khoảng 3.131.240.485 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: tăng 1.943.916.601 đồng Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

35.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia vào công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu của khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, và xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đơn vị: triệu VND

	Quá hạn nhưng không suy giảm		Quá hạn và bị suy giảm		Dự phòng nợ phải thu khó đòi
	< 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	> 360 ngày	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm	16.780	17.465	4.970	20.538	16.323
Phải thu từ hoạt động tài chính	-	-	-	3.000	3.000
Tổng	16.780	17.465	4.970	23.538	19.323
Ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm	33.797	14.451	23.238	15.886	20.495
Phải thu từ hoạt động tài chính	-	-	-	3.000	3.000
Tổng	33.797	14.451	23.238	18.886	23.495

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

35.2.3 Rủi ro thanh khoản

Tổng Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Tổng Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Tổng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này.

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đáo hạn theo hợp đồng nợ tài chính trên cơ sở không chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	<i>Đơn vị: VND</i>			
	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về bảo hiểm	39.117.628.572	-	-	39.117.628.572
Phải trả về tái bảo hiểm	-	268.225.977.722	-	268.225.977.722
Chi phí phải trả	-	14.924.414.434	-	14.924.414.434
Dự phòng phải trả bồi thường	837.332.406.448	-	-	837.332.406.448
Các khoản phải trả khác	201.076.563.084	-	-	201.076.563.084
	1.077.526.598.104	283.150.392.156	-	1.360.676.990.260

	<i>Đơn vị: VND</i>			
	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về bảo hiểm	103.764.561.860	-	-	103.764.561.860
Phải trả về tái bảo hiểm	-	290.149.062.177	-	290.149.062.177
Chi phí phải trả	-	14.304.710.299	-	14.304.710.299
Dự phòng phải trả bồi thường	816.630.245.242	-	-	816.630.245.242
Các khoản phải trả khác	166.973.148.811	-	-	166.973.148.811
	1.087.367.955.913	304.453.772.476	-	1.391.821.728.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

▶ ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

▶ ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

► **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

► **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

► **Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

► ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 – DNPNT/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý
	Nguyên giá VND	Lãi dự thu/dự chi VND	Dự phòng giảm giá trị VND	
31 tháng 12 năm 2015				VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	202.875.785.499	-	(21.953.254.809)	191.555.891.104
Cổ phiếu niêm yết	74.464.137.499	-	(4.968.581.575)	80.228.916.338
Cổ phiếu chưa niêm yết	78.411.648.000	-	(16.984.673.234)	61.426.974.766
Công ty bảo hiểm nhân thọ BIDV MetLife	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu	2.738.713.883.448	59.945.091.277	(19.322.845.922)	2.779.336.128.803
Trái phiếu	233.439.500.000	8.857.153.729	(3.000.000.000)	239.296.653.729
Đầu tư tiền gửi	2.152.679.237.632	51.008.370.881	-	2.203.687.608.513
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	322.086.269.998	-	(16.322.845.922)	305.763.424.076
Phải thu khác của khách hàng	5.910.783.233	-	-	5.910.783.233
Các khoản phải thu khác	18.598.092.585	-	-	18.598.092.585
Kỳ quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	79.566.667	-	6.079.566.667
Tiền và tương đương tiền	253.572.611.354	781.055.555	-	254.353.666.909
Tổng cộng	3.195.162.280.301	60.726.146.832	(41.276.100.731)	3.214.612.326.402
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	307.550.330.357	-	-	307.550.330.357
Chi phí phải trả	14.924.414.434	-	-	14.924.414.434
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.283.267.101	-	-	32.283.267.101
Tổng cộng	354.758.011.892	-	-	354.758.011.892

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 – DNPN/THN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý VND
	Nguyên giá VND	Lãi dự thu/dự chi VND	Dự phòng giảm giá trị VND	
31 tháng 12 năm 2014				
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	199.168.836.420	-	(19.690.739.905)	179.478.096.515
Cổ phiếu niêm yết	67.640.693.420	-	(2.970.892.068)	64.669.801.352
Cổ phiếu chưa niêm yết	81.528.143.000	-	(16.719.847.837)	64.808.295.163
Công ty bảo hiểm nhân thọ BIDV MetLife	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu	1.649.978.782.477	53.463.163.483	(26.557.499.627)	1.676.884.446.333
Trái phiếu	130.000.000.000	4.776.917.808	(3.000.000.000)	131.776.917.808
Đầu tư tiền gửi	1.136.226.360.000	48.561.412.342	-	1.184.787.772.342
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	362.664.462.583	-	(23.557.499.627)	339.106.962.956
Phải thu khác khách hàng	1.288.419.678	-	-	1.288.419.678
Các khoản phải thu khác	5.237.255.377	-	-	5.237.255.377
Tài sản ngắn hạn khác	2.361.195.293	-	-	2.361.195.293
Ký quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	124.833.333	-	6.124.833.333
Tài sản dài hạn khác	6.201.089.546	-	-	6.201.089.546
Tiền và tương đương tiền	154.229.365.232	368.720.831	-	154.598.086.063
Tổng cộng	2.003.376.984.129	53.831.884.314	(46.248.239.532)	2.010.960.628.911
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	393.913.624.037	-	-	393.913.624.037
Chi phí phải trả	14.304.710.299	-	-	14.304.710.299
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.113.382.136	-	-	18.113.382.136
Tổng cộng	426.331.716.472	-	-	426.331.716.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Đối với các khoản mục này, do không đủ thông tin thị trường tích cực để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo, giá trị ghi sổ của một số khoản mục được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM được xác định dựa trên giá trị giao dịch trung bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ

Trong năm 2015, do ảnh hưởng của việc thay đổi trong yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và điều chỉnh theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh, phân loại và trình bày lại một số số liệu so sánh đầu kỳ để phù hợp với cách trình bày kỳ báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này. Chi tiết số liệu điều chỉnh được trình bày như dưới đây:

Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 200 và điều chỉnh theo KTNN	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.645.785.861.399	51.972.256.717	2.697.758.118.116
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.063.843.940.648	50.000.000.000	1.113.843.940.648
1. Đầu tư ngắn hạn	1.066.976.832.716	(1.066.976.832.716)	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.132.892.068)	3.132.892.068	-
1. Chứng khoán kinh doanh	-	72.626.052.716	72.626.052.716
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(3.132.892.068)	(3.132.892.068)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1.044.350.780.000	1.044.350.780.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	398.318.625.058	10.265.345.740	408.583.970.798
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	363.952.882.261	1.463.863.077	365.416.745.338
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	362.664.462.583	1.463.863.077	364.128.325.660
4. Các khoản phải thu khác	59.069.139.691	(59.069.139.691)	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	-	67.870.622.354	67.870.622.354
IV. Hàng tồn kho	257.051.523	326.010.221	583.061.744
1. Hàng tồn kho	257.051.523	326.010.221	583.061.744
V. Tài sản ngắn hạn khác	61.944.714.792	(8.682.106.037)	53.262.608.755
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	52.278.352.548	119.376.626	52.397.729.174
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	51.345.778.180	119.376.626	51.465.154.806
5. Tài sản ngắn hạn khác	8.801.482.663	(8.801.482.663)	-
VI- Tài sản tái bảo hiểm	967.192.164.146	63.006.793	967.255.170.939
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	272.302.379.543	63.006.793	272.365.386.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)

Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 200 và điều chỉnh theo KTNN	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	420.974.271.787	(50.000.000.000)	370.974.271.787
I. Các khoản phải thu dài hạn	6.000.000.000	6.201.089.546	12.201.089.546
4.2. Phải thu dài hạn khác	-	6.201.089.546	6.201.089.546
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	381.860.515.867	(50.000.000.000)	331.860.515.867
3. Đầu tư dài hạn khác	398.418.363.704	(398.418.363.704)	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(16.557.847.837)	16.557.847.837	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	126.542.783.704	126.542.783.704
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(16.557.847.837)	(16.557.847.837)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	221.875.580.000	221.875.580.000
V. Tài sản dài hạn khác	8.420.496.041	(6.201.089.546)	2.219.406.495
4. Tài sản dài hạn khác	6.201.089.546	(6.201.089.546)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.066.760.133.186	1.972.256.717	3.068.732.389.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)

Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 200 và điều chỉnh theo KTNN	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
A - NỢ PHẢI TRẢ	2.127.989.271.776	1.214.307.237	2.129.203.579.013
I. Nợ ngắn hạn	2.120.594.012.200	5.983.291.096	2.126.577.303.296
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	393.913.624.037	734.534.371	394.648.158.408
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	393.895.041.220	734.534.371	394.629.575.591
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.037.024.104	411.157.827	52.448.181.931
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	4.768.983.859	4.768.983.859
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	47.566.972.730	(14.322.678)	47.552.650.052
15. Dự phòng nghiệp vụ	1.552.797.788.629	82.937.717	1.552.880.726.346
15.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	657.613.843.658	293.047.999	657.906.891.657
15.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	816.630.245.242	(216.429.503)	816.413.815.739
15.3. Dự phòng dao động lớn	78.553.699.729	6.319.221	78.560.018.950
II. Nợ dài hạn	7.395.259.576	(4.768.983.859)	2.626.275.717
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	4.768.983.859	(4.768.983.859)	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	938.770.861.410	757.949.480	939.528.810.890
I. Vốn chủ sở hữu	938.770.861.410	757.949.480	939.528.810.890
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	111.721.371.086	757.949.480	112.479.320.566
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.066.760.133.186	1.972.256.717	3.068.732.389.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Năm trước (đã trình bày)	Điều chỉnh theo KTNN	Năm trước (trình bày lại)
1. Doanh thu phí bảo hiểm	1.142.820.896.827	1.388.518.917	1.144.209.415.744
- Phí bảo hiểm gốc	1.219.542.615.314	881.923.087	1.220.424.538.401
- Phí nhận tái bảo hiểm	88.213.006.696	799.643.829	89.012.650.525
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(164.934.725.183)	(293.047.999)	(165.227.773.182)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	(439.377.085.814)	(1.092.017.525)	(440.469.103.339)
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	(512.782.701.025)	(1.155.024.318)	(513.937.725.343)
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	73.405.615.211	63.006.793	73.468.622.004
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần	703.443.811.013	296.501.392	703.740.312.405
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	94.927.854.844	321.756.101	95.249.610.945
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	66.859.033.579	321.756.101	67.180.789.680
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	798.371.665.857	618.257.493	798.989.923.350
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(85.629.418.857)	216.429.503	(85.412.989.354)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm	(254.949.614.721)	216.429.503	(254.733.185.218)
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	(7.949.729.210)	(6.319.221)	(7.956.048.431)
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(286.418.129.971)	(182.647.893)	(286.600.777.864)
- Chi hoa hồng bảo hiểm	(73.733.488.367)	(182.647.893)	(73.916.136.260)
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(549.317.473.902)	27.462.389	(549.290.011.513)
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	249.054.191.955	645.719.882	249.699.911.837
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(232.405.597.525)	326.010.221	(232.079.587.304)
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	139.727.481.381	971.730.103	140.699.211.484
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	138.019.350.323	971.730.103	138.991.080.426
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(30.205.921.435)	(213.780.623)	(30.419.702.058)
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	107.323.137.370	757.949.480	108.081.086.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tổng Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

39. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ông Nguyễn Xuân Đông
Chuyên viên
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Kế toán trưởng



Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	13 - 14
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	15 - 72

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV – là công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tổng Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chiếm 82,3%, các cổ đông khác chiếm 17,7% vốn điều lệ. Tại ngày 5 tháng 5 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện phát hành cổ phần BIC theo chương trình quyền chọn mua cổ phần đối với cán bộ (ESOP) dẫn đến tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV chiếm 78,38%, các cổ đông khác chiếm 21,62% vốn điều lệ. Trong năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua việc chào bán cổ phần cho Cổ đông chiến lược (Fairfax Asia Limited) theo quyết định chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ số 11836/BTC-QLBH và giấy phép điều chỉnh số 11/GPDDC14/KDBH ngày 25 tháng 12 năm 2015 do Bộ Tài Chính cấp. Tại thời điểm lập báo cáo, tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV là 51%, cổ đông chiến lược Fairfax Asia Limited là 35%, các cổ đông khác chiếm 14% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty</i>
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt	Tầng 3, tháp LVB, số 44, đường Lanexang, bản Hatsady, huyện Chamthabouly, thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.172.768.950.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 762.299.820.000 đồng).

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có Trụ sở chính đặt tại tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và hai mươi lăm (25) công ty thành viên trên cả nước.

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 755 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 693 người).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Quang Tùng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Hoài An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Bà Đặng Thị Hồng Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Hải Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Tôn Lâm Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Ngọc Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày tái bổ nhiệm</i>
Ông Cao Cự Trí	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Thành Công	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Hoài An	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2014
Ông Trần Trung Tính	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012
Ông Vũ Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2012
Bà Đoàn Thị Thu Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2012
Ông Phạm Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2015
Ông Huỳnh Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Hoài An, chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Tổng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

Số tham chiếu: 60755012/17866688

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập vào ngày 29 tháng 02 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 72, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đã lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đó và báo cáo kiểm toán của chúng tôi đề ngày 29 tháng 02 năm 2016 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.071.004.521.398	2.135.139.310.205
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	234.893.788.001	145.220.016.867
111	1. Tiền		58.893.788.001	49.720.016.867
112	2. Các khoản tương đương tiền		176.000.000.000	95.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.833.299.078.283	1.081.493.160.648
121	1. Chứng khoán kinh doanh		76.429.659.858	72.626.052.716
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(5.130.581.575)	(3.132.892.068)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.762.000.000.000	1.012.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	343.175.717.721	306.877.542.885
131	1. Phải thu của khách hàng		294.070.925.872	266.765.071.665
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		294.065.838.178	266.765.071.665
131.2	1.2. Phải thu khác của khách hàng		5.087.694	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.551.758.776	1.854.102.733
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		61.859.884.074	58.017.250.788
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.306.851.001)	(19.758.882.301)
140	IV. Hàng tồn kho		146.828.992	472.839.213
141	1. Hàng tồn kho		146.828.992	472.839.213
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		56.984.109.455	43.389.922.869
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		56.495.652.538	42.985.489.930
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	7	54.874.855.847	42.565.932.167
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		1.620.796.691	419.557.763
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		488.456.917	404.432.939
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm	17.1	602.504.998.946	557.685.827.723
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		277.659.988.399	214.312.202.132
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		324.845.010.547	343.373.625.591

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		621.113.101.087	253.205.839.885
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.411.432.734	6.045.954.546
216	1. Phải thu dài hạn khác		6.411.432.734	6.045.954.546
216.1	1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	8	6.000.000.000	6.000.000.000
216.2	1.2. Phải thu dài hạn khác		411.432.734	45.954.546
220	II. Tài sản cố định		29.167.434.806	20.748.306.681
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	22.549.140.610	14.211.593.725
222	- Nguyên giá		52.342.975.405	40.280.132.768
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.793.834.795)	(26.068.539.043)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	6.618.294.196	6.536.712.956
228	- Nguyên giá		6.739.599.125	6.606.599.125
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(121.304.929)	(69.886.169)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		97.317.909	-
242	1. Chi phí xây dựng dở dang		97.317.909	-
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	5	584.790.423.069	224.192.172.163
251	1. Đầu tư vào công ty con		34.660.020.000	34.660.020.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		125.946.505.000	126.090.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(16.755.601.931)	(16.557.847.837)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		440.939.500.000	80.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		646.492.569	2.219.406.495
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	646.492.569	2.219.406.495
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		3.692.117.622.485	2.388.345.150.090

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.747.226.367.383	1.509.495.929.431
310	I. Nợ ngắn hạn		1.739.021.045.656	1.506.869.653.714
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	260.242.871.481	272.018.564.245
311.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		260.036.147.418	271.999.981.428
311.2	1.2. Phải trả khác cho người bán		206.724.063	18.582.817
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.921.618.371	3.869.042.310
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	13.221.437.624	26.621.858.510
314	4. Phải trả người lao động		36.477.927.753	29.938.955.213
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	14.257.972.097	14.304.710.299
318.1	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.940.508.479	4.768.983.859
318.2	7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	15	67.155.147.363	42.201.089.205
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	16	28.947.438.009	11.702.220.027
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.389.533.649	3.931.236.644
329	10. Dự phòng nghiệp vụ	17	1.302.466.590.830	1.097.512.993.402
329.1	10.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		759.915.619.653	569.832.186.917
329.2	10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		470.722.803.331	454.224.711.072
329.3	10.3. Dự phòng dao động lớn		71.828.167.846	73.456.095.413
330	II. Nợ dài hạn		8.205.321.727	2.626.275.717
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	2.730.570.343	2.554.754.614
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		5.474.751.384	71.521.103

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

B01 - DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.944.891.255.102	878.849.220.659
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.944.891.255.102	878.849.220.659
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.172.768.950.000	762.299.820.000
411a	1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.172.768.950.000	762.299.820.000
411b	1.2. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		655.565.033.362	4.875.765.330
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.800.187.891	1.800.187.891
419	4. Quỹ dự trữ bắt buộc		22.310.289.169	17.652.521.022
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		92.446.794.680	92.220.926.416
421a	5.1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.998.513.158	22.654.990.804
421b	5.2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		86.448.281.522	69.565.935.612
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		3.692.117.622.485	2.388.345.150.090

Ông Nguyễn Xuân Đông
Chuyên viên
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Kế toán trưởng



Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	961.455.193.725	720.451.758.342
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	133.913.366.273	134.417.547.204
13	3. Thu nhập khác	3.301.276.059	1.511.280.754
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(746.368.983.406)	(506.394.810.848)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	(16.049.394.908)	(24.582.750.297)
23	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(219.476.320.374)	(209.962.515.760)
24	7. Chi phí khác	(888.462.783)	(3.443.136.753)
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+12+13+20+22+23+24)	115.886.674.586	111.997.372.642
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(17.328.081.366)	(23.922.654.508)
52	10. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(5.403.230.281)	(490.291.518)
60	11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51+52)	93.155.362.939	87.584.426.616

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 + 01.3)	19	1.288.691.665.535	1.005.054.503.168
	Trong đó:			
01.1	- Phí bảo hiểm gốc		1.280.643.016.222	992.045.133.539
01.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		198.132.082.049	126.083.895.549
01.3	- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(190.083.432.736)	(113.074.525.920)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 + 02.2)	20	(467.017.573.772)	(375.319.655.460)
	Trong đó:			
02.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(530.365.360.039)	(401.688.553.748)
02.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		63.347.786.267	26.368.898.288
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 + 02)		821.674.091.763	629.734.847.708
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)		139.781.101.962	90.716.910.634
	Trong đó:			
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	21	110.729.301.110	67.041.122.928
04.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		29.051.800.852	23.675.787.706
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)		961.455.193.725	720.451.758.342
11	6. Chi bồi thường (11 = 11.1 + 11.2)		(463.431.668.740)	(341.821.967.676)
	Trong đó:			
11.1	- Tổng chi bồi thường		(468.165.350.277)	(342.644.929.219)
11.2	- Các khoản giảm trừ		4.733.681.537	822.961.543
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		153.883.717.486	108.261.964.428
13	8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(70.636.297.278)	(127.988.042.754)
14	9. Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		35.604.281.975	123.953.986.544
15	10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 + 12 + 13 + 14)	22	(344.579.966.557)	(237.594.059.458)
16	11. Tăng dự phòng dao động lớn		(9.484.097.382)	(7.165.458.548)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
17	12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2) Trong đó:	23	(392.304.919.467)	(261.635.292.842)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		(121.055.711.023)	(65.685.201.176)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(271.249.208.444)	(195.950.091.666)
18	13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)		(746.368.983.406)	(506.394.810.848)
19	14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 + 18)		215.086.210.319	214.056.947.494
23	15. Doanh thu hoạt động tài chính	24	133.913.366.273	134.417.547.204
24	16. Chi phí hoạt động tài chính	25	(16.049.394.908)	(24.582.750.297)
25	17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 + 24)		117.863.971.365	109.834.796.907
26	18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(219.476.320.374)	(209.962.515.760)
30	19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 + 26)		113.473.861.310	113.929.228.641
31	20. Thu nhập khác		3.301.276.059	1.511.280.754
32	21. Chi phí khác		(888.462.783)	(3.443.136.753)
40	22. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)		2.412.813.276	(1.931.855.999)
50	23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		115.886.674.586	111.997.372.642
51	24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(17.328.081.366)	(23.922.654.508)
52	25. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27	(5.403.230.281)	(490.291.518)
60	26. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)		93.155.362.939	87.584.426.616

Ông Nguyễn Xuân Đông
Chuyên viên
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Kế toán trưởng



Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		115.886.674.586	111.997.372.642
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		3.776.714.014	3.075.028.994
03	Các khoản dự phòng		158.511.373.812	265.877.248.690
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.508.233.586	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(110.686.492.136)	(115.516.810.103)
06	Chi phí lãi vay		125.341.702	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		169.121.845.564	265.432.840.223
09	Tăng các khoản phải thu		(26.565.758.586)	(104.735.837.129)
10	Tăng hàng tồn kho		-	(472.839.213)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		34.560.106.092	(18.633.269.858)
12	Tăng chi phí trả trước		(12.056.625.308)	(43.425.941.479)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(3.803.607.142)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(119.295.338)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(25.173.329.488)	(26.268.355.967)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		451.299.780	4.594.413.836
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.872.716.862)	(18.123.998.503)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		121.541.918.712	58.367.011.910
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.293.160.546)	(7.300.672.275)
22	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		22.970.908	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác/ Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác		(2.137.439.500.000)	(1.133.395.364.022)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.007.500.000.000	1.070.422.368.044
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		55.000.000	-
27	Tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		105.514.006.460	101.728.606.468
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(1.036.640.683.178)	31.454.938.215

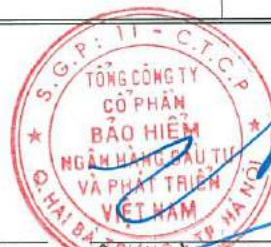
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu	18	1.080.500.000.000	33.000.000.000
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(75.727.464.400)	(23.943.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.004.772.535.600	32.976.057.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)		89.673.771.134	122.798.007.125
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		145.220.016.867	22.422.009.742
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	4	234.893.788.001	145.220.016.867

Ông Nguyễn Xuân Đồng
Chuyên viên
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Kế toán trưởng



Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV – là công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tổng Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chiếm 82,3%, các cổ đông khác chiếm 17,7% vốn điều lệ. Tại ngày 5 tháng 5 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện phát hành cổ phần BIC theo chương trình quyền chọn mua cổ phần đối với cán bộ (ESOP) dẫn đến tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV chiếm 78,38%, các cổ đông khác chiếm 21,62% vốn điều lệ. Trong năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua việc chào bán cổ phần cho Cổ đông chiến lược (Fairfax Asia Limited) theo quyết định chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ số 11836/BTC-QLBH và giấy phép điều chỉnh số 11/GPDDC14/KDBH ngày 25 tháng 12 năm 2015 do Bộ Tài Chính cấp. Tại thời điểm lập báo cáo, tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV là 51%, cổ đông chiến lược Fairfax Asia Limited là 35%, các cổ đông khác chiếm 14% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty:	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ:	Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

<u>Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty</u>
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt	Tầng 3, tháp LVB, số 44, đường Lanexang, bán Hatsady, huyện Chamthabouly, thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.172.768.950.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 762.299.820.000 đồng).

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có Trụ sở chính đặt tại tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và hai mươi lăm (25) công ty thành viên trên cả nước.

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 755 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 693 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm ban hành kèm theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2006/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa cũng không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng phản ánh các hoạt động của riêng Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ là Tổng Công ty và công ty con được lập riêng và độc lập với báo cáo tài chính riêng này. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là Nhật ký sổ cái.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tổng Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Do ảnh hưởng của các thay đổi theo Thông tư 200 so với Quyết định 15, các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đã được bổ sung mới, sửa đổi; được chia tách, gộp lại hoặc một số mã chỉ tiêu cũng đã được thay đổi. Do vậy, các thông tin so sánh trên báo cáo tài chính kỳ này cũng đã được trình bày lại để phù hợp với các quy định của Thông tư 200.

Ngoài ra, Thông tư 200 cũng đưa ra một số thay đổi về nguyên tắc hạch toán một số khoản mục trên báo cáo tài chính.

Thông tư số 194/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30/7/2012 của Bộ Tài chính

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 194/2014/TT-BTC ("Thông tư 194") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 ngày 7 năm 2012 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Thông tư 194 yêu cầu thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Trình bày và thuyết minh về các công cụ tài chính

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính, Tổng Công ty chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan khác để trình bày các thuyết minh bổ sung về công cụ tài chính theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa	8 -25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Đầu tư tài chính

3.9.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), cụ thể như sau:

- ▶ Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- ▶ Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Định kỳ, chứng khoán kinh doanh sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá đều phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

3.9.3 Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

3.9.4 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Tổng Công ty có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Tổng Công ty là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá phải được ghi nhận vào "Chi phí tài chính" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9.5 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty phù hợp với Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

Đối với chứng khoán niêm yết

Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng theo công thức quy định trong Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

3.9.5 Dự phòng giảm giá đầu tư (tiếp theo)

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán giảm giá tại thời điểm khóa sổ báo cáo tài chính} \times \left(\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm khóa sổ báo cáo tài chính} \right)$$

Đối với chứng khoán chưa niêm yết (OTC)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Tổng Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC như sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left(\text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của Tổng Công ty}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Lợi ích nhân viên

3.11.1 Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Tổng Công ty đã nghỉ hưu. Tổng Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo Hiểm Xã hội ở mức 18% lương cơ bản của nhân viên.

Tổng Công ty đã ban hành quy định số 100/QĐ-HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2014 về chế độ hưu trí với cán bộ nhân viên Tổng Công ty. Chế độ hưu trí bao gồm các quyền lợi như nghỉ dưỡng sức, nghỉ phép năm, thăm quan, nghỉ mát, trợ cấp hưu trí theo chức danh, vị trí, thâm niên công tác và trợ cấp khác trên cơ sở thành tích thi đua.

3.11.2 Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 theo đó người lao động đóng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Tổng Công ty áp dụng phương pháp từng ngày để tính phí bảo hiểm chưa được hưởng cho tất cả các loại hình bảo hiểm theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm giữ lại * Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) được trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.
- ▶ Tổng Công ty tính toán dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại cho năm tài chính hiện tại} \\ = \\ \frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm nhưng chưa khiếu nại của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}} \times \frac{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính trước}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính trước}} \end{array}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại theo quy định tại Thông tư 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính đã ban hành Quyết định 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 1% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đã áp dụng nhất quán trong năm trước và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") và Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch ("BIDV"). Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đo đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo nghị định 46/2007/ND-CP ngày 22 tháng 3 năm 2007 ban hành bởi Bộ Tài Chính.
- ▶ Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

(i) Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 ("Thông tư 125") hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và Thông tư số 194/2014/TT-BTC ("Thông tư 194") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 125.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm và (3) Hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào thu nhập khoản tiền cho bên mua bảo hiểm nợ mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán.

(ii) Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(iii) Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tổng Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Tổng Công ty không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận chi phí

(i) Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận về số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

(ii) Chi hoa hồng

Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc theo quy định tại Thông tư số 124/2012/TT/BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 do Bộ Tài Chính ban hành. Chi phí hoa hồng được phân bổ và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tương ứng với phí bảo hiểm được hưởng.

(iii) Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

(iv) Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.17 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm, chi phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

(ii) Nhận tái bảo hiểm (tiếp theo)

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- ▶ Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- ▶ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- ▶ Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm, chi phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính chủ yếu được thực hiện dựa trên giả định định tính về các yếu tố chưa xác định. Do đó, kết quả thực tế có thể sẽ khác dẫn tới việc số liệu dự phòng có thể phải sửa đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền mặt tại quỹ	827.518.903	519.564.735
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.864.491.485	41.699.708.393
Tiền đang chuyển	20.201.777.613	7.500.743.739
Tương đương tiền (*)	176.000.000.000	95.500.000.000
Tổng cộng	<u>234.893.788.001</u>	<u>145.220.016.867</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi với lãi suất từ 4% đến 5.1%.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Chứng khoán kinh doanh	5.1		
Cổ phiếu niêm yết		73.964.516.858	67.187.909.716
Cổ phiếu chưa niêm yết		2.465.143.000	5.438.143.000
		<u>76.429.659.858</u>	<u>72.626.052.716</u>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		<u>(5.130.581.575)</u>	<u>(3.132.892.068)</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2		
Ngắn hạn		1.762.000.000.000	1.012.000.000.000
- Tiền gửi		1.762.000.000.000	962.000.000.000
- Trái phiếu		-	50.000.000.000
Dài hạn		440.939.500.000	80.000.000.000
- Tiền gửi		207.500.000.000	-
- Trái phiếu		233.439.500.000	80.000.000.000
		<u>2.202.939.500.000</u>	<u>1.092.000.000.000</u>
Đầu tư tài chính khác	5.3		
Đầu tư vào công ty con		34.660.020.000	34.660.020.000
Đầu tư vào đơn vị khác		125.946.505.000	126.090.000.000
Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16.755.601.931)	(16.557.847.837)
		<u>143.850.923.069</u>	<u>144.192.172.163</u>
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính		<u>2.418.089.501.352</u>	<u>1.305.685.332.811</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	Số cuối năm			Số đầu năm			Giá trị ghi số
		Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số	
Cổ phiếu niêm yết	3.091.580	73.964.516.858	(4.968.581.575)	68.995.935.283	3.221.947	67.187.909.716	(2.970.892.068)	64.217.017.648
VNR	1.080.010	13.792.403.293	-	13.792.403.293	1.267.110	16.181.794.140	-	16.181.794.140
HCM	-	-	-	-	251.697	9.507.668.437	(1.654.722.037)	7.852.946.400
FPT	526.380	23.727.530.990	-	23.727.530.990	156.300	7.863.352.668	(360.952.668)	7.502.400.000
REE	203.500	5.836.629.577	(708.429.577)	5.128.200.000	159.500	4.604.834.660	(106.934.652)	4.497.900.008
VCG	-	-	-	-	257.700	3.700.923.070	(479.673.070)	3.221.250.000
TCM	433.660	15.620.388.497	(2.263.660.497)	13.356.728.000	242.950	7.999.727.978	(225.327.978)	7.774.400.000
KBC	641.230	9.997.123.045	(1.597.010.045)	8.400.113.000	601.000	9.329.852.100	-	9.329.852.100
SSI	206.800	4.990.441.456	(399.481.456)	4.590.960.000	285.690	7.999.756.663	(143.281.663)	7.856.475.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	275.449	2.465.143.000	(162.000.000)	2.303.143.000	371.849	5.438.143.000	(162.000.000)	5.276.143.000
HDB	235.449	1.648.143.000	-	1.648.143.000	235.449	1.648.143.000	-	1.648.143.000
SABECO	-	-	-	-	100.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
VIDIFA	18.000	477.000.000	(162.000.000)	315.000.000	14.400	450.000.000	(162.000.000)	288.000.000
VTEC	22.000	340.000.000	-	340.000.000	22.000	340.000.000	-	340.000.000
	3.367.029	76.429.659.858	(5.130.581.575)	71.299.078.283	3.593.796	72.626.052.716	(3.132.892.068)	69.493.160.648

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi (*)	1.762.000.000.000	1.762.000.000.000	962.000.000.000	962.000.000.000
Trái phiếu (**)	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
	1.762.000.000.000	1.762.000.000.000	1.012.000.000.000	1.012.000.000.000
Dài hạn				
Tiền gửi (**)	207.500.000.000	207.500.000.000	-	-
Trái phiếu (***)	233.439.500.000	233.439.500.000	80.000.000.000	80.000.000.000
	440.939.500.000	440.939.500.000	80.000.000.000	80.000.000.000
	2.202.939.500.000	2.202.939.500.000	1.092.000.000.000	1.092.000.000.000

(*) Các hợp đồng tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam có thời hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (01) năm với mức lãi suất từ 4,8% - 7%.

(**) Các hợp đồng tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam tại các TCTD có thời gian đáo hạn trên một (01) năm với mức lãi suất từ 6,4% - 6,9%.

(***) Các trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh và trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng có lãi suất từ 8,3%/năm đến 11%/năm và kỳ hạn từ 02 năm đến 05 năm

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác

	% sở hữu	Số cuối năm		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	Số đầu năm		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
		Giá gốc	Dự phòng					Giá gốc	Dự phòng			
Đầu tư vào công ty con												
Công ty liên doanh Bảo hiểm Lào Việt	65%	34.660.020.000	-	34.660.020.000	-	34.660.020.000	65%	34.660.020.000	-	34.660.020.000	-	34.660.020.000
		34.660.020.000	-	34.660.020.000	-	34.660.020.000		34.660.020.000	-	34.660.020.000	-	34.660.020.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác												
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	4,22%	25.946.505.000	(16.755.601.931)	9.190.903.069		9.190.903.069	4,24%	26.090.000.000	(16.557.847.837)			9.532.152.163
Công ty bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife	5%	50.000.000.000	-	50.000.000.000		50.000.000.000	5%	50.000.000.000	-			50.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	5%	50.000.000.000	-	50.000.000.000		50.000.000.000	5%	50.000.000.000	-			50.000.000.000
		125.946.505.000	(16.755.601.931)	109.190.903.069		109.190.903.069		126.090.000.000	(16.557.847.837)			109.532.152.163
		160.606.525.000	(16.755.601.931)	143.850.923.069		143.850.923.069		160.750.020.000	(16.557.847.837)			144.192.172.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	71.619.655.785	78.094.202.649
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	113.202.884.103	60.482.194.155
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	102.701.388.551	121.540.133.143
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	299.739.409	136.987.365
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	6.247.258.024	6.511.554.353
<i>Trong đó:</i>		
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	2.394.142.043	-
- Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Quân đội	799.891.326	-
- Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Xuân Thành	623.733.940	-
	294.070.925.872	266.765.071.665
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.551.758.776	1.854.102.733
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu cổ tức	-	89.676.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	43.730.079.158	41.526.888.886
Phải thu lãi trái phiếu	8.857.153.729	4.776.917.808
Tạm ứng (*)	2.996.694.839	4.318.902.281
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	675.800.000	580.800.000
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn khác	1.749.072.083	1.780.395.293
Phải thu khác	3.851.084.265	4.943.670.520
	61.859.884.074	58.017.250.788
Tổng cộng các khoản phải thu	357.482.568.722	326.636.425.186
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	<u>(14.306.851.001)</u>	<u>(19.758.882.301)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	343.175.717.721	306.877.542.885

(*) Đây là các khoản tạm ứng công tác phí, khai thác và các khoản tạm ứng khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh.

7. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỐ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	42.565.932.167	-
Phát sinh trong năm	88.896.395.014	79.079.171.334
Phân bổ vào chi phí trong năm	<u>(76.587.471.334)</u>	<u>(36.513.239.167)</u>
Số dư cuối năm	54.874.855.847	42.565.932.167

8. KÝ QUỸ BẢO HIỂM

Tổng Công ty đã thực hiện ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định tương đương 6 tỷ đồng Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	2.300.000.000	2.799.098.436	34.897.997.205	52.727.273	230.309.854	40.280.132.768
Tăng trong năm	-	398.916.546	11.426.551.818	71.680.000	165.694.273	12.062.842.637
Mua mới	-	398.916.546	11.426.551.818	71.680.000	165.694.273	12.062.842.637
Số cuối năm	2.300.000.000	3.198.014.982	46.324.549.023	124.407.273	396.004.127	52.342.975.405
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	(260.666.678)	(2.219.141.601)	(23.456.415.165)	(5.888.155)	(126.427.444)	(26.068.539.043)
Tăng trong năm	(92.000.004)	(270.392.263)	(3.242.915.788)	(30.220.574)	(89.767.123)	(3.725.295.752)
Khấu hao trong năm	(92.000.004)	(270.392.263)	(3.242.915.788)	(30.220.574)	(89.767.123)	(3.725.295.752)
Số cuối năm	(352.666.682)	(2.489.533.864)	(26.699.330.953)	(36.108.729)	(216.194.567)	(29.793.834.785)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.039.333.322	579.956.835	11.441.582.040	46.839.118	103.882.410	14.211.593.725
Số cuối năm	1.947.333.318	708.481.118	19.625.218.070	88.298.544	179.809.560	22.549.140.610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>	<i>TSCĐ vô hình khác VND</i>	<i>Quyền sử dụng đất VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	106.599.125	-	6.500.000.000	6.606.599.125
Mua mới	63.000.000	70.000.000	-	133.000.000
Số cuối năm	169.599.125	70.000.000	6.500.000.000	6.739.599.125
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	(69.886.169)	-	-	(69.886.169)
Khấu hao trong năm	(38.715.059)	(12.703.701)	-	(51.418.760)
Số cuối năm	(108.601.228)	(12.703.701)	-	(121.304.929)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	36.712.956	-	6.500.000.000	6.536.712.956
Số cuối năm	60.997.897	57.296.299	6.500.000.000	6.618.294.196

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các tài sản được phân loại lại do không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC, khoản chi phí sửa chữa văn phòng của một số Công ty thành viên và phân bổ công cụ dụng cụ có thời gian sử dụng trên 1 năm.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	260.036.147.418	271.999.981.428
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	210.402.477.125	225.935.095.075
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	4.118.425.925	5.784.551.571
<i>Trong đó:</i>		
- Tổng Công ty Bảo hiểm dầu khí Việt Nam	626.033.948	-
- Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam	795.974.479	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	661.159.526	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	515.441.903	-
Phải trả bồi thường bảo hiểm	19.552.044.087	10.073.891.721
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	10.598.565.678	13.527.377.768
Phải trả cho hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XOL)	15.304.634.603	16.663.426.845
Phải trả khác về hợp đồng bảo hiểm	60.000.000	15.638.448
Phải trả khác cho người bán	206.724.063	18.582.817
Phải trả khác	206.724.063	18.582.817
	260.242.871.481	272.018.564.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	8.205.372.495	64.096.018.321	(66.337.864.317)	5.963.526.499
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.818.090.386	17.188.034.167	(25.173.329.488)	3.832.795.065
Thuế khác	6.598.395.629	9.577.335.464	(12.750.615.033)	3.425.116.060
Tổng cộng	26.621.858.510	90.861.387.952	(104.261.808.838)	13.221.437.624

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ trách nhiệm dân sự bắt buộc	967.853.068	829.535.849
Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	2.593.523.252	1.994.971.439
Quỹ cháy nổ bắt buộc	907.032.135	466.421.912
Các chi phí phải trả khác	9.789.563.642	11.013.781.099
Tổng cộng	14.257.972.097	14.304.710.299

15. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng bao gồm các khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	42.201.089.205	-
Phát sinh trong năm	97.721.172.972	76.048.901.458
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(72.767.114.814)	(33.847.812.253)
Số dư cuối năm	67.155.147.363	42.201.089.205

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả ngắn hạn khác	28.947.438.009	11.702.220.027
Các khoản phải trả ngoài lương	150.278.937	468.952.905
Ký quỹ ngắn hạn	22.588.171.437	2.754.576.068
Các quỹ từ thiện	54.822.292	275.984.859
Phải trả về cổ tức	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.154.165.343	8.202.706.195
Phải trả dài hạn khác	2.730.570.343	2.554.754.614
Nhận ký quỹ, ký cược	2.730.570.343	2.554.754.614
	31.678.008.352	14.256.974.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

17.1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường

	<i>Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái</i>	<i>Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (tài sản tái bảo hiểm)</i>	<i>Dự phòng bảo hiểm thuần</i>
Số đầu năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	569.832.186.917	(214.312.202.132)	355.519.984.785
Dự phòng bồi thường	454.224.711.072	(343.373.625.591)	110.851.085.481
Tổng cộng	1.024.056.897.989	(557.685.827.723)	466.371.070.266
Số cuối năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	759.915.619.653	(277.659.988.399)	482.255.631.254
Dự phòng bồi thường	470.722.803.331	(324.845.010.547)	145.877.792.784
Tổng cộng	1.230.638.422.984	(602.504.998.946)	628.133.424.038

17.1.1 Dự phòng phí

Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	104.013.604.120	72.135.932.604
Tài sản và thiệt hại	277.676.794.734	220.198.548.253
Hàng hoá vận chuyển	16.889.280.674	6.049.082.720
Xe cơ giới	252.878.899.025	188.321.509.768
Cháy nổ	73.597.723.500	59.960.054.386
Trách nhiệm	5.526.498.079	5.242.212.597
Thiệt hại kinh doanh	2.349.840.226	3.468.036.883
Hàng không	1.010.431.508	1.339.469.250
Thân tàu và TNDS chủ tàu	18.240.427.917	10.453.933.859
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	3.214.491.115	2.303.016.020
Nông nghiệp	4.517.628.755	360.390.577
Tổng cộng	759.915.619.653	569.832.186.917

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Tài sản tái bảo hiểm)

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	468.063.790	234.187.245
Tài sản và thiệt hại	202.134.969.094	159.364.635.176
Hàng hoá vận chuyển	12.957.589.355	4.079.162.521
Xe cơ giới	889.935.347	441.770.819
Cháy nổ	37.069.819.285	33.685.141.507
Trách nhiệm	3.590.774.950	3.682.681.018
Thiệt hại kinh doanh	2.150.863.377	3.257.773.694
Hàng không	720.702.925	694.436.663
Thân tàu và TNDS chủ tàu	12.663.567.247	7.066.748.986
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.436.779.107	1.463.293.455
Nông nghiệp	3.576.923.922	342.371.048
Tổng cộng	277.659.988.399	214.312.202.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

17.1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường (tiếp theo)

17.1.2 Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	10.699.955.971	3.867.039.544
Tài sản và thiệt hại	216.009.669.549	168.685.162.100
Hàng hoá vận chuyển	20.208.992.117	28.732.030.489
Xe cơ giới	38.865.056.476	27.645.333.087
Cháy nổ	87.936.823.724	57.018.863.802
Trách nhiệm	2.116.903.773	1.485.697.214
Thiệt hại kinh doanh	-	21.085.000
Hàng không	14.403.162.782	13.272.763.519
Thân tàu và TNDS chủ tàu	40.215.525.301	119.359.829.197
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	40.083.044.479	33.759.520.013
Nông nghiệp	183.669.159	377.387.107
Tổng cộng	470.722.803.331	454.224.711.072

Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Tài sản tái bảo hiểm)

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	1.453.937	-
Tài sản và thiệt hại	165.310.219.139	135.748.396.262
Hàng hoá vận chuyển	14.349.734.483	21.463.566.414
Xe cơ giới	-	5.998.019
Cháy nổ	68.219.089.884	27.120.163.084
Trách nhiệm	418.634.670	1.080.773.645
Thiệt hại kinh doanh	-	20.218.195
Hàng không	13.390.749.831	12.347.572.195
Thân tàu và TNDS chủ tàu	29.910.882.603	112.816.347.566
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	33.244.246.000	32.770.590.211
Tổng cộng	324.845.010.547	343.373.625.591

Dự phòng bồi thường bao gồm:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015. Khoản dự phòng này được trích ở mức 445.323.693.660 Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất nêu trên ước tính là 324.845.010.547 Việt Nam đồng.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015. Khoản dự phòng này được ước tính vào khoảng 25.399.109.671 Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015. Phần dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tăng trong năm là 15.255.012.209 đồng Việt Nam, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

17.2. Dự phòng dao động lớn

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Số dư đầu năm	73.456.095.413	66.290.636.865
Số trích lập thêm trong năm	9.484.097.382	7.165.458.548
Số sử dụng trong năm	<u>(11.112.024.949)</u>	<u>-</u>
Số dư cuối năm	<u>71.828.167.846</u>	<u>73.456.095.413</u>

0
-
(
T
J
Á
T
T
h
=

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	660.000.000.000	4.875.765.330	1.800.187.891	13.311.197.165	97.960.538.309	777.947.688.695
Tăng vốn trong năm	102.299.820.000	-	-	-	-	102.299.820.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	87.584.426.616	87.584.426.616
Tăng khác	-	-	-	-	1.254.106.347	1.254.106.347
Giảm khác	-	-	-	4.341.323.857	(94.578.144.856)	(90.236.820.999)
Trong đó:						
- Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.341.323.857	(4.341.323.857)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
- Trả cổ tức	-	-	-	-	(69.299.820.000)	(69.299.820.000)
- Điều chỉnh thuế TNDN và khoản thuế khác trích thiếu các năm trước	-	-	-	-	(793.7001.000)	(793.7001.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	762.299.820.000	4.875.765.330	1.800.187.891	17.652.521.022	92.220.926.416	878.849.220.659
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	762.299.820.000	4.875.765.330	1.800.187.891	17.652.521.022	92.220.926.416	878.849.220.659
Tăng do vốn góp của cổ đông chiến lược	410.469.130.000	650.689.268.032	-	-	-	1.061.158.398.032
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	93.155.362.939	93.155.362.939
Tăng khác	-	-	-	-	958.255.472	958.255.472
Giảm khác	-	-	-	4.657.768.147	(93.887.750.147)	(89.229.982.000)
- Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.657.768.147	(4.657.768.147)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
- Trả cổ tức	-	-	-	-	(76.229.982.000)	(76.229.982.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.172.768.950.000	655.565.033.362	1.800.187.891	22.310.289.169	92.446.794.680	1.944.891.255.102

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Vốn góp của Công ty mẹ	597.492.590.000	597.492.590.000
Vốn góp của Cổ đông chiến lược (Fairfax)	410.469.130.000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	164.807.230.000	164.807.230.000
Tổng cộng	<u>1.172.768.950.000</u>	<u>762.299.820.000</u>

18.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	762.299.820.000	660.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	410.469.130.000	102.299.820.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<u>1.172.768.950.000</u>	<u>762.299.820.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	<u>(76.229.982.000)</u>	<u>(69.299.820.000)</u>

18.3. Cổ phiếu

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	117.276.895	76.229.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	117.276.895	76.229.982
Cổ phiếu phổ thông	117.276.895	76.229.982
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	117.276.895	76.229.982
Cổ phiếu phổ thông	117.276.895	76.229.982
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Tổng cộng	<u>117.276.895</u>	<u>76.229.982</u>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu):	10.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Phí bảo hiểm gốc	1.281.700.341.758	992.799.770.138
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(1.057.325.536)	(754.636.599)
Phí nhận tái bảo hiểm	198.132.082.049	126.083.895.549
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(190.083.432.736)	(113.074.525.920)
Tổng cộng	<u>1.288.691.665.535</u>	<u>1.005.054.503.168</u>

19.1 Doanh thu phí bảo hiểm gốc

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Sức khỏe và tai nạn con người	154.930.798.342	117.682.093.534
Tài sản và thiệt hại	264.074.415.079	240.237.231.781
Hàng hoá vận chuyển	123.530.609.959	76.983.685.135
Xe cơ giới	476.698.208.231	360.864.482.779
Cháy nổ	156.788.215.146	123.724.523.020
Trách nhiệm	6.403.419.706	6.010.046.704
Thiệt hại kinh doanh	7.109.355.727	6.261.347.675
Hàng không	429.553.250	6.257.851.784
Thân tàu và TNDS chủ tàu	69.313.487.579	45.637.589.817
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	13.724.249.064	7.962.265.990
Nông nghiệp	7.640.704.139	424.015.320
Tổng cộng	<u>1.280.643.016.222</u>	<u>992.045.133.539</u>

19.2 Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Sức khỏe và tai nạn con người	32.828.339.696	817.634.753
Tài sản và thiệt hại	132.028.173.214	97.010.941.945
Hàng hoá vận chuyển	6.995.307.465	4.534.697.430
Xe cơ giới	1.511.617.551	824.384.008
Cháy nổ	17.835.404.500	10.957.808.911
Trách nhiệm	501.014.180	692.601.917
Thiệt hại kinh doanh	2.324.927.241	5.814.965.562
Hàng không	4.220.826.820	4.229.825.429
Thân tàu và TNDS chủ tàu	(127.305.635)	470.003.567
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	-	-
Nông nghiệp	13.777.017	731.032.027
Tổng cộng	<u>198.132.082.049</u>	<u>126.083.895.549</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	530.365.360.039	401.688.553.748
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(63.347.786.267)	(26.368.898.288)
Tổng cộng	467.017.573.772	375.319.655.460

20.1 Tổng phí nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VND	Năm trước VND
Sức khỏe và tai nạn con người	1.435.851.998	574.092.324
Tài sản và thiệt hại	250.861.432.497	200.437.502.351
Hàng hoá vận chuyển	94.089.685.887	54.751.093.742
Xe cơ giới	1.851.974.193	1.415.974.352
Cháy nổ	98.925.812.052	81.410.395.001
Trách nhiệm	3.244.059.034	3.793.215.362
Thiệt hại kinh doanh	8.328.829.113	10.914.364.004
Hàng không	3.034.870.028	8.166.845.356
Thân tàu và TNDS chủ tàu	53.131.161.107	33.825.992.012
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	9.378.859.821	5.996.264.690
Nông nghiệp	6.082.824.309	402.814.554
Tổng cộng	530.365.360.039	401.688.553.748

21. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	110.968.208.928	67.201.214.743
Hoàn hoa hồng, giảm hoa hồng	(238.907.818)	(160.091.815)
Tổng cộng	110.729.301.110	67.041.122.928

21.1 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VND	Năm trước VND
Sức khỏe và tai nạn con người	416.576.422	118.005.924
Tài sản và thiệt hại	46.725.988.531	30.046.007.389
Hàng hoá vận chuyển	22.594.983.386	14.428.699.314
Xe cơ giới	462.346.296	307.568.508
Cháy nổ	29.069.569.397	13.858.207.766
Trách nhiệm	737.441.590	543.227.826
Thiệt hại kinh doanh	2.077.686.923	2.140.773.045
Hàng không	596.572.031	441.641.631
Thân tàu và TNDS chủ tàu	6.737.880.249	4.648.558.727
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.144.953.544	500.643.178
Nông nghiệp	165.302.741	7.789.620
Tổng cộng	110.729.301.110	67.041.122.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. TÔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng chi bồi thường gốc và bồi thường nhận tái	468.165.350.277	342.644.929.219
- Chi bồi thường bảo hiểm gốc	443.808.824.662	307.616.093.398
- Sử dụng dự phòng dao động lớn	(11.112.024.949)	-
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	35.468.550.564	35.028.835.821
Các khoản thu giảm chi (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	(4.733.681.537)	(622.961.543)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(153.883.717.486)	(108.261.964.428)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	70.636.297.278	127.988.042.754
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(35.604.281.975)	(123.953.986.544)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	344.579.966.557	237.594.059.458

22.1 Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VND	Năm trước VND
Sức khỏe và tai nạn con người	57.295.474.403	32.191.999.097
Tài sản và thiệt hại	63.287.813.767	48.581.059.571
Hàng hoá vận chuyển	54.282.499.318	24.727.656.248
Xe cơ giới	192.299.853.130	135.107.844.093
Cháy nổ	40.018.032.915	37.606.904.151
Trách nhiệm	374.653.862	1.238.021.626
Thiệt hại kinh doanh	5.419.830	63.494.531
Hàng không	-	3.393.520.859
Thân tàu và TNDS chủ tàu	32.935.697.424	24.705.593.222
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	3.309.380.013	-
Tổng cộng	443.808.824.662	307.616.093.398

22.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VND	Năm trước VND
Sức khỏe và tai nạn con người	9.687.560	12.175.833
Tài sản và thiệt hại	31.802.646.043	28.500.297.592
Hàng hoá vận chuyển	1.991.330.646	2.207.955.176
Xe cơ giới	213.729.525	1.024.820.359
Cháy nổ	1.095.409.938	59.317.137
Trách nhiệm	(7.959.761)	15.476.390
Hàng không	163.132.507	923.750.421
Thân tàu và TNDS chủ tàu	6.856.158	876.600
Nông nghiệp	193.717.948	2.284.166.313
Tổng cộng	35.468.550.564	35.028.835.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. TỔNG CHI BÒI THƯỜNG BẢO HIỂM (tiếp theo)

22.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	86.480.735	111.165.963
Tài sản và thiệt hại	60.215.483.472	47.427.075.025
Hàng hoá vận chuyển	44.262.663.235	18.852.949.405
Xe cơ giới	185.220.860	315.579.057
Cháy nổ	23.015.730.635	20.403.077.121
Trách nhiệm	134.737.596	993.639.030
Thiệt hại kinh doanh	5.197.263	-
Hàng không	46.190.404	3.627.739.611
Thân tàu và TNDS chủ tàu	24.069.472.875	16.530.739.216
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.862.540.411	-
Tổng cộng	153.883.717.486	108.261.964.428

23. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Chi hoa hồng bảo hiểm	121.055.711.023	65.685.201.176
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	114.557.375	686.940.135
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	16.436.039.266	14.736.126.554
Chi đề phòng, hạn chế tổn thất	2.018.340.841	1.830.707.682
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	4.567.689.449	2.783.276.228
Chi khác (*)	248.112.581.513	175.913.041.067
Tổng cộng	392.304.919.467	261.635.292.842

(*) Chi khác bao gồm các khoản chi phí liên quan tới hoạt động khai thác bảo hiểm như: chi phí lương cho nhân viên khai thác, chi phí tiếp khách, chi phí marketing...

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.484.226.007	78.573.656.468
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	16.173.985.921	16.409.056.557
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.317.616.700	4.798.277.862
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.790.249.514	12.228.817.523
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	15.147.288.131	22.343.383.568
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	64.355.226
Tổng cộng	133.913.366.273	134.417.547.204

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lãi tiền vay	125.341.702	607.809
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	182.141.880	352.606.115
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	3.584.404.859	5.396.060.506
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.672.185.139	16.279.560.502
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.195.443.601	2.517.937.944
Chi phí tài chính khác	289.877.727	35.977.421
Tổng cộng	<u>16.049.394.908</u>	<u>24.582.750.297</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí nhân viên	113.259.782.928	102.458.949.624
Chi phí vật liệu	9.586.042.535	7.849.617.003
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.864.015.395	7.956.705.005
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.776.714.014	3.075.028.994
Thuế, phí và lệ phí	4.322.202.512	4.013.708.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.063.238.681	76.457.445.928
Trích/(hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(5.452.031.300)	4.845.810.531
Chi phí bằng tiền khác	6.056.355.609	3.305.250.147
Tổng cộng	<u>219.476.320.374</u>	<u>209.962.515.760</u>

27. THU NHẬP KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán công cụ, dụng cụ	22.970.908	13.332.273
Thu từ các khoản nợ hết nghĩa vụ	2.480.856.794	-
Thu nhập khác	797.448.357	1.497.948.481
Tổng cộng	<u>3.301.276.059</u>	<u>1.511.280.754</u>

28. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính	269.923.172	2.251.220.410
Chi phí khác	618.539.611	1.191.916.343
Tổng cộng	<u>888.462.783</u>	<u>3.443.136.753</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.328.081.366	23.922.654.508
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>17.328.081.366</u>	<u>23.922.654.508</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế;	5.403.230.281	490.291.518
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>5.403.230.281</u>	<u>490.291.518</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>22.731.311.647</u>	<u>24.412.946.026</u>

M:14 C HI NS VI TA 1/15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP (tiếp theo)

29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

Bảng đối chiếu giữa thu nhập kế toán và thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày dưới đây:

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán thuần trước thuế	115.886.674.586	111.997.372.642
Các khoản điều chỉnh tăng	10.114.444.084	10.754.477.501
Chi phí không được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế	7.250.997.660	6.452.047.901
Phạt nộp chậm thuế	269.923.172	2.307.458.161
Trích quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	2.593.523.252	1.994.971.439
Các khoản điều chỉnh giảm	(51.518.997.907)	(14.012.511.471)
Thu lãi cổ tức	(6.317.616.700)	(5.503.277.862)
Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm năm trước	(1.994.971.439)	(1.675.081.658)
Chi phí định hạng tín dụng năm trước	-	(882.683.333)
Điều chỉnh giảm lợi nhuận đã nộp thuế các năm trước	(15.826.867.403)	-
Điều chỉnh các khoản ước nhận tái trong năm	(27.373.756.921)	(5.951.468.618)
Các khoản điều chỉnh khác	(5.785.444)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	74.482.120.763	108.739.338.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính năm hiện hành	16.386.066.568	23.922.654.508
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	942.014.798	-
Tổng chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ	17.328.081.366	23.922.654.508
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	11.818.090.386	6.232.158.623
Điều chỉnh thuế TNDN phải trả theo biên bản của Thanh tra thuế	(140.047.199)	7.931.633.222
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(25.173.329.488)	(26.268.355.967)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	3.832.795.065	11.818.090.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các công ty có liên quan trong năm như sau:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Doanh thu phí bảo hiểm gốc Chi phí bồi thường Chi phí hoa hồng Doanh thu từ hoạt động tiền gửi Chi phí thuê văn phòng Phí chuyển tiền	123.320.428.431 (2.919.738.369) (7.806.451.506) 50.467.443.824 (12.766.852.558) (2.072.932.649)	75.825.693.839 (3.651.439.615) (8.457.146.532) 39.824.208.383 (11.501.352.949) (1.332.938.858)
Công ty Cho thuê Tài chính	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc Chi bồi thường bảo hiểm	271.514.729 (92.706.135)	596.414.549 (137.864.027)
Công ty Chứng khoán BIDV	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	71.520.450	30.467.051
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc Doanh thu từ hoạt động tiền gửi Chi bồi thường bảo hiểm	334.488.069 5.674.106.914 (28.645.905)	211.695.461 3.506.550.000 (234.658.600)
Công ty cổ phần đầu tư Công đoàn BIDV (BUC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc Chi bồi thường bảo hiểm	1.099.122.539 (722.313.500)	1.817.440.776 (568.676.600)
Công ty Bảo hiểm Lào Việt	Công ty con	Doanh thu phí nhận tái Chi hoa hồng nhận tái Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	62.124.891.040 (12.118.627.678) (6.701.499.728)	37.071.245.024 (7.081.805.924) (3.807.708.454)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các công ty liên quan của Tổng Công ty tại ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng như sau:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Khoản phải thu VND</i>	<i>Khoản phải trả VND</i>
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Số dư tiền gửi thanh toán	21.032.264.481	40.027.824.600
		Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV	1.705.500.000.000	440.500.000.000
		Phải thu lãi tiền gửi	31.868.129.159	14.747.526.386
		Phải thu phí bảo hiểm gốc	532.590.969	1.266.020.456
		Phải trả hoa hồng bảo hiểm	(1.404.208.351)	(1.606.985.878)
		Kỳ quỹ bảo hiểm tại BIDV	6.000.000.000	6.000.000.000
		Các khoản phong tỏa tài khoản ngân hàng	1.377.890.271	1.281.225.185
Công ty Cho thuê Tài chính I	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Phải thu phí bảo hiểm gốc	132.336.739	118.937.927
		Hoa hồng bảo hiểm	(12.417.605)	(60.398.942)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	76.000.000.000	36.000.000.000
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.046.194.444	1.584.722.222
		Hoa hồng bảo hiểm	(1.780.250)	(15.266.650)
Công ty Bảo hiểm Lào Việt	Công ty con	Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	37.358.768.706	8.921.862.197
		Phải trả bồi thường nhận tái	(5.493.336.829)	(8.380.101.674)
		Phải trả dự phòng bồi thường nhận tái	(16.258.784.443)	(22.764.371.779)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Thù lao Hội đồng Quản trị	<u>538.000.000</u>	<u>532.000.000</u>
Tổng cộng	<u>538.000.000</u>	<u>532.000.000</u>

Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Tổng Giám đốc

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lương và thưởng	5.063.506.464	4.463.361.855
Các khoản trợ cấp khác	<u>120.000.000</u>	<u>68.800.000</u>
Tổng cộng	<u>5.183.506.464</u>	<u>4.532.161.855</u>

Ngoài lương và thưởng, Ban Tổng Giám đốc không có bất kỳ lợi ích nào khác.

31. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận, tại đoạn 09, các bộ phận cần phải lập báo cáo được định nghĩa như sau:

- ▶ Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác;
- ▶ Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Theo bản chất hoạt động kinh doanh của BIC, mặc dù, Tổng Công ty có các công ty thành viên trên toàn quốc nhưng các công ty thành viên này đều hoạt động kinh doanh trên một lĩnh vực là bảo hiểm phi nhân thọ, cung cấp cùng một loại hình sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và chịu các rủi ro tương tự nhau. Hơn nữa, các công ty này đều hoạt động tại Việt Nam, trong cùng phạm vi môi trường kinh tế. Do đó, Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV không có các bộ phận cần phải lập và trình bày thông tin trong báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 28.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết hoạt động

Tổng Công ty có cam kết hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND</i>
Cam kết thuê văn phòng		
- Đến hạn trong vòng 1 năm	927.308.300	175.000.000
- Đến hạn trong 1 – 5 năm	16.565.257.911	20.489.435.314
- Đến hạn trên 5 năm	2.445.833.333	-
Tổng cộng	19.938.399.544	20.664.435.314

Thuế nhà thầu

Tổng Công ty đã tính toán và giữ lại phần thuế nhà thầu của các nhà tái cư trú tại quốc gia không có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam hoặc cư trú tại quốc gia có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam, đã gửi hồ sơ hợp lệ liên quan cho cơ quan thuế và đang chờ cơ quan thuế xem xét.

Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	110.133.583.561	108.906.611.908
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	-	-
Ngoại tệ (USD)	65.994,26	711.649,95
Ngoại tệ (EUR)	253,08	262,62
Ngoại tệ (AUD)	12.384,85	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

33.1 Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và các ủy ban. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

33.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Tổng Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

33.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công ty và tại Việt Nam và yêu cầu Tổng Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	<i>Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty (triệu VND)</i>	<i>Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)</i>	<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.617.545	265.822	609%
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	577.310	190.955	302%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

33.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

33.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Tổng Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, công ty nhận tái bảo hiểm đồng ý bồi hoàn số tiền thuộc trách nhiệm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần thuộc trách nhiệm công ty nhận tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty tham gia vào các hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Tổng Công ty và cách thức Tổng Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

34.1 Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi tổn thất được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các tổn thất tương tự. Các ước tính cho từng tổn thất được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều khoản mục ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết: được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, theo quy định của Thông tư số 125/2012/TT-BTC; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR).
- ▶ Tổng Công ty tính toán dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại theo công thức sau:

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại cho năm tài chính hiện tại	=	$\frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm nhưng chưa khiếu nại của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}$	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính trước}}$	x	$\frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính trước}}$
--	---	--	---	---	---	--	---	--

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

34.1 Rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy (tiếp theo)

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Phần lớn các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng mức trách nhiệm tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám Đốc có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

34.2 Rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Tổng Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và một số khoản đầu tư tài chính khác. Tổng Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tổng Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

34.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và trái phiếu của Tổng Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

34.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

34.2.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Tổng Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Tổng Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Tổng Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Tổng Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phân lớn các tài sản tài chính của Tổng Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ. Hầu hết các tài sản bằng ngoại tệ đều là Đô la Mỹ.

Ảnh hưởng của các thay đổi có thể xảy ra đối với báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty trong trường hợp có sự biến động về tỷ giá giữa các loại ngoại tệ và VND được trình bày trong bảng dưới đây, giả định rằng tất cả các biến khác đều không thay đổi.

<i>Biến số tăng/(giảm)</i>	<i>Ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế VND</i>	<i>Ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu VND</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
+5%	8.169.262.261	6.372.024.564
-5%	(8.169.262.261)	(6.372.024.564)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
+5%	537.822.026	419.501.181
-5%	(537.822.026)	(419.501.181)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty là 79.796.367.000 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: 79.052.044.400 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm khoảng 3.991.253.529 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: giảm 4.651.619.240 đồng Việt Nam), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng lên khoảng 3.090.120.055 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: tăng 1.943.916.601 đồng Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

34.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

34.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia vào công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu của khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đối công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, và xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đơn vị: triệu VND

	Quá hạn nhưng không suy giảm		Quá hạn và bị suy giảm		Dự phòng nợ phải thu khó đòi
	< 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	> 360 ngày	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm	2.698	1.026	3.547	14.447	11.307
Phải thu từ hoạt động tài chính	-	-	-	3.000	3.000
Tổng	2.698	1.026	3.547	17.447	14.307
Ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm	21.234	4.599	6.465	13.557	13.696
Phải thu từ hoạt động tài chính	-	-	-	3.000	3.000
Tổng	21.234	4.599	6.465	16.557	16.696

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

34.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

34.2.3 Rủi ro thanh khoản

Tổng Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Tổng Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Tổng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này.

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đáo hạn theo hợp đồng nợ tài chính trên cơ sở không chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: đồng Việt Nam

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về bảo hiểm	34.329.035.690	-	-	34.329.035.690
Phải trả về tái bảo hiểm	-	225.707.111.728	-	225.707.111.728
Chi phí phải trả	-	14.257.972.097	-	14.257.972.097
Dự phòng phải trả bồi thường	470.722.803.331	-	-	470.722.803.331
Các khoản phải trả khác	170.465.657.038	-	-	170.465.657.038
	675.517.496.059	239.965.083.825	-	915.482.579.884

Đơn vị: đồng Việt Nam

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về bảo hiểm	29.533.098.849	-	-	29.533.098.849
Phải trả về tái bảo hiểm	-	241.750.931.025	-	241.750.931.025
Chi phí phải trả	-	14.304.710.299	-	14.304.710.299
Dự phòng phải trả bồi thường	454.441.140.574	-	-	454.441.140.574
Các khoản phải trả khác	125.262.826.336	-	-	125.262.826.336
	609.237.065.759	256.055.641.324	-	865.292.707.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

► ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

► ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

► ***Các khoản cho vay và phải thu:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

► ***Tài sản sẵn sàng để bán:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

► ***Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

► ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý	
	Nguyên giá VND	Lãi dự thu/dự chi VND	Dự phòng giảm giá trị VND	Tổng VND	VND
31 tháng 12 năm 2015					
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	202.376.164.858	-	(21.886.183.506)	180.489.981.352	191.290.413.069
Có phiếu niêm yết	73.964.516.858	-	(4.968.581.575)	68.995.935.283	79.796.367.000
Có phiếu chưa niêm yết	78.411.648.000	-	(16.917.601.931)	61.494.046.069	61.494.046.069
Công ty bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu	2.512.694.509.793	51.806.177.332	(14.306.851.001)	2.550.193.836.124	2.550.193.836.124
Trái phiếu	233.439.500.000	8.857.153.729	(3.000.000.000)	239.296.653.729	239.296.653.729
Đầu tư tiền gửi	1.969.500.000.000	42.869.456.936	-	2.012.369.456.936	2.012.369.456.936
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	294.065.838.178	-	(11.306.851.001)	282.758.987.177	282.758.987.177
Các khoản phải thu khác	9.689.171.615	-	-	9.689.171.615	9.689.171.615
Ký quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	79.566.667	-	6.079.566.667	6.079.566.667
Tiền và tương đương tiền	234.893.788.001	781.055.555	-	235.674.843.556	235.674.843.556
Tổng cộng	2.949.964.462.652	52.587.232.887	(36.193.034.507)	2.966.358.661.032	2.977.159.092.749
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả cho người bán	260.242.871.481	-	-	260.242.871.481	260.242.871.481
Chi phí phải trả	14.257.972.097	-	-	14.257.972.097	14.257.972.097
Các khoản phải trả, phải nộp ngân hàng khác	31.678.008.352	-	-	31.678.008.352	31.678.008.352
Tổng cộng	306.178.851.930	-	-	306.178.851.930	306.178.851.930

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

31 tháng 12 năm 2014	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý VND
	Nguyên giá VND	Lãi dự thu/dự chi VND	Dự phòng giảm giá trị VND	
Tài sản tài chính				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	198.716.052.716	-	(19.690.739.905)	179.025.312.811
Có phiếu niêm yết	67.187.909.716	-	(2.970.892.068)	64.217.017.648
Có phiếu chưa niêm yết	81.528.143.000	-	(16.719.847.837)	64.808.295.163
Công ty bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu	1.370.741.704.947	45.935.085.863	(19.758.882.301)	1.396.917.908.509
Trái phiếu	130.000.000.000	4.776.917.808	(3.000.000.000)	131.776.917.808
Đầu tư tiền gửi	962.000.000.000	41.033.334.722	-	1.003.033.334.722
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	265.301.208.588	-	(16.758.882.301)	248.542.326.287
Các khoản phải thu khác	5.033.346.520	-	-	5.033.346.520
Tài sản ngắn hạn khác	2.361.195.293	-	-	2.361.195.293
Kỳ quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	124.833.333	-	6.124.833.333
Tài sản dài hạn khác	45.954.546	-	-	45.954.546
Tiền và tương đương tiền	145.220.016.867	368.720.831	-	145.588.737.698
Tổng cộng	1.714.677.774.530	46.303.806.694	(39.449.622.206)	1.721.531.959.018
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	271.284.029.874	-	-	271.284.029.874
Chi phí phải trả	14.304.710.299	-	-	14.304.710.299
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14.328.495.744	-	-	14.328.495.744
Tổng cộng	299.917.235.917	-	-	299.917.235.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Đối với các khoản mục này, do không đủ thông tin thị trường tích cực để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo, giá trị ghi sổ của một số khoản mục được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM được xác định dựa trên giá trị giao dịch trung bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ

Trong năm 2015, do ảnh hưởng của việc thay đổi về yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và điều chỉnh theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh, phân loại và trình bày lại một số số liệu so sánh đầu kỳ để phù hợp với cách trình bày kỳ báo cáo tài chính riêng kỳ này. Chi tiết số liệu điều chỉnh được trình bày như dưới đây:

Trích từ Bảng cân đối kế toán riêng

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 200 và điều chỉnh theo KTNV</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)</i>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.083.167.053.488	51.972.256.717	2.135.139.310.205
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.031.493.160.648	50.000.000.000	1.081.493.160.648
1. Đầu tư ngắn hạn	1.034.626.052.716	(1.034.626.052.716)	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.132.892.068)	3.132.892.068	-
1. Chứng khoán kinh doanh		72.626.052.716	72.626.052.716
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.132.892.068)	(3.132.892.068)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.012.000.000.000	1.012.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	298.733.582.234	8.143.960.651	306.877.542.885
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	265.301.208.588	1.463.863.077	266.765.071.665
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	265.301.208.588	1.463.863.077	266.765.071.665
4. Các khoản phải thu khác	51.337.153.214	(51.337.153.214)	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	-	58.017.250.788	58.017.250.788
IV. Hàng tồn kho	146.828.992	326.010.221	472.839.213
1. Hàng tồn kho	146.828.992	326.010.221	472.839.213
V. Tài sản ngắn hạn khác	49.950.643.817	(6.560.720.948)	43.389.922.869
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	42.866.113.304	119.376.626	42.985.489.930
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	42.446.555.541	119.376.626	42.565.932.167
5. Tài sản ngắn hạn khác	6.680.097.574	(6.680.097.574)	-
VI. Tài sản tái bảo hiểm	557.622.820.930	63.006.793	557.685.827.723
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	214.249.195.339	63.006.793	214.312.202.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)

Trích từ Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

KHOẢN MỤC	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 200 và điều chỉnh theo KTNN	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	303.205.839.885	(50.000.000.000)	253.205.839.885
I. Các khoản phải thu dài hạn	6.000.000.000	45.954.546	6.045.954.546
4.2. Phải thu dài hạn khác	-	45.954.546	45.954.546
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	274.192.172.163	(50.000.000.000)	224.192.172.163
3. Đầu tư dài hạn khác	256.090.000.000	(256.090.000.000)	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(16.557.847.837)	16.557.847.837	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	126.090.000.000	126.090.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(16.557.847.837)	(16.557.847.837)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	80.000.000.000	80.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	2.265.361.041	(45.954.546)	2.219.406.495
4. Tài sản dài hạn khác	45.954.546	(45.954.546)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.386.372.893.373	1.972.256.717	2.388.345.150.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)

Trích từ Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

KHOẢN MỤC	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 200 và điều chỉnh theo KTNN	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
A - NỢ PHẢI TRẢ	1.508.281.622.194	1.214.307.237	1.509.495.929.431
I. Nợ ngắn hạn	1.500.886.362.618	5.983.291.096	1.506.869.653.714
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	271.284.029.874	734.534.371	272.018.564.245
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	271.265.447.057	734.534.371	271.999.981.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	26.210.700.683	411.157.827	26.621.858.510
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	4.768.983.859	4.768.983.859
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	42.215.411.883	(14.322.678)	42.201.089.205
15. Dự phòng nghiệp vụ	1.097.430.055.685	82.937.717	1.097.512.993.402
15.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	569.539.138.918	293.047.999	569.832.186.917
15.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	454.441.140.575	(216.429.503)	454.224.711.072
15.3. Dự phòng dao động lớn	73.449.776.192	6.319.221	73.456.095.413
II. Nợ dài hạn	7.395.259.576	(4.768.983.859)	2.626.275.717
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	4.768.983.859	(4.768.983.859)	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	878.091.271.179	757.949.480	878.849.220.659
I. Vốn chủ sở hữu	878.091.271.179	757.949.480	878.849.220.659
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	91.462.976.936	757.949.480	92.220.926.416
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.386.372.893.373	1.972.256.717	2.388.345.150.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm trước (đã trình bày)	Điều chỉnh theo KTNN	Năm trước (trình bày lại)
1. Doanh thu phí bảo hiểm	1.003.665.984.251	1.388.518.917	1.005.054.503.168
- Phí bảo hiểm gốc	991.163.210.452	881.923.087	992.045.133.539
- Phí nhận tái bảo hiểm	125.284.251.720	799.643.829	126.083.895.549
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(112.781.477.921)	(293.047.999)	(113.074.525.920)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	(374.227.637.935)	(1.092.017.525)	(375.319.655.460)
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	(400.533.529.430)	(1.155.024.318)	(401.688.553.748)
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	26.305.891.495	63.006.793	26.368.898.288
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần	629.438.346.316	296.501.392	629.734.847.708
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	90.395.154.533	321.756.101	90.716.910.634
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	66.719.366.827	321.756.101	67.041.122.928
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	719.833.500.849	618.257.493	720.451.758.342
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(128.204.472.257)	216.429.503	(127.988.042.754)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm	(237.810.488.961)	216.429.503	(237.594.059.458)
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	(7.159.139.327)	(6.319.221)	(7.165.458.548)
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(261.452.644.949)	(182.647.893)	(261.635.292.842)
- Chi hoa hồng bảo hiểm	(65.502.553.283)	(182.647.893)	(65.685.201.176)
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(506.422.273.237)	27.462.389	(506.394.810.848)
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	213.411.227.612	645.719.882	214.056.947.494
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(210.288.525.981)	326.010.221	(209.962.515.760)
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	112.957.498.538	971.730.103	113.929.228.641
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.025.842.539	971.730.103	111.997.372.642
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(23.708.873.885)	(213.780.623)	(23.922.654.508)
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	86.826.477.136	757.949.480	87.584.426.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tổng Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

38. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ông Nguyễn Xuân Đông
Chuyên viên
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Kế toán trưởng



Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2016